

NGÀY 1 THÁNG 6 NĂM 1964

BACH KHOA

năm thứ tám

ĐOÀN - THÊM đề thực hiện dân chủ • ĐỖ-
TRỌNG - HUỀ đi tìm dấu vết Hùng - Vương •
LÊ - QUÝ - THÀNH **TÔN GIÁO VÀ CHÁNH**
TRỊ • NGUYỄN - VĂN - TRUNG đọc « Vũ trụ
chữ nghĩa » của J.P. Sartre • HỮU - PHƯƠNG
6 bài đoản ca • THANH - THUYỀN — LỮ-
QUỲNH — UYÊN - HÀ thơ • TRẦN - KIM-
THẠCH ích lợi của địa chất học • VŨ - HẠNH
VÀI NHẬN XÉT VỀ ĐỀ ÁN VĂN HÓA
CỦA GIÁO SƯ PHẠM - ĐÌNH - ÁI •
MỘNG - TRUNG lá thư Bruxelles • PHAN - DU
đi tìm vốn sống • HOÀNG - ĐÔNG - PHƯƠNG
vòng tay học trò • **SINH HOẠT** buổi thuyết trình
chuẩn bị đại hội văn hóa • ba cuộc nói chuyện
trong tuần lễ mừng Phật đản 2508 của Ô.Ô Nguyễn-
Đăng-Thực, Đông-Hồ, và
T.T. Thích - Minh - Châu
NGUYỄN - NGU - Í (thuật)

178



Thanh thoát

Fine
Dịu dàng

Racée
Tonique

NƯỚC HOA
NGÔI SAO
EAU
DE
COLOGNE
L'ÉTOILE



DESORMAIS FABRIQUÉE SOUS LICENCE AU VIETNAM PAR LA S^{TE} F^{ME} DES DISTILLERIES DE L. I. C. **DIC**

L'EAU DE COLOGNE "L'ÉTOILE"
EST SI BONNE QU'ELLE EST SOUVENT CONTREFAITE

Assurez-vous de l'authenticité de votre achat,
en vérifiant que la capsule inviolable
que comportent les bouteilles
d'origine sous leur bouchon à
vis est bien en place



NƯỚC HOA "NGÔI SAO"
RẤT TỐT, THƯỜNG BỊ LÀM GIÀ TẠO

Muốn tìm được thứ thiệt, khi
mua quý ngài nên đề dặt kiểm
soát lại nắp chì giữa gian
bọc ở miệng chai chính gốc
nằm phía trong nắp vặn
đỉnh ốc còn nguyên vẹn.

DIC

AIP

GIAO THÔNG NGÂN HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng chính (Siège Social)

ĐÀI BẮC — TRUNG QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghĩ (Bd de la Somme), 87

Điện thoại : 21.549 và 24.547

CHI NHÁNH CHOLON (Agence de Cholon)

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện thoại : 36.268 và 36.269

KHO HÀNG : HƯ-KHỐ và KHO THƯỜNG

(Entrepôt Frictif et Ordinaire)

300, Đại-lộ Trịnh-Minh-Thế, Khánh-hội, Saigon

Điện thoại : 20.859

Danh sách điện báo : COMMUBANK



CÁC HÃNG ĐẠI-LÝ THIẾT LẬP TRÊN CÁC THÀNH THỊ LỚN KHẮP THẾ GIỚI, CHUYÊN DOANH TẤT CẢ CÁC NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG : VÀ KIÊM DOANH CÁC NGHIỆP VỤ HƯ-KHỐ VÀ KHO THƯỜNG (ĐỂ CHO THÂN CHỦ ĐƯỢC TIỆN LỢI GỞI TRỮ HÀNG HÓA) ; VÀ CÓ TỬ BAO HIỂM CHO THUÊ, MỖI TỬ TIỀN THUÊ MỖI NĂM TỪ 300\$ TRỞ LÊN.

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIÉTÉ ANONYME FRANÇAISE

AU CAPITAL 5.300.000 FRANCS

SIÈGE SOCIAL : 74, Rue St-LAZARE — PARIS

VIET
NAM

SAIGON

AGENCE 32, Dai Lô Hàm Nghi —
Tél : 20 065, 20.066, 20 067,

BUREAUX : 178 - 180 - 182, Duong Lê.
Thanh-Tôn (Marché cen-
tral) — Tél. : 22 142
— 415 - 417 Duong Hai Bà
Trung (Tân-Dinh) — Tél. :
25.172.

CHOLON : **AGENCE** : 386, Dai - lô Đông Khanh
(Cholon) — Tél. : 36.105.

KHANH-HUNG : **AGENCE** : 23, Duong Hoang Diêu.

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE, MONTPELLIER

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG,
KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

LOCATION DE COFFRES-FORTS PAR L'AGENCE DE SAIGON
TOUTES OPÉRATIONS DE BANQUE ET DE CHANGE

Pour vos voyages par
voie aérienne ou voie maritime,



DENIS FRÈRES agréée I.A.T.A.
à votre service

REPRÉSENTANT AU VIÊT-NAM DE :

- *Pan American Airways*
- *Cathay Pacific Airways Ltd*
- *Thai Airways Company*
- *American Express*
- *United States Line*

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

HỘI NẠC DANH VỐN 5.600.000 P.L.M

Số thương mại Saigon số : 157B

Q.G.D.B. : 55.826.21.001

C.C.P. SAIGON No 27.04



TRỤ SỞ : 29, Bến Chương-Dương — SAIGON

Điện-thoại : 23.434/35/36 & 21.018 — Điện-tin : Fransibank

Chi-nhánh : Hàng lang Eden; Saigon

Điện thoại : 23.207



ĐẢM NHIỆM TẤT CẢ CÁC NGHIỆP-VỤ NGÂN HÀNG
MỞ CÁC KHOẢN TÍN DỤNG VỀ
XUẤT-CẢNG — NHẬP-CẢNG



ĐẠI - DIỆN CÁC NGÂN - HÀNG TRÊN THẾ - GIỚI

BÁCH KHOA *trong số này*

Số 178 ngày 1-6-64

ĐOÀN-THÊM đề thực hiện dân chủ	3
ĐỖ-TRỌNG-HUỆ đi tìm dấu vết Hùng-Vương	11
LÊ-QUÝ-THÀNH tôn giáo và chính trị	21
NGUYỄN-VĂN-TRUNG đọc « Vũ trụ chữ nghĩa » của J.P. Sartre	27
VŨ-HẠNH một vài nhận xét về đề án Văn hóa của G.S. Phạm-Đình-Ái	39
HỮU-PHƯƠNG 6 đoản ca (thơ)	58
THANH-THUYỀN thì thầm (thơ)	60
TRẦN-KIM-THẠCH ích lợi của địa chất học	61
UYÊN-HÀ — LỮ-QUỲNH người đi trện — sân bay buổi chiều — khởi hành (thơ)	64
MỘNG-TRUNG lá thư Bruxelles	66
PHAN-DU đi tìm vốn sống (truyện ngắn)	73
HOÀNG-ĐÔNG-PHƯƠNG vòng tay học trò (truyện dài)	83
SINH HOẠT buổi thuyết trình chuẩn bị Đại hội Văn hóa — ba cuộc nói chuyện trong tuần lễ mừng Phật đản 2508 của Ô.Ô. Nguyễn-Đặng-Thục — Đông-Hồ — T.T. Thích-Minh-Châu NGUYỄN-NGU-Í (thuật)	96

BÁCH-KHOA

những bài trong số tới

Bên lề Hiến-Pháp tương-lai : quốc

thiếu, quốc-kỳ, quốc huy ĐOÀN-THÊM

Góp ý-kiến về vấn-đề tìm prajnapiti

cho thời đại TRẦN-VĂN-TOÀN

Một hình thức xâm nhập mới của

Cộng sản ĐÀO-QUANG-HUY

Nhạc Jazz

TRẦN-VĂN-KHÊ

Cái nhìn ra Bắc của Pháp năm 1872

NGUYỄN-PHƯƠNG

Nhiễm-sắc-thẻ và di-truyền tính

VÕ-QUANG-YẾN

Loài người còn dối

VŨ-HẠNH

Một công cuộc nghiên cứu ngoại ngữ

NGUYỄN-THIẾU-NGUYỄN

Lược - khảo về tiểu - thuyết trinh-

thám Anh NGUYỄN-TRẦN-HUÂN

Giao diềm lãnh độ không gian

CÔ-LIÊU

Biện chứng pháp và nhân bản học

TRẦN-HƯƠNG-TỬ

Những xu hướng mới trong âm nhạc

TÔN-THẮT-TIỆT

Hai giờ với Ông Thư Kí đạo

BAHA'I Việt nam NGUYỄN-NGU-Í

Hai giờ với Minh-Đức - Hoài-Trình

nt

Nhận định về những mâu thuẫn trong

quyền « Lược khảo văn học » của

Nguyễn-Văn-Trung Cô PHƯƠNG-THẢO

Một ngày của Ivan (Dịch A. Sol-

jénitsyne) NGUYỄN-MINH-HOÀNG

Đụng độ (truyện ngắn)

VÕ-HỒNG

Tình yêu đất (truyện ngắn)

-nt-

Gió trên đồi (truyện ngắn)

TRÙNG-DƯƠNG

Trường hợp của Mạnh (truyện ngắn)

NGUYỄN-THỊ-THỤY-VŨ

Quê nhà (truyện ngắn)

Y-UYÊN

Vấn-đề lập-hiến

(Xin. xem B.K. số 177)

Đề thực hiện dân-chủ

DOÀN-THÊM

Một Hiến-Pháp với những đảm-bảo cần-thiết, mới chỉ hứa hẹn những quyền tự-do dân-chủ mà sự thực-thi chưa chắc được dễ dàng.

Nếu chỉ căn cứ vào các điều-khoản, thì thấy H.P. 1956 cũng vẫn tôn trọng nhân-quyền, và hơn nữa, còn đề cao nhân-vị. Nhưng thực-tế đã phản lại từ-chương (2)

Theo điều 8, chủ-quyền thuộc về toàn-dân ; rồi vào tay một vài người. Không ai có thể bị bắt bớ, giam giữ, tù đầy một cách trái phép (điều 10) không ai có thể bị tra tấn (điều 11) ; nếu quả như vậy, đã không phải lập tòa-án Cách-Mạng...

Nên sự ban-hành một văn-kiến, dù bề ngoài có tính-cách quan-trọng bậc nhất, cũng mới là một hình-thức. Còn sự hưởng-dụng ít hay nhiều tự-do, ở nước nhà, phải tùy những điều-kiện phức-tạp, nhất là

tình thế, tổ-chức, và tinh-thần pháp-trị.

* *

Tình-thế — Dưới các chế-độ dân-chủ, khi xứ sở thái-bình, những luật-lệ hạn chế tự-do khó được chấp nhận, và người dân phải được xư dụng trọn vẹn những quyền ghi trong Hiến-Pháp. Nhưng ở thời loạn thì sao ?

Theo nhiều nhà lập-hiến, khi xảy ra biến-cổ, khủng-hoảng, ngoại-xâm, hoặc quốc-nạn khác, thì sự bảo-vệ an-ninh hay độc-lập của đất nước buộc chánh-quyền phải cương-quyết cấm đoán, huy động, can thiệp mau lẹ, mặc dầu những quyết-định đặc-

(1) Cũng có một thiểu-số hiểu biết, trong đó có giáo-sư Hoa-Kỳ là O. Grant, tỏ ý lo ngại về hậu-quả H.P. 1956. Song những ý-kiến dè-dặt đã không được nhiều người chia xẻ.

biệt có thể gây thiệt-hại, hoặc đòi hỏi hy-sinh (1)

Tại VN, các chánh-quyền kế tiếp nhau từ 1948 đến ngày Cách-Mạng, đều đứng trước những thời-cuộc rối ren và những phá-hoại dưới nhiều hình-thức, trong mọi lãnh-vực. Nên mặc dầu xu-hướng hay chủ-ý khác nhau, những người lên nắm trọng-trách đều muốn có quyền mạnh, và dựa vào tình trạng chiến-tranh cùng lý-do duy-trì trật-tự để ban hành những qui-chế hoặc những biện-pháp nghiêm-ngặt : về hiệp-hội, báo-chí, tự-hội, doanh-nghiệp, vãng-lai, xuất-dương . . .

Luật-lệ thắt buộc ở các phạm-vi đó đã được chịu đựng lâu ngày, vì nhiều người thường nghĩ : trước hiểm-họa đe dọa tự-do chung, thì hãy đành quên bớt tự-do riêng, nên nhận sự chật hẹp nhất-thời, để tới một tương-lai cởi mở. Nhưng năm này qua năm khác, không-khí nặng nề vẫn bao trùm dân-gian.

Những sự hạn-chế, nếu quả thực là bất-đắc-dĩ, phải tỏ rõ tính-cách cần-thiết, được áp-dụng ngay thẳng, và tránh những phiền-nhiều không có ích gì trực-tiếp cho công-cuộc bảo vệ an-ninh : nếu chẳng như vậy, thì chỉ gây hoang-mang và công-phần.

Khốn thay, ở các thời trước, nhiều sự nghiêm-cấm hoặc nghiêm-khắc lại vô-hiệu đối với những nhân-vật hay đoàn-thể có thế-lực, cùng những phần-tử nguy-hiêm, mà chỉ có công-dụng đáng buồn là ràng buộc hạng người không biết xoay sở để tìm lối thoát, và đều có ản-ý

ngăn chặn hoạt-động của các nhóm chánh-trị đối-lập.

Ngoài ra, những quyền - hành rộng lớn, được thừa nhận để cứu vãn đại-cuộc, đã biến thành lợi-khí để xen lẫn vào những lãnh-vực không liên hệ gì đến chiến-tranh : cấm ly-dị tuy trái ngược nhân-tình, cấm thanh-niên giải quyết vấn-đề sinh-lý ngay ở những trường-hợp chẳng hại gì cho quốc-gia.. Rồi cả những đặc-quyền mà Quốc-Hội ủy cho Tổng-Thống cũ, chỉ thấy dùng vào những việc không tối-khẩn, hoặc những quyết-định thất-sách mà không ai ngăn cản được, kể cả những cường-quốc có nhiều uy-thế (2).

Bởi vậy, dư-luận chung hiện nay đòi hỏi một thể-chế rộng-rãi hơn, để các tầng lớp dân-chúng được

(1) Hiến pháp ở nhiều nước dự trù các trường hợp đó, để giao quyền hành đặc biệt cho chánh phủ ; như H.P. Đại-Hàn 1954, điều 57,64 ; - H.P. Ấn-Độ 1950, điều 123-352 ; - H.P. Nam-Dương 1950, điều 96-97-129 ; - H.P. của Pháp 1958, điều 16-38, vv..

(2) Tổng-thống cũ được Quốc Hội Lập-Hiến 1956 thừa nhận cho rất nhiều quyền, lại còn được Quốc-Hội khóa II giao toàn-quyền luôn 3 năm để đối phó với tình-trạng khẩn-trương (các đạo luật 19-10-61, 27-10-62, 22-10-63), Nhưng ngoài mấy sắc-luật về ngân-sách mà thực ra Quốc-Hội vẫn sẵn-sàng chấp thuận, một số sắc-luật khác đã được ban hành về những việc thường, hoặc việc lâu dài có thể xét theo lệ thường :

Như sự hành-nghề y-sĩ, nha-sĩ, dược-sĩ, sắc-luật 18-8-61

đầu-tư kinh-tế, s-l 14-2-63.

vệ-sinh thành-phố, s-l 6-5-63.

sát sinh gia-súc, s-l 23-3-63.

dễ thờ mà tranh đấu cho có hiệu-quả.

Song hoàn-cảnh hiện-tại với chiến-sự còn phải tiếp-tục, chưa cho phép tận hưởng những quyền-lợi của công-dân một xứ an-lạc.

Hẳn nhiều người nghĩ như vậy. Song chưa ai dám tự-hào tìm được cách nào dung hòa cho vừa phải, ước-vọng tự-do cùng nhu-cầu phòng-vệ.

Được tha hồ đi lại, tụ họp, chỉ trích chánh-quyền... tất dân vừa lòng : đối-phương còn thỏa thích hơn, vì cũng được rộng tay rộng miệng.

Về phía người hữu-trách, nếu muốn cứng rắn đề ngăn cản địch, thì dễ bị ngờ là độc-tài ; còn nếu muốn nhắm mắt bỏ qua để chiều ý dân, thì dễ xao lãng những sự đề-phòng cần-thiết.

Cho nên, trị một nước lớn nhưng yên ổn, dễ hơn là cầm quyền bầy giờ trên đất Việt-Nam. Những chánh-khách cừu-khôi trên thế-giới, ở địa-vị chúng ta, chưa chắc giải-quyết nổi vấn-đề.

Vấn-đề nan giải, là làm thế nào có một Chánh-Phủ đắc-lực mà không chuyên-chế, một Quốc-Hội đủ quyền kiểm-soát mà không trở ngại đến sự tiến-hành việc nước, khi vừa phải đương đầu, vừa phải xây dựng.

Vì thế, điểm quan-trọng nhất, ở Hiến-Pháp tương-lai, là mối tương-quan giữa Lập-Pháp và Hành-Pháp trong các nhiệm-vụ bảo-vệ dân-quyền (phần Quốc-Hội) và thực

hiện chánh-sách (phần Chánh-Phủ).

Tổ-chức thăng-bằng — Vậy cần sắp đặt thế nào cho hai Công-quyền đều hoạt động hữu-hiệu, và cộng tác trong thể quân-bình, không bên nào lấn bên nào. Xin nói ngay rằng đây là lý-tưởng khó đạt, nhưng vẫn phải nhắm, và cố lại gần được chừng nào hay chừng ấy.

Sự hữu-hiệu của Hành-Pháp hay của Lập-Pháp lệ thuộc nhiều yếu-tố nhân-sự, tài-chánh, xã-hội,.. không thể xét trong khuôn-khổ vài trang, trái lại, thường là đề-tài cho hàng trăm pho nghiên-cứu. Ở đây, chỉ xin lưu ý đến trạng-thái nào có liên-hệ trực-tiếp với sự áp-dụng điều-hòa một Hiến-Pháp dân-chủ.

Nếu muốn được việc, tuy chịu quyền kiểm-soát của Lập-Pháp, thì Hành-Pháp cần hội những điều-kiện gì ? Để tránh những sự đổ vỡ không lợi cho quốc-gia, Chánh-phủ chỉ có thể bị giải tán do sự can-thiệp của Quốc-Hội trong những trường-hợp khó xảy ra, như đã bàn ở bài trước. Song chính Hành-Pháp cũng phải lo liệu cho cơ-cấu vững, thì mới mong bền và được nhiều kết-quả.

Muốn vậy, thì ngoài sự cải-thiện các cơ-quan về mọi mặt tổ-chức và điều-hành, cần tránh một sự đáng tiếc đã từng gây hại : là xáo trộn chánh-trị với hành-chánh cùng chuyên-môn, hay đúng hơn, là chánh-trị-hóa các ngành hoạt-động, bắt đầu từ các phạm-vi cơ-mật rồi tới các địa-hạt chuyên-nghiệp.

Vì lý-do tín-cần, khá nhiều phần-tử không lành nghề, dù không được các đồng-sự nể vì, đã được đặt vào những chức-vụ đòi hỏi nhiều học-vấn và kinh-nghiệm. Cấp dưới không phục, chỉ thừa hành tác-trách ; những người đủ tư-cách, nếu được tạm giữ lại, cũng vẫn bị ngờ vực, chẳng được tỏ năng-lực, nên thành ra bất-mãn. Không những thế : công-chức thường bỏ việc chuyên-trách, vì phải học tập lý-thuyết của người cầm quyền, hoặc tham gia những công-tác không liên-quan gì tới nghề-nghiệp mà cũng chẳng hợp với khả-năng. Những nguyên-nhân vừa kể đã gây một tình-trạng chán nản, giả dối, tốn thời-giờ, mà kết-quả là sự ngưng trệ hoặc rối ren công-vụ.

Chánh-sách dẫu hay, phải có guồng máy thừa-hành chạy đều và lẹ. Vậy nên đề cho các bộ-phận giữ quy-củ mà quay theo công-dụng. Khác nào chiếc xe hơi và người vận lái : tài-xế duy-linh hay hiện-sinh, cấp-tiến hay bảo-thủ, đi đường nào chẳng nữa, thì mỗi bánh xe và mỗi phần máy vẫn phải chuyển động đúng các đòi hỏi kỹ-thuật. Bởi vậy, ở các nước tự-do tiến-tiến, đảng phái nào lên cầm quyền, cũng không muốn và không thể ép theo xu-hướng của mình, lại biết dè-dặt trong sự thay đổi nội-bộ vì lý-do chánh-trị. Họ đề cho người công-bộc tùy năng-lực ở vị-trí chuyên-nghiệp, phụng sự quốc-gia và chỉ phụng sự quốc-gia, chớ không bị ép theo một cá-nhân hay một đảng-phái.

Về phía Lập-Pháp, nhiệm-vụ kiểm-soát chỉ có thể thi hành chu đáo và hợp-lý, nếu những công-việc phải xem xét, được hiểu biết rành rẽ dưới mọi phía cạnh. Nên các kế-hoạch, chương-trình, dự-án của Hành-Pháp cần được mổ xẻ và theo dõi, do những Ủy-Ban gồm nhiều nghị-sĩ có năng-lực và kinh-nghiệm. Có bằng vai ngang sức hay hơn Hành-Pháp, mới kiểm soát nổi Hành-Pháp, nếu không thì quyền lớn cũng thành vô-dụng ; vả lại, có nắm vững các vấn-đề trọng-đại và học hỏi cho tường-tận, thì nghị-sĩ một ngày kia mới mong thành Bộ-Trưởng giỏi hay Thủ-Tướng giỏi. Nghị-trường chính là nơi đào tạo những Lloyd Georges hay Churchill của Anh, những Briand hay Herriot của Pháp, những Taft hay Kennedy của Mỹ...

Đề Quốc-Hội của ta thành trung-tâm hun đúc những nhân-tài trị nước, trước hết phải tổ chức cho các nghị-sĩ những cơ-quan nghiên-cứu và điều-tra. Những cơ-quan đó, gồm chuyên-viên mọi ngành, sẽ thu thập tài-liệu, hoặc trình bày ý-kiến, để giúp các đại-diện nhân-dân khi các vị này muốn thấu rõ vấn-đề gì phức-tạp về tài-chánh, kinh-tế, pháp-lý, hành-chánh... Các chuyên-viên có thể là những cựu công-chức lão-thành, vì đến hạn tuổi phải rời khỏi Hành-Pháp, nhưng vẫn có thể đem kinh-nghiệm mà giúp ích Lập-Pháp với tư-cách cố-vấn. Như thế, các đề-nghị và dự-án của nghị-sĩ càng xác-đáng và đầy-đủ, ít ra không kém của Hành-

Pháp ; các cuộc chất-vấn cũng sẽ khỏi vu-vơ. Nhân-viên Hành-Pháp sẽ phải thận-trọng hơn trong hành-động, vì biết rằng sự chống đỡ sẽ không còn dễ-dàng như trong bảy năm qua.

Nếu tổ chức cho thiết-thực, và nếu giá-trị hai bên được tương-đương trong thực-tế, thì mối tương-quan sẽ có tính-cách xây dựng, vì sẽ đặt trên sự hợp-tác ích-lợi cho cả Lập-Pháp lẫn Hành-Pháp. Thay vì coi nhau như đối-thủ, một bên che đậy, một bên soi mói, thì trái lại hai Công-quyền sẽ tạo nhiều dịp gặp gỡ nhau để trao đổi ý-kiến : giữa các Hội-Đồng hoặc Ủy-Ban hỗn-hợp, gồm đại-diện của Quốc-Hội và của Chánh-Phủ, các nghị-sĩ và các công-chức cao-cấp sẽ thảo luận về những vấn-đề do Lập-Pháp hay Hành-Pháp nêu ra. Như vậy, các dự-thảo luật-lệ hay đồ-án công-tác có thể đem trình Hội-Đồng để thăm dò lập-trường : nếu xem chừng gặp sự phản-đối mạnh, thì sẽ liệu sửa chữa trước khi đưa ra chánh-thức cho Quốc-Hội bàn cãi ; hoặc có thể điều-đỉnh, tương nhượng, hay rút lại ; như thế sẽ tránh được nhiều sự xung đột đáng tiếc giữa Chánh-Phủ và Quốc-Hội, không cần phải thậm thụt co kéo điều-đỉnh ngấm trong các hành-lang như ở nghị-trường nhiều nước khác. (1)

..

Tinh-thần pháp-trị — Độc-tài chuyên - chế, là do tham - vọng hay quyền lợi riêng của một người, một

nhà, hay một đảng. Dân-chủ, ngược lại, là hướng vào đại-đa-số với ý-chí phục vụ cộng - đồng. Nên hệ-trình-độ công-tâm trong tập - thể quốc-gia càng cao, thì tự-do được hưởng sẽ càng nhiều.

Công-tâm ở đây không có nghĩa vị-tha mông-mênh của bậc đạo-đức hay nhà mô-phạm, nhưng chỉ là ý-thức rõ-rệt về các quyền-lợi chung, với ý-chí tôn trọng và bảo vệ những quyền-lợi đó để có thể sống chung : như vậy cũng đã quá nhiều. Dù sao, công-tâm về phương-diện dân-quyền, sẽ thể-hiện theo hình-thái đề cao pháp-lý.

Nếu chỉ coi luật-pháp là sự ép buộc phải theo, thì mỗi khi bị lợi lộc quyến rũ, hoặc ở trường - hợp không ngại hình phạt, cá - nhân sẽ tìm mọi cách trốn tránh, hoặc tự miễn, hay còn chà đạp lên thể-lệ chung. Những hành-động phản-dân-chủ như vậy, có thể là của dân, nhưng cũng có thể là của người cầm quyền.

Cách đây mấy năm, đã có lần một thượng-cấp được trình rằng : chỉ-thị sắp ban bố, trái với một nghị-định trước. Nhưng bề trên không chịu, còn cả quyết : chính mình ký nghị-định kia, thì mình làm trái đã sao ? Song nghĩ như vậy, là

(1) Bao giờ Quốc-Hội cũng chia ra nhiều Ủy ban : Ủy-ban Tài Chánh, UB Kinh tế. UB Giáo Dục v.v... Phía Chánh Phủ thì cũng nhiều Hội Đồng hoặc Ủy ban liên bộ Ủy ban đặc biệt. Vậy có thể theo thủ tục sau : bên nào hợp, thì sẽ mời cả đại diện bên kia, Nhưng phải qui định để bắt buộc, và nguyên tắc hợp-tác cần được chấp nhận ngay trong bản văn Hiến Pháp.

tin rằng pháp-luật chỉ do ý riêng của mình. Dưới chế độ dân-chủ, và theo tinh-thần pháp - trị, thì pháp - luật phản chiếu ý-nguyên chung, dù mình có sáng-kiến nêu ra, thì cũng phải dựa vào ý-nguyên đó, hoặc nếu có quyền duyệt-ký chẳng nữa, cũng chỉ là thay mặt dân mà xác nhận ý dân, chứ đâu phải là « thừa thiên kế trị, thế thiên hành pháp » ? Ý dân đã thành luật-lệ, thì bất-cứ ai cũng phải tuân hành, nhất là người ký, vì người ký biết hơn ai hết thì phải treo gương. (1)

Cấp lãnh-đạo có tôn trọng pháp-lý, thì cấp thừa-hành ngay thẳng mới đỡ khỗ-tâm, và tư-nhân mới không còn đua nhau cầu thoát lệ chung để đòi những đặc-quyền bất-chính. Dưới các thời trước, mỗi khi viện lẽ trái lệ mà bác bỏ thỉnh-cầu này hay yêu-sách khác, nhân-viên hữu-trách trong nhiều trường-hợp, thường bị cả cấp trên lẫn các đương-sự chê rằng : chỉ làm việc máy nước, mờ quáng, bo bo luật-lệ, không biết tùy-nghĩ châm chước mềm dẻo. Khốn nỗi, mềm dẻo châm chước, làm không hợp-lệ, rồi ra ai chịu hộ trách-nhiệm trước pháp-đình hay trước dư-luận ? Mặt khác, rất nhiều người biết rằng nếu chịu khó luồn lọt và nhờ cậy thế-lực, thì dễ được khoan-miễn hoặc biệt-đãi, thành ra biết bao chuyện chạy chọt, bợ đỡ : đó là nguyên-do lớn nhất của phong-trào hối-lộ và xu-phụ, hai đại-họa của những thời dân-chủ trên giấy.

Muốn chống lại, chỉ có cách rất « gàn », rất cồ-điền nhưng rất hiệu-

nghiệm, là áp dụng luật-lệ. Nếu luật-lệ nào không hợp-lý hay không còn hợp-thời, thì phải sửa đổi, không thể phó mặc quốc - gia cho những quyết-định chủ-quan theo thuyết nhân-trị mơ hồ. Về phía công dân, chúng ta cũng nên cố nhận xét sáng suốt, đừng vì lợi riêng không thỏa mà vội oán trách thóa mạ những người có bõn-phận thi-hành pháp-luật một cách vô-tư. Nếu chưa đủ hạng người đó, thì chưa thể tiến trên đường dân-chủ, dù ta ban bố được những Hiến - Pháp hoàn - bị, hay bầu được những Quốc-Hội tự-do.

Bệnh-hoạn của chế-độ độc - tài, là sự mua chuộc cảm-tình của cá-nhân mạnh thế ; bệnh-hoạn của chế-độ đảng - trị, là sự dựa-dẫm vào vây cánh của đoàn-thể chấp quyền : ở cả hai trường - hợp, con bệnh chỉ mong thoát khỏi pháp - luật mà thỏa mãn tư - lợi. Nhưng chế-độ dân-chủ cũng phải đề phòng một bệnh-hoạn nguy-hiêm : dùng áp-lực đảng-phái mà yêu sách biệt-lệ đặc-quyền cho đảng, cho người của đảng, cho một giai-cấp.

Những nhận xét như trên, rút từ kinh - nghiệm hàng ngày trong đời sống công-cộng, vẫn nằm trong những ý-thức dân-chủ rất thông-thường, nhưng cần được phổ biến sâu rộng. Nên một nguyện - vọng tha-thiết của người tin-tưởng vào

(1) Bác sĩ Moreau, theo truyện của Wells, dạy thứ dữ một điều và nhắc lại hàng ngày : không được đồ máu. Nhưng chính bác sĩ đồ máu vì nổi cơn ghen. Các thứ dữ bảo nhau : đã dạy không được giết, nay lại giết, vậy thì giết. Và chúng xông vào giết thật.

chế-độ dân-chủ, là thấy áo đùng một chương-trình công - dân giáo-dục nhấn mạnh vào quan-niệm dân-chủ và những phương - pháp cụ thể đề bảo vệ và xử dụng dân-quyền.

Bởi cần giáo dục quần - chúng, một số người hữu - quyền trong khoảng 1948-1963, thường lý luận rằng : trình - độ còn kém, thì dân đã xử dụng thế nào được những quyền tự-do mà đòi ? nếu dập theo tổ chức chánh-quyền như ở nhiều nước tiền-tiến, thì sẽ chỉ đưa xứ sở tới chỗ rối loạn : Chắc vì thế mà tuy hứa hẹn nhiều đề vồ về dân, họ đã không muốn, hoặc không dám tỏ ra khoáng-đạt trong khi soạn thảo luật-lệ.

Song dù nghĩ thật như trên hay chỉ viện cớ, họ đã quên rằng : chính ở Mỹ, ở Pháp, ở Anh,...lý-tưởng dân-chủ vẫn phải tiếp-tục phổ-biến cho đại - chúng, không những thế, còn được đem ra thực-tập trong các đoàn-thể thanh-niên, lao-động, nông-dân v.v... Cho đến nay, 175 năm sau khi quân-chủ chuyên-chế bị lật đổ, tại Pháp, những xu-hướng độc-tại cũng chưa dứt hẳn ; huống chi là khi chủ-nghĩa bảo-hoàng còn mạnh và dân-chúng chưa thoát ly được các tập-tục phong-kiến : nhưng không phải vì thế mà cuộc đại-cách-mạng 1789 đã bị hoãn lại cho tới khi nào mức sống vật-chất và tinh-thần của dân Pháp lên cao.

Chính vì muốn đạt mục-đích này, những hạng Robespierre, Danton, Marat mới phải tranh đấu

giành lấy phương - tiện cần-thiết là tự-do dân-chủ. Và dân-chủ ở xứ nào cũng chỉ có thể thực-hiện lần lần. Nhưng phải mạnh dạn bắt đầu, và bền gan chịu đựng những bịnh-tật của dân-chủ trong thời-kỳ ấu-trì, mới mong cải thiện và tiến xa.

Hầu hết những người lớn tuổi ở Việt-Nam ngày nay, từ thuở sơ sinh, đã chịu ách thuộc-địa, nên thực ra đều khao khát tự-do ; vậy nếu chịu từ bỏ thành-kiến và hoài-nghi đối với quần-chúng, thì khi lên cầm quyền, chắc sẽ thành tâm cởi mở cho đồng-bào.

Trả lại quyền cho dân, và giúp dân thi hành đề mau tiến hóa, là một huân-công mà sử sách sẽ ghi : Trên cõi Á-Đông, chắc sẽ còn nhiều Minh-Trị Thiên-Hoàng.

Đ.T

Kỳ tới : Quốc-Thiếu, Quốc-Kỳ,
Quốc-Huy,

NHÀ MAY

TUẤN

CHUYÊN MAY ÂU PHỤC



Mode Parisienne
Texas, Blue Jeans

215A, Đường Vườn Chuối — Saigon

CÁC TRẺ SƠ SINH

VÀ TRẺ EM

NUÔI BẰNG

SỮA BỘT



Guigoz

— Mau mạp

— Ít đau

— Chóng lớn

— Khoẻ mạnh

Tổng phát hành : TRUNG VIỆT DƯỢC PHẨM CUỘC

66, GIA-LONG — SAIGON

Đi tìm dấu vết Hùng-Vương (*)

ĐỖ TRỌNG HUỆ

CÒN 6 ngày nữa là tới ngày giỗ Tồ Hùng-Vương. Tương truyền Hùng-Vương thứ nhất trị vì cách đây hơn 4000 năm. Riêng con số lớn lao đó cũng đủ gọi cho những người dễ tin nhất trong chúng ta một niềm nghi hoặc : Những vua Tồ của dân Việt quả thực đã có mặt trong lịch sử hay chỉ là sản phẩm của tưởng tượng ? Nếu bảo rằng thời gian ngắn cách, chúng ta không thể trực tiếp nhận định được sự có mặt của Hùng-Vương thì ít ra Hùng-Vương có để lại dấu vết gì không — những dấu vết, qua đó, chúng ta có thể mừng tượng được bóng hình những người đã khuất ?

Cuộc nói chuyện của chúng tôi hôm nay nhằm giải đáp phần nào cho niềm nghi hoặc đó. Chúng tôi xin cố gắng thu thập những dấu vết của Hùng-Vương trong 4 lãnh

vực : dã sử, chính sử cổ thư Trung-Quốc và di tích lịch sử.

I

Dấu vết của Hùng-Vương trong dã sử.

Các vua Việt đầu tiên để dấu vết nhiều nhất trong những truyện thần thoại truyền khẩu từ đời này qua đời khác. Những thần thoại ấy tuy có tính cách hoang đường, không phải là những chân lý lịch sử theo đúng nghĩa khoa học, nhưng đầy ý nghĩa tượng trưng và đắm trong một bầu không khí kỳ ảo, thơ mộng cũng như rất cả mọi thiên anh hùng ca của thời tiền-sử. Về sau những thần thoại ấy

(*) Dẫn văn đọc tại vụ sở Quốc-hội cũ, ngày 15-4-1964, nhân dịp dự lễ kỷ niệm Hùng-Vương.

được ghi chép trong 2 cuốn dã-sử rất được truyền tụng, soạn trong thế kỷ XIV, khoảng cuối đời Trần là :

— Việt-diện u-linh tập của Lý-Tế-Xuyên.

— Lĩnh-Nam chích-quái của Trần-Thế-Pháp.

và một pho thần tích ít người biết tới, nhan đề là «Hùng-Vương sự-tích ngọc phả cổ truyền», không rõ ai soạn và soạn từ đời nào.

Theo thần thoại, vua Đế-Minh là cháu 3 đời vua Thần - Nông bên Tàu sinh ra con trưởng là Đế-Nghi rồi đi tuần du phương Nam đến núi Ngũ-Lĩnh gặp nàng Vụ-Tiên, sinh ra Lộc-Tục. Lộc-Tục thông-minh tuấn - tú, Đế - Minh muốn truyền ngôi cho, nhưng Lộc-Tục xin nhường cho anh là Đế-Nghi. Đế-Minh bèn lập Đế-Nghi làm vua phương Bắc, phong Lộc-Tục làm vua phương Nam.

Lộc-Tục đặt tên nước là Xích-Quỷ, lấy hiệu là Kinh - Dương-Vương, tức Lạc-Dương-Vương, mở đầu họ Hồng-Bàng và là vị vua thứ nhất của dân tộc Việt. Bờ cõi Xích-Quỷ rất rộng lớn : Bắc giáp hồ Động - Đình, Nam giáp Hồ - Tôn (Chiêm-Thành), Tây giáp Ba-Thục (Tứ-Xuyên), Đông giáp biển Nam-Hải, nghĩa là gồm miền Bắc Trung-Việt, toàn bộ Bắc-Việt và các tỉnh Quảng-Đông, Quảng-Tây, Hồ-Nam và Quý-Châu ngày nay. Kinh-Dương-Vương lấy Long-Nữ, con gái vua hồ Động-đình, xây cung điện trên núi Nghĩa-Lĩnh cho nàng ở, sau sinh được một con trai tên gọi Sùng-

Lãm, tức Lạc - Long - Quân. Kinh-Dương-Vương truyền ngôi cho Lạc-Long-Quân, khai nguyên chế-độ cha truyền con nối gọi là phụ-đạo.

Lạc-Long-Quân lấy hiệu là Hùng-Hiến-Vương, đóng đô ở Phong-Châu (huyện Bạch-Hạc, tỉnh Vĩnh-Yên), nhưng thường hay đi về Thủy-phủ là nơi quê mẹ. Dân chúng có việc cần tới, chỉ kêu : «Bố ơi ! Bố đi đằng nào không về cứu chúng con?» là Lạc-Long-Quân lập tức đến ngay, linh-ứng vô cùng. Người Việt gọi cha bằng bố bắt đầu từ đó. Lạc-Long-Quân lấy bà Âu-Cơ là con gái Đế-Lai (1) sinh ra một bọc 100 trứng nở thành một trăm con trai. Khi các con khôn lớn, Lạc-Long-Quân họp quần-thần để bàn việc phong tước nhưng quần-thần đều chịu không biết làm thế nào vì 100 người đều giống nhau về sức-lực cũng như về đức hạnh. Sau phải dùng phương pháp rút thăm. Người rút trúng thăm đầu tên là Hùng-Lang được nhận là con trưởng. Người rút nhằm số trót tên là Thanh-Lang.

Lạc-Long-Quân ở ngôi 400 năm, có nhiều công kiến quốc : nào diệt trừ những loài yêu quái như Ngư-Tinh và Hồ-Tinh để cho dân được an-cư lạc-nghệp, nào dạy dân cách ăn mặc cùng những mối quan-hệ giữa cha con chồng vợ, vua tôi. Xã-hội Việt-Nam bắt đầu có trật tự, có luân thường từ đó. Một hôm Lạc-Long-Quân bảo Âu-Cơ rằng :

(1) Lĩnh-Nam chích quái chép Âu-Cơ là vợ Đế-Lai.

« Ta là loài rồng sinh trưởng ở thủy - tộc, nàng là giống tiên sinh trưởng trên núi, thủy - hòa khác nhau khó mà ở cùng nhau trường-cửu. Vậy phải ly-biệt, ta đem 50 trai về dưới Thủy-phủ, 50 trai theo nàng lên núi, nhưng dù lên núi, xuống nước, có việc vẫn cùng nghe, không được bỏ nhau. »

Âu-Cơ nghe lời, bèn chia con mà đi. Riêng người con trưởng được lưu lại Phong-Châu, nối ngôi trị nước, hiệu là Hùng-Quốc-Vương, đổi tên nước là Văn-Lang, và chia ra làm 15 bộ : Giao - Chỉ, Việt-Thường, Vũ-Ninh, Ninh-Hải, Văn - Lang, Lục - Hải, Hoài - Hoan, Cửu - Chân, Nhật - Nam, Chu-Diên, Phúc - Lộc, Dương - Tuyền, Chân-Đỉnh, Quế-Lâm, Tượng-Quận. Hùng-Quốc-Vương truyền ngôi cho con trưởng là Hùng-Hoa-Vương. Hùng-Hoa-Vương truyền cho Hùng-Hy-Vương. Hùng-Hy-Vương truyền cho Hùng-Huy - Vương. Đến đời Hùng-Huy-Vương là vua thứ 6, có giặc Ân xâm-phạm bờ cõi, tình-thế nguy ngập. Vua phải sai sứ đi khắp nước rao tìm người tài ra dẹp giặc. Trước đó ba năm, ở làng Phù-Đổng quận Vũ-Ninh (tỉnh Bắc-Ninh) có một cặp vợ chồng già hơn 60 tuổi mới sinh được đứa con trai. Ông bà rất mực yêu quý (1) nhưng đứa trẻ lớn lên chỉ nằm chớ không biết ngồi, cũng không biết nói. Gặp khi sứ giả đến làng, đứa trẻ hốt nhiên ngồi dậy, cất tiếng xin sứ-giả về tâu vua đánh cho một con ngựa sắt, một thanh kiếm và một chiếc mũ sắt cho nó đi phá giặc. Điều thỉnh-cầu

được Hùng - Vương chấp thuận. Đứa trẻ đuổi chân đứng dậy, mình cao hơn mười trượng, tuốt gươm nói lớn : « Ta là Thiên-tướng đây » rồi đội mũ sắt, nhảy lên ngựa sắt phi như bay, múa kiếm xông vào đám quân giặc, đi đến đâu, giặc tan vỡ đến đó. Đứa trẻ đuổi giết đến núi Sóc-sơn, cởi áo giáp để lại, cưỡi ngựa bay lên trời, dấu chân ngựa sắt còn lưu lại trên đá. Hùng-Huy-Vương cảm công cứu quốc, tôn gọi là Phù-Đổng Thiên-Vương, lập đền thờ tại vườn nhà cũ ở làng Phù-Đổng. Lại xây Cửu-trùng-đài và điện Kính-thiên trên núi Nghĩa-Linh, vua thường tới đó dâng hương cảm tạ trời đất đã sai Phù-Đổng Thiên-Vương xuống giúp nước đuổi ngoại-xâm.

Hùng-Huy-Vương có 22 con trai. Lo việc truyền ngôi, vua họp các con lại bảo rằng :

« Từ nay tới cuối năm, đứa nào kiếm được thức ăn ngon nhất, quý nhất để dâng cúng tiên-vương cho tròn đạo hiếu thì ta sẽ truyền ngôi cho. »

Các con, người đi săn bắn, kẻ thì chài lưới hoặc đón mua ở chợ búa, đua nhau tìm kiếm của ngon vật lạ. Riêng người con thứ chín tên là Lang-Liệu, mẹ chết lại ít tả-hữu, phân-vân suy tính mãi không biết chọn thứ gì. Một đêm mơ thấy thần-nhân dậy rằng :

« Trong trời đất không có gì quý bằng gạo vì gạo dùng để nuôi dân,

(1) Theo Ch. Patris trong Essai d'histoire d'Annam; đứa trẻ tên là Thiết Lung.

người ta ăn mãi không chán. Nếu lấy gạo nếp gói thành hình tròn để tượng trời hoặc gói thành hình vuông để tượng đất, ở trong làm nhân thật ngon ngụ ý trời đất bao hàm vạn-vật thì vua cha chắc sẽ vừa lòng. »

Lang-Liệu y theo, làm bánh tròn gọi là bánh dầy, bánh vuông gọi là bánh chưng : tới kỳ hẹn, quả nhiên được cha chấm nhất. Lang-Liệu lên nối ngôi, hiệu là Hùng-Chiêu-Vương.

Sau Hùng-Chiêu-Vương, dân Việt còn an-hưởng thái-bình trải 10 đời vua kế tiếp là :

- Hùng-Vĩ-Vương
- Hùng-Định-Vương
- Hùng-Uy-Vương (1)
- Hùng-Trình-Vương
- Hùng-Vũ-Vương
- Hùng-Việt-Vương
- Hùng-Anh-Vương
- Hùng-Triều-Vương
- Hùng-Tạo-Vương
- Hùng-Nghị-Vương

Trong khoảng thời gian từ Hùng-Quốc-Vương tới Hùng-Nghị-Vương — không biết đích xác dưới đời vua nào — có hai anh em sinh đôi tên là Cao-Tân và Cao-Lang giống nhau như hai giọt nước, mồ côi cha mẹ, chung sống và thương yêu nhau rất mực. Sau Cao-Tân lấy vợ, Cao-Lang giận anh đối xử có phần lạnh nhạt hơn xưa, bỏ nhà ra đi. Gặp một con sông lớn, không có thuyền để sang ngang, Cao-Lang ngồi khóc rồi chết, hóa thành một cây cao vút. Cao-Tân thấy mất em, đi tìm khắp nơi không gặp đến bên gốc cây gieo mình tự-tận hóa thành

một tảng đá. Đến lượt người vợ đi tìm chồng, thấy chồng đã chết cũng đập đầu chết theo, hóa thành một sợi giây leo quấn trên tảng đá. Dân làng hay tin, thương cảm, lập đền ở đó thờ ba người.

Một hôm Hùng - Vương tuần du qua đền, ghé vào nghỉ chân. Vua hỏi biết sự-tình, mới sai quân hầu hái trái cây và lá dây leo, lấy lửa nung đá làm vôi, rồi hợp cả ba thứ mà ăn thì thấy mùi vị thơm ngon, môi mép thắm đỏ. Vua truyền phổ-biến món quà mới này trong dân-gian : tục ăn trầu của dân ta khởi-thủy từ đó.

Đến vua Hùng-Vương thứ 18, hiệu là Hùng-Tuyền-Vương (2), không có con trai, chỉ sinh được hai con gái, trưởng là My-Nương (3) Tiên - Dung (4), thứ là My-Nương Ngọc-Hoa.

My - Nương Tiên - Dung 18 tuổi vẫn chưa chịu lấy chồng, chỉ thích

(1) Ngọc-phả chép Hùng Vương thứ 10 là Hùng-Uy-Vương. An-Nam Thông-Sử của Hứa-văn-Tiêu và Essai d'histoire d'Annam của Ch.Patris chép Hùng-Vương thứ 10 là Hùng-Hy-Vương. Vậy theo An-Nam Thông-Sử và Essai d'histoire d'Annam, Hùng-Vương thứ 5 và thứ 10 đều hiệu là Hy-Vương, nhưng hai chữ Hy thuộc hai bộ khác nhau.

(2) Cũng đọc là Hùng-Duyệt-Vương.

(3) My-Nương không phải là tên họ mà chỉ là một tước. Tục các đời vua Hùng gọi quan văn là Lạc-hầu, quan võ là Lạc-tướng, con trai vua là Quan-lang, con gái vua là My-nương. Vậy My-nương đồng nghĩa với danh từ Công-chúa ngày nay.

(4) Ngọc phả chép Tiên-Dung là con Hùng-Vương thứ 18. Lĩnh-Nam chính-quái chép Tiên-Dung là con Hùng-Vương thứ 5.

ngao du sơn thủy. Bấy giờ ở làng Chử-Xá có Chử-Vy-Vân, tính hạnh hiền hòa nhưng nghèo cơ cực, sinh được một con trai gọi là Chử-Đồng-Tử. Gặp lúc cháy nhà, chỉ còn một cái khố, cha con ra vào thay đổi nhau mà mặc. Chử-Vy-Vân chết, Đồng-Tử vốn người hiếu thảo, lấy khô để chôn cha, còn tự mình không có gì che thân, vừa đói vừa rét, phải đi câu cá, hề thấy thuyền buôn đi qua thì lội xuống đứng giữa giòng nước xin ăn. Một hôm đang câu, đoàn thuyền của Tiên-Dung xịch đến, Đồng-Tử thấy nghi trương cờ xí, sợ hãi ẩn thân trong bãi lau sậy, đào cát thành vũng nằm vào đó rồi lấy cát đắp lên mình. Không ngờ Tiên - Dung lại ghé thuyền vào bãi, dạo chơi rồi truyền thị tỳ vẫy màn đề tắm. Tiên-Dung dội nước, cát trôi đi, thân hình Chử-Đồng-Tử dần dần lộ ra. Tiên-Dung hỏi rõ nguồn cơn, cho là duyên trời định, mới lấy làm chồng.

Hùng-Vương biết truyện, cả giận, hạ lệnh từ con. Tiên-Dung không dám trở về Phong-Châu; vợ chồng dẫn nhau đi, trời tối không có nơi trọ, phải dừng chân giữa đường, cắm gậy xuống đất rồi úp nón lên đề tạm trú. Nửa đêm thành quách lâu đài mọc lên san sát, đủ cả màn trướng, châu ngọc quân hầu. Dân chúng quanh đó thấy thế làm kinh dị, tranh nhau đem hương hoa, ngọc thực đến dâng hiến.

Hùng-Vương nghe tin, tưởng con làm loạn bèn sai quân đi đánh, trại đóng cách Tiên-Dung một con

sông lớn. Canh ba, sóng gió nổi lên ầm ầm, thành-quách lâu-đài của Tiên-Dung trong chốc lát nhỏ bay lên trời, đất chỗ đó sụp xuống thành một cái đầm lớn, người sau gọi là đầm Nhất-dạ thăng-thiên hay vẫn tắt là đầm Nhất-dạ, hiện còn di-tích ở vùng Hưng-Yên.

Tiên-Dung đã lấy Chử-Đồng-Tử, còn lại Mỹ-nương Ngọc-Hoa, xinh đẹp tuyệt vời, vua nước Thục ở láng giềng hỏi làm vợ nhưng không ưng thuận. Sau có hai người cùng tới hỏi, Hùng-Tuyền-Vương đều ưng ý, là Sơn-Tinh, thần núi Tản-Viên và Thủy-Tinh, thần hồ Động-Đình. Để giải quyết tình trạng khó khăn.

« Nhưng có một nàng mà hai rề,
Vua cho rằng thế cũng... hơi
nhiều » (1)

Vua ước hẹn ai nạp đồ sính lễ trước sẽ gả Ngọc-Hoa cho. Sơn-Tinh tới trước, được vợ, đưa về ở núi Tản-Viên (tỉnh Sơn-Tây). Thủy-Tinh tới chậm, nổi ghen, liền dâng nước và xua các loài thủy quái đuổi đánh để đoạt người đẹp. Sơn-Tinh dùng lưới sắt chắn ngang sông để chặn quân của Thủy-Tinh, lại hóa phép làm cho núi Tản-Viên cứ theo mực nước dâng mà cao dần. Thủy-Tinh thất bại nhưng từ đó sinh ra thù oán, năm nào cũng dâng nước đánh Sơn-Tinh, gây ra thảm-họa lụt lội cho nhân dân.

Câu truyện tình đẹp như thơ của Ngọc-Hoa và Sơn-Tinh

(1) Thơ Nguyễn-Nhượng-Pháp.

không những đã gây ra lụt - lội mà còn là nguyên nhân diệt vong của họ Hồng - Bàng. Thật vậy, vua Thục hỏi Mỹ - nương không được, căm giận, khi sắp chết dặn con cháu phải báo thù. Cháu là Thục-Phán có sức mạnh lại nhiều mưu lược, đem quân sang đánh nước Văn - Lang. Hùng - Tuyền - Vương thua, thò ra huyết rồi gieo mình xuống giếng chết. Thục-Phán chiếm Văn-Lang, đổi tên là Âu-Lạc, tự lập làm vua hiệu là An-Dương-Vương, đóng đô ở Phong-Khê.

Từ Kinh-Dương-Vương lên ngôi năm nhâm-tuất, đồng thời với Đế-Nghi bên Trung-Quốc, tức là năm 2880 trước Tây-lịch kỷ nguyên đến Hùng-Tuyền-Vương mất năm quý-mão đời Chu Noãn-Vương tức là năm 258 trước Tây-lịch, họ Hồng-Bàng truyền được 18 đời vua (1) cộng 2622 năm. Tính trung-bình mỗi vua trị-vị 145 năm : điều đó không thể đúng sự thật. Các vua Hùng dạy dân phép dẫn-thủy nhập-điền (lấy nước vào ruộng) để trồng trọt, dùng dao cuốc để cấy bừa, cắt tóc ngắn để tiện vào rừng núi, xăm các hình thủy-quái lên thân mình để khi xuống nước giao-long (thường-luồng) tưởng là đồng loại mà không làm hại. Về nội-trị thì phân định tước vị : quan văn gọi là Lạc-hầu, quan võ gọi là Lạc-tướng, con trai vua gọi là Quan-lang, con gái vua gọi là Mỹ-nương. Về ngoại giao thì hai lần tìm cách thông hiếu với Trung quốc. Lần thứ nhất, dưới đời Đế-Nghiêu, Hùng-Vương sai sứ sang cống 1 con rùa thần. Lần thứ

hai dưới đời Chu - Thành - Vương lại sai sứ sang tiến một con bạch-trĩ, nhưng ngôn ngữ bất đồng, phải thông-dịch mới hiểu. Tề-tướng Chu Công-Đán trọng thưởng sứ giả, lại ban cho xe chỉ-nam (2) để biết đường về nước.

Tóm lại các vua Hùng không những có công lập quốc và khai-hóa nhân-dân mà còn có công thiết-lập những định chế chính-trị, kinh-tế, xã-hội căn-bản để phân biệt văn hóa Việt-tộc với văn-hóa Hán-tộc.

II

Dấu vết của Hùng-Vương trong chính sử.

Chúng ta đã biết theo thần thoại họ Hồng-Bàng bắt đầu từ thế kỷ thứ XXIX và mất vào thế kỷ thứ III trước Tây lịch kỷ nguyên. Thế mà phải chờ đến tận thế kỷ thứ XIII sau Tây lịch chúng ta mới có được cuốn chính sử đầu tiên : đó là cuốn Đại-Việt sử ký do Lê-Văn-Hưu soạn năm 1272 đời Trần-Thánh-Tông. Một ngàn năm trăm năm đã trôi qua, trong đó có gần một ngàn năm đô hộ của Trung-Quốc với bao cuộc chiến tranh xâm lăng và chống xâm lăng. Các vua Hùng đã tan vào bóng tối của thời

(1) Có người cho rằng đời Hồng-Bàng có 20 đời vua: 18 đời Hùng-Vương + Lạc-Long-Quân + Kinh-Dương-Vương. Thật ra chỉ có 18 đời, kể cả Lạc-Long-Quân và Kinh-Dương-Vương.

(2) Xe chỉ nam : xe có địa-bàn để chỉ phương Nam.

gian và có lẽ không còn hy vọng tìm thấy những bằng chứng cụ thể, xác thực về đời Hồng-Bàng nữa. Chắc chắn chỉ vì vậy mà Đại-Việt sử ký của Lê-Văn-Hưu chỉ chép từ đời Triệu-Đà (208 trước Tây-lịch) về sau.

Sang thế kỷ XIV xuất hiện hai cuốn Việt-sử-lược mà tác giả chưa biết là ai, và An-Nam chí lược do Lê-Tắc, một phản thần đời Trần, soạn trong khi bôn đào qua Trung-Quốc. Theo thự tự niên kỷ, Việt-sử-lược đứng sau Đại-Việt sử ký Lê-Văn-Hưu nhưng lại là cuốn sử Việt đầu tiên có ghi chép về họ Hồng-Bàng. Theo sách này, địa giới nước ta buổi đầu gồm 15 bộ : Giao-Chỉ, Việt-Thường, Vũ-Ninh, Ninh-Hải, Văn - Lang, Lục - Hải, Hoài-Hoan, Cửu-Chân, Nhật-Nam, Quận - Ninh, Gia - Ninh, Thang-Tuyền, Tân - Xương, Bình - Văn, Cửu-Đức. Đời Thành-Vương nhà Chu (1024 - 1005 trước Tây lịch) Việt-Thường sai sứ sang tiến một con bạch trĩ. Đến đời Trang-Vương (692-682 trước Tây lịch) ở bộ Gia-Ninh có người dùng ảo - thuật khuynh phục được các bộ lạc tự xưng là Hùng-Vương, đóng đô ở Văn-Lang, đặt tên nước là Văn-Lang, truyền được 18 đời đều gọi là Hùng-Vương. Cuối đời Chu, Hùng-Vương thứ 18 bị Thục-Phán diệt. Như vậy, theo Việt-sử-lược, trước thế kỷ VII trước T.L, chỉ có những bộ lạc sống tản-mác. Bắt đầu từ thế kỷ VII trước T.L, các bộ lạc ấy mới tập hợp thành quốc gia dưới sự lãnh đạo của Hùng-Vương.

Và tính từ năm đầu đời Chu Trang Vương đến năm Thục-Phán chiếm nước Văn-Lang (258 trước T.L), 18 đời Hùng-Vương đã trị vì 434 năm, trung bình mỗi vua 24 năm. Con số này hợp lý hơn con số 145 năm của dã sử.

An-Nam chí-lược vì chỉ lấy tài liệu ở thư-tịch Trung-Quốc nên phần dành cho thượng cổ thời đại quá sơ sài. Căn cứ trên sách Sử ký, Lê-Tắc xác nhận sự kiện Việt-Thường cống Chu-Thành-Vương một con chim trĩ trắng, và dẫn sách Giao-Châu ngoại vực ký : « Giao-Chỉ khi xưa chưa chia thành quận huyện thì ruộng theo nước thủy triều lên xuống mà cấy cấy gọi là Lạc-điền. Khai khẩn ruộng ấy là Lạc-dân. Trĩ dân có Lạc-Vương, giúp Lạc-Vương là Lạc-hầu, Lạc-tướng.»

Đầu thế kỷ XV, Nguyễn-Trãi viết trong cuốn Dư-địa-chí :

« Vua Lê-Thái-Tổ hỏi : Danh hiệu quốc đô xưa nay thay đổi cùng núi sông, phong tục, nhân vật ; tiên sinh nên kể lần lượt, chép rõ ràng đề trẫm theo các điều đã theo, đã viết.

Nguyễn-Trãi tâu : « Kinh-Dương-Vương dựng nước gọi là Xích-quỷ, đô ở Phong-Châu. Thục gọi nước là Âu-Lạc, đô ở Phong-Khê.

Triệu gọi nước là Nam-Việt, đô ở Phiên-Ngung. Trưng gọi nước là Hùng-Lạc, đô ở Mê-Linh.»

Đến năm 1479, đời Lê-Thánh-Tông, Ngô - sĩ - Liên soạn bộ Đại Việt sử ký toàn thư chép tỷ mỉ hơn về đời Hồng - bàng. Trong bài

tựa, ông cho biết đã lấy tài liệu ở các sách đã sử như Việt-điện u-linh tập và Lĩnh-nam chích quái. Bởi lẽ đó, với tính thận trọng đáng ca tụng ở một sử gia, ông xếp đời Hồng-Bàng vào một phần riêng mệnh danh là ngoại kỷ. Và cũng

bởi lẽ đó phần ngoại kỷ của Đại-Việt sử-ký toàn-thư tương tự như truyền thuyết. Riêng về địa giới nước Văn - Lang, Đại-Việt sử-ký toàn-thư chép tên 15 bộ có hơi khác so với Lĩnh-nam chích-quái và Việt-sử-lược :

LĨNH-NAM CHÍNH-QUÁI	VIỆT-SỬ-LƯỢC	ĐẠI-VIỆT SỬ-KÝ TOÀN-THƯ
Giao-Chỉ	Giao-Chỉ	Giao-Chỉ
Việt-Thường	Việt-Thường	Việt-Thường
Vũ-Ninh	Vũ-Ninh	Vũ-Ninh
Ninh-Hải	Ninh-Hải	Ninh-Hải
Văn-Lang	Văn-Lang	Văn-Lang
Lục-Hải	Lục-Hải	Lục-Hải
Hoài-Hoan	Hoài-Hoan	Hoài-Hoan
Cửu-Chân	Cửu-Chân	Cửu-Chân
Dương-Tuyền	Thang-Tuyền (1)	Dương-Tuyền
Nhật-Nam	Nhật-Nam	Vũ-Định
Chu-Diên	Quận-Ninh	Chu-Diên
Phúc-Lộc	Gia-Ninh	Phúc-Lộc
Chân-Định	Tân-Xương (2)	Tân-Hung
Quế-Lâm	Bình-Văn	Bình-Văn
Tượng-Quận	Cửu-Đức	Cửu-Đức

Bảng so sánh trên cho ta thấy trong tên của 15 bộ, có 9 bộ được cả 3 sách chép giống nhau, 1 bộ được Lĩnh-Nam chích-quái và Việt-sử-lược chép giống nhau, 2 bộ được Lĩnh - Nam chích quái và Đại-Việt sử-ký toàn thư chép giống

nhau, và ba bộ được Việt-sử-lược và Đại - Việt sử-ký toàn thư chép giống nhau. Sự trùng hợp đó chắc chắn không phải là ngẫu - nhiên, cũng không phải là kết quả của sự

(1) tức Dương-Tuyền

(2) tức Tân-Hung

lựa chọn theo ý riêng của mỗi tác giả như Henri - Maspero đã đề quyết. (1)

Về sau sách Khâm-định Việt-sử thông giám cương mục, chép lời chua của Nguyễn-Thiên-Túng trong Dự-địa-chí của Nguyễn-Trãi, định vị 15 bộ của Đại-Việt sử-ký toàn-thư như sau :

Giao - Chỉ : Hà-Nội, Nam-Định, Hưng-Yên, Ninh-Bình.

Việt-Thường : Quảng-Trị và một phần Quảng-Nam.

Vũ-Ninh : Bắc-Ninh.

Ninh-Hải : Quảng-yên

Văn-Lang : Vĩnh-Yên

Lục-Hải : Lạng-Sơn

Hoài-Hoan : Nghệ-An

Cửu-Chân : Thanh-Hóa

Dương-Tuyền : Hải-Dương

Vũ - Định : Thái - nguyên, Cao - Bằng.

Chu - Diên : một phần Sơn - Tây

Phúc - Lộc : một phần Sơn - Tây

Tân - Hưng : Hưng-Hóa, Tuyên-Quang

Bình-Văn : chưa biết ở đâu.

Cửu-Đức : Hà-Tĩnh

III

Dấu vết của Hùng-Vương trong cổ - thư Trung - Quốc

Bên cạnh sử sách Việt-Nam chúng ta còn thấy dấu vết Hùng - Vương

rải rác trong một số cổ thư Trung-Quốc mà nhiều học giả cho rằng có giá trị chân-xác hơn, nếu không phải là nguồn gốc của sử sách Việt-Nam. Tuy nhiên các tài liệu này rất nghèo nàn vì dưới đời Hồng-Bàng, Hán-tộc còn quanh quẩn ở lưu vực sông Hoàng-Hà và sông Dương-Tử, làm sao có thể hiểu biết trực tiếp và sâu rộng về lịch sử dân tộc ta.

Trước hết, về truyện Hùng-Vương sai sứ cống rùa thần cho Đế-Nghiêu, sách Cương-Mục Tiên-biên của Kim-Lý-Tường chép :

« Năm mậu-thân thứ năm đời Đường-Nghiêu (2357 — 2358 trước T.l) Việt - Thường - thị sang châu, dâng con rùa thần. » Sách Thông-Chí của Trịnh-Tiểu cũng xác nhận : « Về đời Đào-Đường, phương Nam có Việt-Thường-thị qua hai lần sứ-dịch sang châu, dâng con rùa thần. »

Về truyện Hùng-Vương sai sứ dâng Chu-Thành-Vương một con bạch-tri, sách Sử ký chép : « Năm tân-mão thứ sáu đời Chu-Thành-Vương (1110 trước T.l) phía nam bộ Giao-Chỉ có Việt-Thường-thị qua ba lần sứ dịch, sang dâng chim trĩ trắng. Chu-Công nói :

— Đức - trạch chưa thấm khắp phương xa, người quân-tử không nhận đồ lễ ra mắt ; chính lệnh chưa ban ra tới, người quân tử không bắt kẻ khác thần phục.

Sứ giả theo lời thông-dịch đáp :

Trong nước chúng tôi từ ba năm nay trời không mưa dầm, gió lớn, biển không động sóng, nghĩ rằng Trung-Quốc có thánh nhân cho nên sang châu.

(1) Etudes d'histoire d'Annam, trong Kỳ-yếu của trường Viễn-Đông Bác-Cổ số XVIII (1918) và Le royaume de Văn-Lang, trong tạp chí Dân Việt-Nam số 1 (1948)

Chu-công đem lễ vật cúng dâng tôn - miếu. Sứ giả không thuộc đường về, Chu-công ban cho năm cỗ xe chỉ - nam. Sứ giả dùng xe ấy theo ven biển nước Phù - Nam và Lâm - Ấp đi vừa một năm mới về đến Việt-Thường ».

Về tên các vua Hùng, sách Nam-việt - chí của Thăm-Hoài-Viễn đời Hậu-Ngụy (thế kỷ thứ V) chép : « Đất Giao-chỉ rất mực phì-nhiều, vua nước đó hiệu là Hùng-Vương ». Sách Thái-bình hoàn-vũ-ký của Nhạc-Sử đời Tống cũng dẫn lại như vậy.

Về các chức Lạc hầu, Lạc tướng, sách Giao-châu Ngoại-vực ký (thế kỷ thứ IV) chép : Xưa đất Giao-chỉ chưa chia thành quận huyện thì lãnh-thổ gồm những cánh đồng gọi là Lạc - điền theo nước thủy - triều lên xuống mà cấy bừa. Khai-khẩn Lạc - điền là Lạc-dân. Cai trị các quận huyện có Lạc-Vương, Lạc

Hầu. Ở các huyện có Lạc-tướng ». Sách Thủy-kinh-chú cũng dẫn lại như vậy.

Về việc họ Hồng - Bàng truyền được 18 đời, sách An-Nam chí của Cao-Hùng-Trung, có lẽ căn-cứ trên Giao - châu ngoại - vực ký, chép : « Giao-chỉ khi xưa chưa chia thành quận huyện, có ruộng Lạc theo nước triều lên xuống mà trồng trọt. Khai khẩn ruộng ấy là Lạc-dân. Trị dân có Lạc-Vương, giúp Lạc-Vương là Lạc-Tướng. Truyền được 18 đời ».

Về quốc-hiệu Văn-Lang và thủ-phủ Phong-Châu, các sách Thông-Điền của Đỗ-Hựu đời Đường, Thái-Bình Ngự-lãm và Thái-Bình hoàn-vũ ký đều chép : « Phong-Châu xưa là nước Văn-Lang ».

ĐỖ-TRỌNG-HUỆ

Kỳ tới : Đối chiếu dã sử, chính sử Việt-Nam và cổ thư Trung-quốc để xác định sự thực hữu của Hùng-Vương

Nhà xuất bản SÁNG TẠO

Tìm đọc

● TIẾNG HÁT TỰ LÒNG ĐẤT

DOÃN QUỐC SỸ

... Tiếng hát của trăng và sương khuya bồi hồi bốc lên tự lòng đất ghi nhận sự bất tuyệt của tình quê.

● HẸN MINH - ĐỨC HOÀI - TRINH

Những vui buồn hay ríu của một tuổi trẻ lưu đầy.

TÔN-GIÁO VÀ CHÁNH-TRỊ

LÊ-QUÝ-THÀNH

TÔI còn chưa hết kinh ngạc về câu tuyên-bố của Chánh-phủ Nguyễn-Ngọc-Thơ trước đây, thì được đọc bài « Cái nghiệp tiên thiên » của ông Hồ-Hữu-Tường (trong BK số 173) bàn về tôn giáo và chánh trị. Ai cũng biết, mấy tháng trước đây, có lần Chánh phủ Thơ đã tuyên-bố sẽ dùng các lực lượng tôn giáo để thắng Cộng sản : ông sẽ trao miền này cho đạo này, miền kia cho đạo kia. Tôi đang mừng vì cách làm chánh-trị « thi sĩ » đó đã chấm dứt cùng với Chánh phủ Thơ, ai ngờ một nhà chánh-trị như ông Hồ-Hữu-Tường cũng lặp lại một chủ trương gần như thế.

Tôi không muốn đề cập đến tương quan giữa đạo Phật và hình thức tôn giáo mà Hồ tiên sinh đề xướng lên đó. Nếu Phật-giáo bỏ con đường *giải-thoát* tinh-thần của Phật-Tổ, để đi vào con đường *giải-phóng* mà Hồ tiên sinh muốn mặc cho đạo đó, hỏi Phật giáo có còn là một tôn giáo không, hay

đã hoàn toàn bị tục-hóa thành một phong trào tranh đấu chánh trị như bất cứ đảng phái nào khác ? Không biết Phật-giáo có ưng « lập Thiên đảng trên cõi thế » như Hồ tiên-sinh đề nghị chăng ? Vấn đề thuộc thẩm quyền của các Đại-đức và các vị lãnh đạo tinh thần Phật giáo. Chúng tôi mong nghe tiếng chư vị.

Tôi chỉ muốn đề cập đến vấn đề nguyên-tắc này mà thôi : *có nên chánh-trị-hóa tôn-giáo không ?* Có nên để cho chánh trị lợi dụng tôn giáo như *vô-khí* để thực hiện những mục tiêu chánh trị không ? Khi tôi nói tôn giáo, thì xin hiểu là bất cứ tôn giáo nào.

Cách đây trên nửa năm, vụ lưu huyết ở Ruanda (Phi-Châu) đã làm thiệt mạng hơn mười ngàn người (xin lưu ý là hơn mười ngàn sinh mạng), cũng chỉ vì những đoàn-thể trong quốc gia đó không đồng ngôn ngữ nhau, và không đồng tin tưởng như nhau. Rồi

cách đây mấy tháng, dân chúng hai đoàn-thể Ấn và Hồi đã tàn sát nhau, chỉ vì một sợi râu của vị tiên-tri lập đạo (chắc gì đó đã đúng là râu của vị thánh Mahomet ? mà cho đó là râu ngài, thì có nên vì râu ngài mà giết hại hàng mấy trăm sinh linh trong một ngày như vậy chăng?). Ta ở ngoài cuộc, ta cho là đáng buồn và đáng nực cười. Là vì cái chết của người Phi-Châu và người Ấn-Độ là một cái chi trữu tượng đối với ta. Nhưng tình trạng tôn giáo ở Việt-Nam đã ra khỏi tình trạng *tôn giáo tập-thể* (religion grégaire) chưa? Chúng ta đi đạo có phải vì muốn nhờ đạo hoán-cải những tham dục của mình, để trở thành những con người đức hạnh và nhân-đạo chăng ? hay nhiều khi chỉ đi đạo vì đoàn-thể ? đi đạo để lập *vây cánh* với nhau ? Đi đạo như thế là ép đạo phải chấp nhận những tham dục của ta, và còn ép đạo phải *thần thánh hóa những dục vọng của ta* nữa : lấy uy-tín của đạo để biện-chính cho cái tham dục của ta. Lại gì người Hi-Lạp và La-Mã xưa đã thần thánh hóa tính say sưa, thói dâm dăng, thói trộm cướp : họ đã có thần Say, thần Dâm, thần Trộm v.v... Khi người ta thần thánh hóa cái chi, người ta nhắm mắt chết cho cái đó : nguồn gốc của sự *cuồng đạo* và bao nhiêu cuộc lưu-huyết là ở đây.

Cuồng đạo rất gần với *dã man*. Lịch sử cho thấy cuồng đạo bao giờ cũng dã man, cho nên có thể coi cuồng đạo và dã man cũng là một. Những cuộc « *thánh chiến* » là những cuộc tàn sát dã man nhất trong lịch sử loài người : khi người ta nhân danh thần thánh mà giết đối-phương, thì người ta chắc hai điều : một là có thần linh phù

trợ, cho nên thế nào cũng giết được đối-phương, — hai là nhờ ra mình bị đối-phương giết chết, thì mình được phúc « *tử đạo* ». Như thế làm gì mà họ chả hăng say trong việc giết đối-phương ? Ngày xưa, sau cuộc Cách Mạng Pháp, bà Roland, trước khi lên đoạn đầu đài, đã than : « *Liberté ! que de crimes on a commis en ton nom !* » *Ôi tự-do ! người ta đã nhân danh mi mà phạm bao nhiêu tội ác !* Đúng thế, khi người ta tin tưởng rằng đang phục vụ cho tự-do, thì người ta bình thản giết người cướp của « *để phụng sự tự do* ». Nói truyện ngày xưa làm chi ? Người ta ngày nay đã dơ dã-man hơn người xưa chưa ? Ước chi con cháu chúng ta sau này, nhìn vào quăng lịch sử mà chúng ta đang viết bằng hành động đây, đừng phải than rằng. « *Ôi Chúa ! ôi Phật ! nhân danh Chúa và nhân danh Phật, người ta đã phạm bao nhiêu là tội ác !* »

Cộng sản khai thác lòng tin tưởng của nhân dân để tung ra chiến trường những con người *cuồng nộ* vì căm thù tư-bản, căm thù bất công xã hội. Nhưng thiên đàng đỏ chỉ là chiếc bánh vẽ : và chúng ta thấy không ở đâu có những cuộc thanh trừng đẫm máu như trong hàng ngũ các đảng-viên Cộng-sản. Và nói chung, thì ở những nước Cộng sản, chánh quyền luôn luôn sợ những cuộc nổi dậy của quần chúng, trong khi ở những nước dân-chủ thực sự như Mỹ, Anh, Pháp và các nước tự do Âu-châu thì không có đảo-chánh mà chỉ có sự các đảng chánh trị thay nhau nắm chánh quyền và chịu trách nhiệm trước dân chúng thôi, vì *trước sau quyền vẫn là quyền của dân*

thực sự. Sở dĩ luôn luôn có nguy hiểm đảo chánh ở nơi những nước độc tài và Cộng sản, bởi vì *chính trị của Cộng sản có tính cách tôn giáo*. Nói thế không có ý nói rằng Cộng sản có tôn giáo đâu, nhưng có ý nói rằng *Cộng sản là một thứ tôn giáo* : người Cộng sản và những chánh phủ Cộng-sản tuân theo đạo-lý Mác-Lê một cách tuyệt đối như những người con đạo của các tôn giáo tuân theo đạo-lý của vị sáng lập Đạo. Nói cách khác, chính nơi những nước Cộng sản, chúng ta chứng kiến « *sự đồng-nhất của tôn giáo và chính trị* » ; cũng vì thế, những đạo-quân của Cộng sản rất giống với những đoàn quân cuồng-đạo của các cuộc thánh-chiến : chúng tự coi là những kẻ « *giải phóng* » nhân loại khỏi ách lầm than. Chúng ta có tin là chúng « *giải phóng* » không, hay chúng là những kẻ mang xiềng xích quàng lên người khác ? Người dân hề sống trong các nước Cộng sản là bị tước đoạt hết mọi quyền tự do căn bản (như tự do đi lại, tự do ngôn luận, tự do tín ngưỡng...) Vậy sao chúng không tự giải-phóng đi ?

Sở dĩ tôi nhắc đến tính cách « *thánh chiến* » của các đoàn cộng-quân tự mệnh danh là giải phóng quân, và nhắc đến chính trị đậm màu « *tôn giáo* » của các chánh-thể Cộng sản, là có ý nhắc lại những trang sử đẫm máu của thời Thập-tự-quân bên Âu-châu, khi mà tôn giáo và chính quyền hiệp nhất ở trong tay một nhóm người thống trị. Cũng như quân đội viễn chinh của Pháp, sau khi đã giết các dân thuộc địa, liền trở về giết lẫn quân nhà và giết dân chúng Pháp trong cuộc chống chánh quyền Pháp ở Algérie và chống nhóm De Gaulle ;

người Âu-Châu cũng vậy, sau khi dùng Thập-tự-quân để giết những người ngoại giáo, họ đã chứng kiến sự xung đột tàn ác giữa giáo-quyền và chánh-quyền, và mãi vài thế kỷ gần đây người ta mới được hưởng không khí thái bình và dân chủ, khi mà *hai quyền Đời và Đạo được phân biệt rõ ràng*.

Chúng ta không nên quên bài học lịch sử đó.

Cho nên sự phân biệt Đạo và Đời là bước tiến của nhân loại. Trái lại sự « *đồng nhất tôn giáo và chính trị* » phải được coi như một sự thoái hóa, trở về những ngày đen tối dã man của con người bộ lạc.

Gia-đình-trị còn đáng ghê tởm thay, phương chi *Tôn-giáo-trị* sẽ khủng khiếp chừng nào ! Kẻ thi hành chính sách gia đình trị, còn sợ sự kiểm soát và phán đoán của lương-tâm tôn-giáo. Nghĩa là họ còn có những nguyên tắc luân lý và tôn giáo chế ngự họ. Trái lại khi theo tôn giáo trị, thì người ta không còn bị kiểm soát và phán đoán bởi một uy quyền linh thiêng nào nữa : người ta có thể nhân danh tôn giáo để làm tất cả những tội ác ghê gớm mà vẫn tự cho là mình phụng sự tôn giáo. Ai cũng biết lập trường luân-lý của Cộng sản : « *Tất cả mọi phương tiện đều tốt* ». Nói thế nghĩa là, đối với người Cộng sản, dầu phải giết người, loạn luân, phụ bạc, bội ước v.v..., miễn là được mục đích thì thôi, tất cả các tội ác này đều được coi là những phương tiện tốt cả. Chúng ta có muốn thắng Cộng sản với giá đó không ? Nghĩa là chúng ta có muốn chứng kiến những tội ác do cuồng đạo và cuồng

nộ gây nên chẳng ? Nếu không, thì không nên thần thánh hóa cuộc tranh đấu của chúng ta, không nên lấy tôn giáo làm lợi khí chánh trị, bởi vì « làm chánh trị tôn giáo » là *nhất định gây bầu không khí cuồng đạo và cuồng nộ ghê tởm.*

..

Nhiều người đã nghĩ rằng có thể dùng những lực lượng tinh thần của các tôn giáo để chống Cộng. Nhiều người đã đề nghị dùng những người Công giáo di cư để chống Cộng. Nghĩ thế là muốn lợi dụng một cách bỉ ổi lòng cuồng đạo của người dân.

Nhưng cho rằng chúng ta có thể dùng những lực lượng tôn giáo đó để thắng Cộng sản đi nữa, thì cũng chỉ là cách « đánh trống lảng ». Thắng Cộng chưa phải là giải quyết vấn đề xã hội. Cho nên giả thử dùng tôn giáo mà thắng được Cộng chẳng nữa, thì cũng chỉ mới *lui* vấn đề lại mà thôi, *chưa phải là giải quyết vấn đề quốc gia*. Vấn đề căn bản vẫn là những bất công xã hội (kẻ giàu sống xa hoa, đêm ngày chỉ nghĩ cách sung sướng và lo tiêu xài vô ích ; còn người nghèo — và họ là đại đa số — thì lo bữa sáng chưa xong đã lo bữa chiều) : kẻ làm lụng cần cù, đầu tắt mặt tối suốt tháng suốt năm và suốt đời thì lại không đủ ăn ; kẻ lười lười vô học, vô nghệ, nhưng chỉ tài xiêm nịnh và luồn cúi thì lại nhà lầu xe hơi. Đảng khác, bao nhiêu công trình kiến thiết của chánh quyền trong mấy chục năm nay chỉ nhằm nâng cao đời sống của dân thành thị, cho nên đời sống ở thành thị đã cao lại càng ngày càng cao hơn,

còn 80 % dân chúng Việt-Nam sống tại thôn quê thì không mấy được chánh quyền nghĩ tới, thành thử dân quê đóng góp nặng nề mà gần như không được hưởng một chút chi của nền thịnh vượng quốc gia. Chính những bất công xã hội này là *đất tốt* để nhận *hạt giống Cộng sản*. Còn như nơi những nước đã thực thi dân chủ, như Anh, Mỹ, Pháp v.v... thì có ai sợ Cộng sản đâu ? Mặc dầu Cộng sản được tự do hoạt động, mặc dầu Cộng sản có qui-chế pháp-lý, vậy mà Cộng sản có làm được chuyện chi đâu ?

Nhận định như thế rồi tất chúng ta phải hoài nghi về bất cứ giải pháp chống Cộng nào, nếu giải pháp đó không dựa trên căn bản *dân-chủ-hóa* và *xã-hội-hóa* tất cả các sinh hoạt quốc gia, hòng chấm dứt dần dần những bất công tày trời mà chúng ta còn thấy trong xã hội Việt - Nam. Kết luận, tôi trộm nghĩ lấy tôn-giáo để giải quyết vấn đề chánh trị và xã-hội, là làm một công việc mơ hồ, giả tưởng và huyền hoặc.

Lấy nhân-dạo mà trị dân : đó là cái mộng quá đẹp. Mộng này Platon đã ôm ấp cả đời nhưng nó cũng làm ông hai lần thất bại chua cay khi ông muốn đem áp-dụng ở vương-quốc của Denis; chẳng những thất bại, mà chính bản-thân ông còn bị bán làm nô lệ, không có môn sinh chuộc cho thì ông vong mạng rồi. Mộng này Khổng-tử cũng ôm ấp cả đời, mà chu du hết Tề qua Vệ về Lỗ, ngài có thực hành được đâu ? Chánh trị là một khoa-học phức tạp, không thể dễ may rủi tùy cái *bụng nhân* của mỗi người. Vì thế mà muốn thực thi dân chủ, cần phải có *phần quyền rõ rệt* :

lập pháp, hành pháp và tư-pháp. Ba quyền này phải *độc lập*, để có đủ khả năng kiểm soát nhau và kiểm-chế lẫn nhau. Sự phân quyền còn cần thiết nơi chánh-quyền một quốc gia, như vậy, phương chi càng cần phân biệt hết sức rõ ràng hai *quyền Đạo* và *quyền Đời*, để tránh mọi hình thức cuồng đạo và độc đoán.

Phương-ngôn có câu : « Tin Đạo mà đừng tin người có Đạo ». Đạo tốt, nhưng người có Đạo chưa chắc đã tốt. Đạo thì bác ái, đạo thì từ-bi, nhưng nhìn vào cách xử sự của người ta trong thực tế, chúng ta thấy gì ? Ta có thấy Đạo ngăn cản được những người làm chánh trị để họ đừng phạm vào những tội ác chưa ? Ta có thấy Đạo cảm hãm được lòng dục của các người tu đạo, giúp họ tránh được những sự

lợi dụng và lạm dụng chưa ? Hay trái lại, chúng ta phải đau đớn nhận định rằng lòng cuồng đạo làm cho người ta hãnh diện giết lẫn nhau, chiếm của công làm của tư, làm nhiều điều ám muội, và nhất là *gây oán thù* giữa các thành-phần dân-tộc ? Khi Đạo đứng ra ngoài chánh trị thì có thể lấy sự thanh bình và minh chánh để soi sáng và giúp con người chánh trị tránh những điều tăm tối ; khi chánh-trị độc lập với tôn giáo thì có đủ tự do để từ chối những yêu-sách không hợp lý của các tôn giáo.

Tôn giáo và chánh trị : hai cái đặt riêng biệt ra, thì có thể giúp nhau và giúp ích cho con người trong xã hội. *Hai cái đó để biệt hẳn ra, là chất bổ ; hễ pha trộn với nhau, nhất định trở thành thuốc độc.*

LÊ-QUÝ-THÀNH

• SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN

DESCOURS & CABAUD

BẢO HIỂM

27-29, Đại lộ Hàm-Nghi — SAIGON

Điện-thoại : 23.739

ACCIDENT — INCENDIE — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Tai-Nạn

Hỏa-Hoạn

Hàng-Hải

Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GÉNÉRAL FRANÇAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANÉE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi ngành : PARIS — TOURANE — CHOLON — DALAT — CANTHO
VIENTIANE — HONGKONG TANANARIVE — TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

Sau khi loạt bài « TRẦM TƯ của MỘT NGƯỜI TỘI TỬ HÌNH » chấm dứt

Tôi được tòa soạn Bách-Khoa cho biết có nhiều bạn thắc mắc hai điều : một về danh từ, một về phép đếm xưa của Trung-Hoa.

Danh từ đó là *xa-thơ*, trong bài « *Tự* ». *Xa-thơ* là một danh từ ghép, đã có từ lâu trong văn chương Trung-Hoa. *Xa* là định khoảng cách giữa hai bánh xe thời xưa (hồi đời Tần-Thi-Hoàng, vì thấy dễ nhàm dân tự ý làm xe, khoảng cách giữa hai bánh không nhất định, bất tiện cho sự giao thông trên các nẻo đường, nên mới có lệnh ban ra : khoảng cách này phải nhất định). *Thơ* hay *thư* là lối viết, trước nhà Tần, người ta đặt chữ không qui củ gì hết, thừa tướng Lý-Tư mới hội các nhà bác học lại để định sáu lối viết (tức là *lục thư*). Vậy *xa-thơ* có nghĩa là đại-thống-nhất.

Có bạn cho biết, theo cuốn sách nhỏ « *Tư tưởng* » của ông Nguyễn-Phan-Tần, căn cứ theo sách Tàu, thì cách đếm của Tàu như sau : mười, trăm, ngàn, vạn, ức, triệu, kinh, hiệu, tỉ, cai, nhượng.

Nhưng theo tự điển « *Từ hải* » của Trung-Hoa, thì có hai phép « *mạng số* » (*numération*) : cách thông thường thì mỗi một đẳng (*ordre*) là mười lần lớn hơn đẳng số dưới như : một, mười, trăm, ngàn, vạn, ức, triệu... ; cách thứ hai để chỉ những số thật lớn, thì lập theo qui tắc này : đơn vị là 1, 10 lần 1 là 10, 10 lần 10 là 100, 100 lần 100 là *vạn* (10^4), *vạn* lần *vạn* là *ức* (10^8), *ức* lần *ức* là *triệu* : (10^4), triệu lần triệu là *kinh* (10^{32}), *kinh* lần *kinh* là *cai* (10^{64}), *cai* lần *cai* là *tỉ* (10^{128}), *tỉ* lần *tỉ* là *nhượng* (10^{256}), *nhượng* lần *nhượng* là *câu* (10^{512}), *câu* lần *câu* là *giản* (10^{1024}), *giản* lần *giản* là *chánh* (10^{2048}), *chánh* lần *chánh* là *tái* (10^{4096}).

Vậy, giá trị tiếng *triệu* chẳng hạn trong phép mạng số thứ nhì này khác hẳn trong phép mạng số thứ nhất.

Tiện đây, tôi xin cảm ơn các vị tư sĩ, các bạn văn đã chẳng ngại xa xôi tìm đến thăm tôi hoặc viết thư, viết bài góp ý nhân đọc loạt bài « Trầm tư » này.

HỒ-HỮU-TƯƠNG

nhà in **VĂN-HÓA**

412-414 Trần-Hưng-Đạo, Sài Gòn — Đ.T. 20.161

MỘT NHÀ IN LÂU NĂM ĐƯỢC NHIỀU TÍN NHIỆM



- ẤN LOÁT MỸ THUẬT
- CÔNG VIỆC NHANH CHÓNG, GIÁ HẠ
- CÁC GIAI PHẨM, SÁCH BÁO, CÓ GIÁ ĐẶC BIỆT

Đọc « Vũ-trụ chữ nghĩa » của J. P. SARTRE

SARTRE là con người được biết đến nhiều, nhưng lại rất ít được hiểu. Một điều đặc biệt của thời đại này là những người nổi tiếng được yêu hay bị ghét không phải do những tiếp xúc trực tiếp, nhưng qua dư luận. Biết bao nhiêu người lên án Sartre mà rất có thể chưa hề đọc một dòng tác phẩm của ông. Sự ngộ nhận càng lớn lao khi những người lên án khoác bộ áo đạo đức, nghiêm nghị, hay đeo mặt nạ nhân bản. Làm sao những người này có thể chấp nhận Sartre khi mũi dùi đã kích của Sartre chủ yếu nhằm chính họ.

Tôi vẫn cho rằng Sartre là một trong số những nhà luân lý lớn lao nhất của thế kỷ này vì ông đã thành công một cách kỳ diệu trong việc bóc móc những cái nhơ nhớp, bẩn thỉu, nhầy nhụa của con người, nhưng được che đậy bằng những lớp sơn hào nhoáng, tươi đẹp bề ngoài.

Dưới cái nhìn soi mói của Sartre,

tất cả những gì người ta vẫn coi là lương thiện, chính trực, lành thánh, quảng đại, trung thành, quan trọng đều trở thành khả nghi, rồi cuối cùng trở thành dơ tiện, lừa bịp, trò hề... Đó là một thái độ đả phá không chút kiêng nể, vượt tới mức độ cao nhất của cái phi luân hay vô luân. Nhưng chính từ sự phủ nhận tuyệt đối đó, vang dội lên một yêu sách cũng tuyệt đối, không chút nhượng bộ : *sự chân thực*, điều kiện căn bản của một luân lý đích thực.

Hầu hết những vở kịch, tiểu thuyết, cáo luận của Sartre đều nhằm tố cáo cái giả tạo, cái giả dối, lừa bịp, đóng kịch, cái mà Heidegger gọi là « Đời sống không thực ». Người hay thi ân có phải thực sự là người quảng đại, vì cho phải chăng chỉ là một cách trói buộc người khác. Người coi là hệ trọng những lễ luật, tập quán, lễ nghi phải chăng là người đạo đức, hay chẳng qua chỉ là một thằng hề sống theo những giá trị cứng nhắc do xã hội đã

ấn định. Người ta không sống thực theo bản thể của mình, nhưng chỉ giả vờ sống, nghĩa là đóng những vai trò làm cha, làm giáo sư, bộ trưởng, sinh viên, người bán hàng, người hầu bàn (1). Nhưng người ta không biết mình giả đồ, đóng vai nhân vật; trái lại tin mình thực là vai trò, nhân vật mình đóng. Người hầu bàn, phải cư xử đúng với những cử chỉ, của một người hầu bàn, vị giáo sư phải làm ra vẻ giáo sư trong cách giao thiệp với học trò; nhưng đóng mãi vai trò hầu bàn, nhân vật giáo sư, người hầu bàn, vị giáo sư rút cục tưởng mình là người hầu bàn, vị giáo sư thực, như thế việc hầu bàn, chức giáo sư là bản chất của mình.

Sartre nói họ là *ngụy tín* (*mauvaise foi*). *Ngụy tín* là tự lừa dối mà không biết. Mình vừa là kẻ đánh lừa, vừa là, người bị lừa. Mình tự lừa rồi lại tin sự lừa dối đó là thật. Sartre đã lấy một ví dụ rất tài tình để giải thích thế nào là *ngụy tín*. Đó là trường hợp người đàn bà có hẹn hò với một người đàn ông (2). Trước khi đi, nàng biết rõ những ý định của người đàn ông về buổi hẹn hò này.

Nàng hiểu thế nào rồi cũng phải đi đến một quyết định. Nhưng nàng không muốn cảm thấy sự cần thiết phải quyết định. Nàng chỉ muốn quên nó đi, tuy sự quyết định là ý nghĩa, mục đích của sự gặp gỡ.

Vì thế khi đến chỗ hẹn, ngồi bên cạnh người đàn ông, nàng giả vờ như là vấn đề phải quyết định không đặt ra và rút cục tin sự giả vờ đó là thật. Cho nên khi người đàn ông nói những lời khen nịnh hay bày tỏ

nhưng cử chỉ thân mật, thực sự chỉ là sửa soạn, nhập đề nhằm đưa tới một quyết định ưng thuận, thì với nàng lúc đó, chúng chỉ là cái nghĩa đen rõ rệt của lời nói, cử chỉ: chẳng hạn lời khen nàng đẹp, dịu hiền, với nàng, không phải nhằm đưa nàng đến chỗ quyết định ưng thuận, mà chỉ biểu lộ lòng cảm phục, kính trọng của một người đàn ông đối với nàng và do đó nàng có thể bình tâm hưởng thụ những lời ca tụng, triu mến.

Nhưng rồi người đàn ông cầm lấy bàn tay nàng. Giờ phút quyết định đã đến. Nếu để tay tức là ưng thuận, và rút ra, tức là từ chối không muốn dẫn thân vào con đường yêu đương. Tuy nhiên nếu rút tay, sẽ không được hưởng những lạc thú của sự gần gũi, đụng chạm... Vậy, nàng cứ để tay, nhưng làm như *không biết* mình để tay và *không để ý* đến « biến cố xảy ra » vì lúc đó, nàng dẫn đưa người đàn ông vào những câu chuyện thiên hạ đầu đầu, cao xa... như thế nàng chỉ là một tinh thần, còn bàn tay nàng nắm đó, ở giữa lòng bàn tay nóng hổi của người đàn ông, một bàn tay không biểu lộ sự ưng thuận cũng không bày tỏ sự phản kháng, vì nó đã trở thành một phần thân xác tách rời khỏi linh hồn, một sự vật bị quên lãng... như thế không còn có thực nữa...

Sartre gọi người đàn bà trên là *ngụy tín*. Thái độ *ngụy tín*, không có ý nghĩa luân lý nhưng bày tỏ một khía cạnh siêu hình của phận làm người. Sở

(1) Xem « *L'Être et le Néant* », đoạn mô tả người hầu bàn đóng vai hầu bàn (*le garçon de café joue à être garçon de café*, trg. 98).

(2) *L'Être et le Néant* trg. 94.

đi có thể có nguy tín là vì chính cơ cấu của ý thức mà Sartre đã dài dòng trình bày trong cuốn « l'Être et le Néant ».

Nhưng vấn đề là con người có thể thoát khỏi nguy tín không? Nói cách khác, có thể sống mà không đóng kịch không, và hơn nữa đóng kịch mà lại tin kịch là thật?

Sartre đã tập trung hết tài lực vào việc tố cáo không chút thương hại đời sống không thực, cái nguy tín bao hàm trong mọi thái độ của con người; nhưng chính Sartre có thoát khỏi đóng kịch khi tự nhận làm người phê bình cái không thực của người khác không? Và nếu Sartre thành thực trong việc phê bình đó, phải chăng Sartre cũng tự lừa dối mình, nghĩa là cũng nguy tín?

Người làm quen với sách vở của Sartre, lúc nào cũng chỉ thấy một Sartre có cái nhìn soi mói, len lỏi vào mọi ngõ ngách tối tăm, uẩn khúc của lòng người, mổ xẻ, phơi bày tất cả như một nhà khoa học tàn nhẫn, lạnh đậm, không bao giờ thấy ông có cái giọng kể lể nhất là kể lể đời mình. Cho nên, người ta không khỏi ngạc nhiên và thích thú khi cầm cuốn tự thuật nhan đề « những chữ » (1) mà khi vừa xuất bản, nhiều nhà phê bình đã coi như một tuyệt tác của thế kỷ 20 (2).

Đây là một lời thú của một người đã ngoài 50, nhìn lại thời thơ ấu của mình để chứng minh rằng cuộc đời người lớn của mình, sự nghiệp văn hóa tư tưởng của mình sở dĩ đã như thế... là vì mọi sự đã bắt đầu từ lúc sinh ra và lúc 7, 8, tuổi...

Đừng nhầm tưởng Sartre hồi tưởng thời thơ ấu với thái độ luyến tiếc một thời đẹp bằng những kỷ niệm đẹp,

êm đềm đã qua để mong hưởng lại một thứ hương vị dù chỉ là của cái đã mất.

Trái lại thế, Sartre « ghét » thời thơ ấu của mình và nhìn lại nó với con mắt của một người điều tra, muốn tìm hiểu, giải thích bằng mổ xẻ, phân tách « không chút thương hại ».

Nếu tin vào những lời tự thú của ông, người ta có thể nghĩ rằng không những các vấn đề ông nêu lên trong đủ loại tác phẩm của ông chẳng qua chỉ nhằm che giấu những khó khăn của chính đời ông, mà ngay cả sứ mệnh mà ông đảm nhiệm từ 30 năm nay phải chăng cũng chỉ là một thứ giả vờ, đóng kịch, giả vờ làm nhà văn tố cáo, đóng kịch làm nhà triết-học hiện sinh với những quan niệm trái ngược nhau về cuộc đời, vì ngay từ lúc còn 7, 8 tuổi, ông đã giả vờ làm người lớn, nhà văn trong gia đình?

Trước những lời tự thú của ông, kẻ thù cũng như bạn hữu, đồ đệ đều không thể chê hay khen, mà chỉ còn biết theo ông để rồi im lặng như ông, với ông trước một cái gì chung, mà chính mình cũng ở trong đó, cũng thiết yếu tham dự vào: đó là một hoàn cảnh nào đó của thân phận con người.

..

Trong gia đình Sartre, người ta lấy nhau, sinh con cái như thể vì « tình cờ, ngẫu nhiên ». Còn chính cậu bé Sartre, cha cậu đã quen biết mẹ cậu,

(1) « Les Mots » — Gallimard 1964.

(2) Chẳng hạn Mathieu Galey trong báo Arts, số 946, 22-1-1964.

vội vã sinh ra cậu, để ra đi ngay vào cõi chết. Người đàn bà góa trẻ lại trở thành cô gái út, về ở với bố mẹ đẻ, dưới sự canh gác, săn sóc của hai người như xưa, chẳng hạn, nàng phải xin phép bố mẹ mỗi khi bạn bè cũ mời đi ăn cơm tối và phải về trước mười giờ; cho nên đôi khi « giữa bữa ăn, chủ nhà phải tạm bỏ bàn ăn, lấy xe dẫn nàng về ». Cái chết đột ngột của người con rể, ông ngoại cao tuổi, coi là « khả nghi » như thế là để trốn tránh một nhiệm vụ. Người cha chết sớm đó đã không cho cậu bé Sartre có dịp quen biết để yêu đương và vâng lời. Chính vì thế mà Sartre không bao giờ biết thế nào là vâng phục và chỉ huy. « Trong đời tôi, tôi không thể nhìn cười được mỗi khi phải ra lệnh, vì không bao giờ tôi bị quyền bính quyến rũ. Người ta đã không dạy cho tôi biết vâng lời. » Sống với ông bà ngoại, người mẹ trẻ, bây giờ đã trở lại vị trí « đứa con gái út » còn trẻ măng, cậu bé Sartre được chiều dài, cưng-nựng. Người ta bảo người con gái kia là mẹ cậu, nhưng cậu chỉ coi như một người chị cả. Cậu yêu nàng; nhưng không nể sợ, vì cả nhà có ai nể sợ nàng đâu. Trong nhà có ba phòng: một phòng của ông ngoại, một phòng của bà ngoại; còn một phòng cho « con cái », « Con cái » đây là mẹ cậu và cậu. Do đó, làm sao cậu có thể « vâng lời » được khi người chị lớn mỗi khi cần gì, không phải là ra lệnh, nhưng là van xin cậu, nài đến lòng tử tế, quảng đại của cậu.

Còn ông ngoại, đúng là một « tổ phụ » hơn nữa, một « ông Trời » với

bộ râu oai nghi lăm liệt. Một hôm, ông vào nhà thờ qua phòng mặc áo, cha sở đang giảng dạy những bốn đạo nguội lạnh. « Chúa xuống đây đang nhìn các người ». Đột nhiên bốn đạo trông thấy một ông già tóc bạc, râu dài ở dưới chân tòa giảng, sợ hãi, chạy trốn cả... Ông già là Đức Chúa Trời chính là ông ngoại của cậu. Ông chiều cậu, coi cậu như một ân huệ của số mệnh, một của quý, cho nên cậu giả vờ ngoan ngoãn, đạo đức trong khi thực sự cậu có những ý nghĩ, ước muốn rất bậy. « Tôi không bao giờ khóc, ít khi cười, và không làm động... » ở nhà thờ, cậu quý yên như tượng, mắt nhìn thẳng chăm chú, cổ không động dấy, dù kiến đốt chân, tuy nhiên cậu có những ý nghĩ muốn đứng dậy, la ầm lên, hay trèo cột nhà thờ để dúi vào bình nước phép. Đã hẳn, cậu cố kìm hãm những ý nghĩ đó để được mẹ khen. « Nhưng tôi dối trá, tôi giả vờ bị nguy hiểm để càng được tiếng... tôi muốn làm kinh ngạc người khác, vì những đức tính của tôi... Những chiến thắng dễ dãi đó cho tôi tin rằng bản tính tự nhiên của tôi là tốt, và tôi chỉ việc sống tự nhiên cũng đủ được người ta ca tụng ».

Không những cậu phải làm ra vẻ tự nhiên, hiền lành, mà còn phải trở thành một thứ tiên tri cho người lớn. Những lời nói từ miệng cậu thốt ra sẽ là những câu sấm, chân lý trong tương lai. Ông ngoại cậu không phải tìm triết lý về cuộc đời ở đâu xa, nhưng chỉ cần nhìn cậu chơi, nhảy và lắng nghe những câu nói bập bẹ, lung tung của cậu. Trong cuộc xung đột giữa các thế

hệ, ông với cháu thường đi với nhau. Nếu không có cháu, thì ông lấy chó, làm cháu và yêu nó hơn yêu con cái. Cậu nhớ lại một buổi đi viếng mộ chó với ông ngoại và một người bạn Mỹ. Trước cảnh một bà già khóc chó, người Mỹ giậm đá vào con chó bằng xi-măng làm nó gãy một cái tai và cậu nghĩ : « Người Mỹ đó có lý : khi người ta yêu *quá đáng* trẻ con và loài vật người ta yêu chúng bằng cách chống lại con người ».

Trong gia đình, cậu cho mình là nguồn vui của mọi người chỉ bằng sự có mặt của cậu. Để thỉnh thoảng nhắc lại sự có mặt của cậu như là một ân-huệ, bà ngoại và mẹ cậu thường tổ chức giấu cậu vào sau tủ, rồi đàn bà giả vờ bỏ đi, đến khi ông ngoại bước vào phòng vắng vẻ một cách mệt mỏi, ủ rũ vì không có cậu, đột nhiên cậu xuất hiện, như vừa *sinh ra* cho ông; ông thay đổi nét mặt, giang hai tay ôm lấy cậu, sung sướng vì có cậu. Thế là cả nhà ai cũng sung sướng : cậu sung sướng vì làm cho cả nhà hạnh phúc ; ông bà ngoại, mẹ cậu sung sướng vì chiều cậu. Suốt ngày toàn là lễ-nghi, ca-tụng, thán-phục .

Cậu không hề biết đến bốn phận hay quyền làm con vì hình như cả nhà ai nấy đều chỉ có một việc : làm hài lòng người khác : « Nếu cha tôi còn sống, có lẽ tôi đã biết đến quyền và nghĩa vụ, nhưng vì ông chết nên tôi không biết : tôi không có quyền gì vì tình thương tràn ngập tôi, tôi cũng không có bốn phận gì vì tôi tự hiến bằng quảng đại ».

..

Ông ngoại của cậu bé Sartre là một nhà giáo, có một tủ sách đồ sộ ở phòng làm việc. Mỗi sáng cậu để ý ông trang trọng đến gần tủ sách, lấy ra những quyển cần dùng với một thái độ của người thuộc lòng vị trí của mỗi cuốn, vừa đi về phía ghế bành vừa giở đúng chỗ ông muốn đọc..

Cậu chưa biết đọc nhưng đã thích có sách và đòi ông ngoại mua cho được. Đọc không được, cậu bắt mẹ kể chuyện in trong sách. Nhưng rồi một hôm, cậu ghen với mẹ biết đọc, cậu vác một cuốn vào nhà vệ sinh giả vờ đọc. Mẹ cậu bắt gặp, tưởng cậu ham học và do đó quyết định dạy cậu đánh vần.

Thế là cậu bắt đầu được đi vào cuộc đời bằng tưởng tượng. Con một, mồ côi cha, sống trong sự chiều đãi ấp ủ của ông bà ngoại và mẹ, cậu không biết gì ngoài cái tổ ấm đó. Không bè bạn, không đùa nghịch ngoài trời. Cậu chỉ biết cuộc đời bên ngoài bằng sách vở : Cậu chơi đùa với chim chóc, hoa lá bằng hình vẽ. « Tôi không bao giờ bới đất hay đi bắt tổ chim, cũng không bao giờ bẻ cây, ném đá. Nhưng sách vở đã là chim, tổ chim, xúc vật, chuồng bò cảnh đồng quê của tôi ».

Với sức tưởng tượng mãnh liệt của tuổi trẻ, lại không hề được tiếp xúc trực tiếp với sự vật, cậu đã coi người và vật trong truyện, trong tranh là *thật* hơn người vật thật ở ngoài đời. Do đó, nhà triết học sau này đã thú nhận phải để ba mươi năm vẫn chưa gột hết chất duy tâm vì cậu Sartre, đã là đồ đệ của Platon, lấy hình ảnh ý niệm làm thực tại ngay từ hồi 7 tuổi.

Nhưng ông ngoại của cậu là nhà giáo, muốn cho cậu cũng sẽ là người ;

lĩnh « bảo vệ văn hóa » như ông. Ông cho cậu đọc những tác phẩm cổ điển từ Hésiode đến Victor Hugo. Cậu bé 7 tuổi đã là người lớn giữa những người lớn trong gia đình và cậu phải làm ra vẻ người lớn để được ca tụng là ham học.

Một lần, cậu đang lẩn thẩn trong phòng có tủ sách, chợt thấy mẹ cậu vào, cậu bèn giả vờ nhẹ nhàng rón rén đến tủ sách vác bộ « Corneille » ra như thể không trông thấy mẹ ; Nhưng đằng sau cậu nghe thấy tiếng mẹ thì thầm cảm phục : « Chà, nó thích đọc Corneille » tuy sự thực cậu chẳng thích gì cả...

Một lần khác, người ta khen cậu : « Cháu nó thích học lắm, nó gối cả bộ Larousse » cậu cũng để mặc... Nhưng ít lâu sau, mẹ cậu biết cậu chỉ giả đồ ham đọc sách đứng đắn, nên thừa dịp đi phố mua cho cậu những sách báo ra hàng tuần cho trẻ con, Cậu mê thật những truyện trẻ con này. Nhưng khi ông ngoại biết, nổi giận mắng bà ngoại và mẹ cậu. Thế là hết huyền diệu, Cậu bé tiên tri của ông chỉ là một đứa trẻ, tầm thường, gian dối, đã đánh lừa ông...

..

Cậu còn bé, tinh nghịch, có nhiều ý nghĩ quái gở nhưng lại biết đóng kịch giả đồ làm người lớn chú ý đến những chuyện của người lớn, muốn làm những việc của người lớn để làm hài lòng người lớn. Cậu Sartre vào bếp nói với mẹ muốn giúp mẹ trộn sà lát ; làm cho mẹ cậu cười khoái trá, nhưng giả vờ lo việc của người lớn, làm sao cậu có thể có những bản tâm thực sự của người lớn ?

Cậu bé Sartre biết mình đóng kịch nhưng tệ hơn nữa là cậu có cảm tưởng người lớn cũng đóng kịch như cậu với cậu vì cậu thấy : « những chữ mà người lớn dùng để nói với mình, là kẹo ngọt, còn họ nói với nhau, họ dùng một ngôn ngữ khác hẳn » cậu nhận ra điều đó mỗi khi người lớn nói với cậu : đi ra đằng kia chơi, cháu, cho ông bà nói chuyện. « Nhiều lúc cậu còn thấy người lớn lợi dụng cậu, như một lần mẹ cậu giắt cậu đi dạo ở vườn Luxembourg, đột nhiên gặp ông chú vẫn giận cả gia đình ông bà cậu. Ông chú nhìn mẹ cậu và nói. « không phải vì chị mà tôi đến đây đâu, nhưng vì nó, để thăm nó », Rồi ông chú giải thích dài dòng chỉ mình cậu là vô tội và không làm phiền lòng ai. Sau đó ông cãi nhau với mẹ cậu, và hai người đều kể lể những điều mình trách móc người khác. Lúc đó cậu mới hiểu rằng con người chỉ là một vật sống theo lẽ nghi, xã giao ; họ đóng kịch với nhau cũng như cậu đã đóng kịch với họ. Từ đây, cậu cảm thấy mơ hồ buồn chán và muốn thoát khỏi cái kịch gia đình : « Tôi là con chó : tôi ngáp dài, nước mắt chảy và tôi cảm thấy những giọt lẩn trên má. Tôi là cái cây, gió quấn lấy cành và lay động nó. Tôi là con ruồi, tôi bò trên mặt kính, tôi té nhào rồi bắt đầu bò lên lại. Đôi khi tôi cảm thấy vẻ mơn trớn của thời gian trôi qua, đôi lúc khác, không cảm thấy gì cả. Những giây phút run run rơi xuống, chôn vùi tôi nhưng chưa tan biến đi hẳn. Chúng không cựa quậy, nhưng vẫn còn sống động, người ta quét sạch chúng đi, những giây phút khác đến thay thế, tươi tắn hơn, nhưng cũng vô ích. Những buồn nản đó được

coi là hạnh phúc, mẹ tôi thường nhắc bảo tôi là đứa trẻ sung sướng nhất. Làm sao tôi không tin như thế vì thực sự là vậy.» Thế là ngay từ năm lên bảy, cậu bé Sartre đã cảm thấy sự giả dối của cuộc đời, mơ hồ sợ cái hư vô của sự chết mỗi khi đêm về, bóng tối vây bọc lấy hiên nhà và nhất là lần ở nhà một người thân thuộc, cậu chợt thấy một lò hồng tối tăm là cửa hầm rượu mở làm cho cậu hoảng sợ vừa chạy vừa hát to để quên đi. Đôi lúc, cậu cũng đã cảm thấy mình là đồ thừa (de trop). Sinh trưởng trong một gia đình Ki-tô giáo, nhưng không được thấm nhuần một chút nào tinh thần tôn giáo, vì ông bà ; gia đình thờ ơ với tôn giáo. Tuy nhiên vì trọng tập quán, cậu Sartre vẫn được dẫn đi nhà thờ, học kinh bốn. Nhưng một hôm, cậu làm bài thi về sự « Thương khó » cậu tưởng sẽ được điểm cao, rút cục chỉ được trung bình. Nỗi thất vọng làm cho cậu trở nên bất kính, niềm tin dần dần phai nhạt. Đến một lần cuối cùng cậu có cảm tưởng có Thượng-đế, khi cậu lấy diêm đốt thắp chơi một mình, bỗng nhiên cậu thấy Thượng đế nhìn cậu như đang nhìn một cái đích quá lộ liễu, cậu chạy trốn vào phòng tắm, tức giận vì thái độ tò mò tọc mạch đê tiện của Thượng-đế, cậu chửi Ngài thậm tệ và từ đó không bao giờ Ngài còn nhìn cậu nữa...

Nghĩ lại kỷ niệm đó, Sartre, nhà triết học vô thần đã viết : « Bây giờ khi người ta nói đến Thượng-đế, tôi nghĩ tới một người tình già gặp lại một người đẹp xưa và nói với nàng. « Năm mươi năm trước đây, nếu không

có sự ngộ nhận đó, nếu đã không xảy ra câu chuyện đáng tiếc trên, phân ly chúng ta, có lẽ đã có gì rồi... giữa chúng ta ».

..

Sinh ra và lớn lên trong sự chiều chuộng, luôn luôn được đề cao, cậu bé Sartre tưởng mình cần thiết cho gia đình và cho cả nhân loại. Cậu càng cảm thấy « sứ mệnh » của mình vì được ông ngoại dẫn đưa vào một cuộc đời hoàn toàn tưởng tượng của sách vở : những nhân vật anh hùng xả kỷ trong các truyện phiêu lưu đã quyến rũ cậu, đã làm cho cậu có lúc mơ tưởng mình là những nhân vật đó đang ra tay cứu nhân độ thế.

Nhưng một hôm, cậu vào vườn Luxembourg, nhìn trẻ con cùng lứa tuổi chơi đùa, cậu thấy biến mất tất cả trí minh mẫn, óc anh hùng tưởng tượng của cậu. Cậu đứng nép vào một gốc cây chờ đợi xem chúng có rủ mình nhập bọn. Nhưng chúng không thèm để ý đến cậu. Sự nhanh nhẹn, sắc sảo, lú lỉnh, liêu lĩnh thực sự của chúng làm cho cậu thấy mình tồi quá. Mẹ cậu thấy cậu đứng lỳ một chỗ rút-rát, hơi khó chịu bảo cậu còn đợi gì, thử hỏi chúng xem có cho chơi với không ? Cậu không dám vừa ngại, vừa kiêu ngạo chưa chịu nhận mình hèn kém. Lũi thủi ra về, khi hoàng hôn đã xuống, đứng ở cửa sổ từng lầu thứ sáu mơ màng như mọi khi, cậu thấy nhục nhã muốn báo thù. Chưa tìm ra được kế hoạch gì thì may thay ông ngoại cậu lại đến cứu nguy cậu, làm cho cậu trở thành nhà văn ; Nhưng chính ông ngoại đã đưa cậu

vào một trò phỉnh gạt mới thay đổi hướng đi cuộc đời cậu. Trước đây, sự phỉnh gạt đầu tiên là đọc, bây giờ sự phỉnh gạt thứ hai là viết (1).

Đầu kỳ hè, cậu và bà ngoại, mẹ đi nghỉ ở Arcachon ; ông ngoại còn mắc dạy cho hết năm học. Mỗi tuần ông ngoại viết thư ba lần, mỗi lần hai trang cho bà ngoại, một tái bút cho mẹ cậu, và một bài thơ cho cậu. Thế là mẹ cậu có sáng kiến dạy cậu làm thơ để trả lời thư ông ngoại. Khi gửi thư đi, bà ngoại và mẹ cậu đã mừng chảy nước mắt, sung sướng nghĩ đến lúc ông ngoại nhận được bài thơ của cháu nhỏ. Thật là một thiên tài ! Thư sau, cả một bài thơ dài của ông ngoại để ca tụng thiên tài tý hon. Ngoài việc làm thơ cậu bé Sartre còn bắt đầu viết tiểu thuyết. Đề tài, cốt chuyện, nhân vật, chi tiết cậu đều đánh cắp trong các truyện phiêu lưu cậu đã đọc, nhưng cậu cũng biết sửa chữa đôi chút như đổi tên các nhân vật lấy trong truyện. Chỗ nào bí quá, cậu vác « Larousse » ra, chép nguyên văn từng đoạn tả cảnh hay tả con vật mà cậu không thể tưởng tượng nổi. Dù sao, những sửa chữa đôi chút đó cũng làm cho cậu yên trí cậu có sáng tác và do đó có quyền lẫn lộn trí nhớ với óc tưởng tượng.

Nhưng tất cả những sinh hoạt « văn chương » đó chẳng qua chỉ là một trò bịp bợm mới : trước đây, cậu bé Sartre giả vờ đọc sách, người lớn thì bây giờ lại giả vờ làm người lớn viết văn : « Mẹ tôi không ngớt lời khuyến khích tôi ; bà dẫn khách vào phòng ăn để họ bất chợt thấy nhà sáng tạo trẻ tuổi đang viết văn trên ghế học trò.

Tôi giả vờ đang mải miết vào việc viết văn như thể không thấy có người đứng đằng sau lác mắt thần phục ; họ rút lui nhẹ nhàng vừa rón rén vừa thì thầm với nhau tôi xinh quá, thật tuyệt quá ! »

Thế rồi danh tiếng nhà văn tý hon đồn ra khắp họ hàng, láng giềng. Ông chú ruột Emile gửi tặng cậu một chiếc máy chữ, bà Picard mua cho cậu một quả địa cầu để cậu dễ phác họa đường đi lối lại của các nhân vật khỏi nhầm lẫn. Còn mẹ cậu, thì cặm cụi chép lại những sáng tác của cậu để chuyển cho họ hàng bà con đọc... Ai nấy đều tiên đoán tương lai của cậu : sẽ trở thành nhà văn danh tiếng. Bà Picard là người đầu tiên nhìn trán cậu quả quyết : Đứa bé này về sau sẽ viết văn. Mẹ cậu hỏi lại : « Bà tin thật như thế không ? » Đến tối, bà ôm lấy cậu mỉm cười nói : « Con tôi sau này sẽ viết văn đây ! Nhưng phải đợi đến sự tiên đoán của ông ngoại, nhà giáo dạy sinh ngữ, văn chương mới quyết định thực sự số phận của cậu Sartre. Trong một bữa cơm dài học trò, ông để tay trên trán đứa cháu và nói chậm rãi : « Nó có khiếu về văn chương đấy ». Tuy nhiên, ông cũng là người thực tế hiểu rằng chỉ viết văn thì đói nhăn răng như đã có lần ông thấy nhà thơ Verlaine hồi năm 1894 « say như con lợn » lảo đảo bước vào một quán rượu ở đường Saint-Jacques. Cho nên ông đồng ý là có thể viết văn nhưng phải kèm theo nghề dạy học mới khỏi sa vào cảnh đói rách tiêu tụy. Nghề dạy học, nhất

(1) Cuốn tự thuật này gồm có hai phần : I Đọc ; II Viết.

là dạy văn chương, chẳng những không làm cạn hứng, mà còn khơi nguồn cho sáng tác nhờ sự tiếp xúc thường xuyên với các tác giả.

..

Nhưng ông bà ngoại không thể giữ mãi cậu bé ở nhà. Năm lên mười, cậu được gửi vào học ở trường Henri IV. Những bó buộc của nhà trường không còn cho cậu có nhiều giờ rỗi mơ mộng, viết truyện. Nhưng lý do chính là vì bây giờ cậu đã có bạn chơi. Cậu thích chạy nhảy với họ hơn là về nhà đóng kịch làm người lớn để làm hài lòng ông bà ngoại, để được cưng nựng, ca tụng. Giữa đám trẻ bạn, cậu không muốn trở bật làm ra vẻ nghiêm trang, nhưng thích cười nói bậy bạ, thích bắt chước bè bạn, thích «gia nhập». Những tình yêu chân thành giữa cậu với họ cũng bắt đầu chớm nở, và khi một đứa được anh em chúng bạn yêu thích nhất chết bất ngờ, cậu cảm thấy chua xót buồn cực; và hình như sâu sa hơn nữa, linh cảm thế nào là sự xấu, ở đời này, sự vắng bóng Thượng đế. Bây giờ, Sartre vẫn tin điều linh cảm đó là thật, vì nếu không như ông đã thú nhận, làm sao ông vẫn giữ lại một cách rõ rệt hình ảnh đau thương về Benard đứa bạn thuở thơ ấu, trong khi ông đã quên và muốn phủ nhận cái tuổi thơ ấu đó.

Nhưng ông không thể quên được. Những vui đùa, bận rộn ngoài đường, trong trường không xóa bỏ nếp sống cũ ở gia đình, cũng không hủy diệt sự ủy nhiệm, « phong chức » làm nhà văn mà ông bà, họ hàng đã định đoạt cho cậu.

Cả về sau cũng vậy. Những gì đã

ấn định từ lúc bảy, tám tuổi vẫn còn đó như con sâu đã rúc trong quả, cứ tiếp tục đục khoét bên trong mà không ai biết; Sartre nhà văn danh tiếng, Sartre ông già ngoài năm mươi tuổi ngày nay vẫn còn giữ những nét xưa của thời thơ ấu. « Những dấu vết tuổi thơ, đã cũ kỹ, đã bị xóa nhòa, và chìm vào im lặng kia vẫn còn sâu, đậm trong ông già năm mươi này » nhưng một cách *vô thức*. Phải chăng để tổ cáo chúng, mà bây giờ Sartre thú tội, và viết bản thú tội là cuốn, « Những chữ » này.

Nói cách khác, cuộc đời người lớn của Sartre chẳng qua cũng chỉ là một thứ diễn kịch mà Sartre không biết. Ông là nhà văn, tin vào văn chương, nghệ thuật, vào « những chữ » như là những phương tiện cứu rỗi nhân loại « để lôi kéo con người ra khỏi tình cảnh thú vật ». Nhưng phải chăng tất cả những sinh hoạt tư tưởng, văn chương từ ba mươi năm nay cũng chỉ là một lường gạt lớn lao? Sinh trưởng trong bầu không khí Ky-tô-giáo, nhưng ông chỉ biết tôn giáo như một cái vỏ trống rỗng, các xác không hồn. Tình trạng đó đưa ông tới chỗ từ chối tôn giáo, xóa bỏ Thượng đế. Nhưng một cách *vô thức*, ông vẫn giữ lại những khái niệm căn bản của tôn giáo, dưới một hình thức trần tục, biến thể... Ông gạt đi Thượng-đế, sự cứu rỗi, sứ mệnh tông đồ, nhưng lại coi văn chương, chữ viết, sự « gia nhập » dẫn thân của nhà văn là sự cứu rỗi, là tôn giáo, là sự bất tử...

« Chọn vô thần là một công trình ác liệt và lâu dài; tôi tưởng mình đã thực hiện đến cùng..., và đáng được

một phần thưởng... Nhưng từ ngót mười năm nay tôi là một người bắt đầu thức tỉnh, không còn bị một điên rồ cay đắng mê hoặc, mỗi lần ghi lại những lầm lạc của mình tôi không khỏi buồn cười và bây giờ tôi không còn biết làm gì nữa ». Thế là hết « phong thần ». Trước đây, « từ lâu lắm, tôi vẫn coi ngòi bút của tôi là một lưỡi gươm ; bây giờ tôi hiểu là tôi bất lực rồi... »

Nhưng biết làm gì khác được ? « Tôi vẫn viết, không ngày nào không vài dòng ». Viết văn *bây giờ* chỉ còn là một *thói quen*, một nghề nghiệp. Sau khi giác ngộ, viết không còn là một hoạt động tông đồ, một thiên chức như chức linh mục.

Hết tính cách thần thánh, hết cả tính cách xây dựng con người. Tại sao ? vì tác giả đã lừa bịp người khác đồng thời tự lừa bịp bằng tác phẩm mà không biết. Trong bao nhiêu năm, tác giả đã đem tư tưởng triết lý, tiểu thuyết, kịch ra để chứng minh con người không thể làm người được, cuộc đời này là vô nghĩa, vô thường, *như thế* chính mình ở ngoài thân phận khốn cực đó. Tác giả là anh chàng Roquentin (1) đồng thời cũng *không phải* là Roquentin, vì ông là người được *chọn* độc nhất để mô tả cuộc đời buồn nản, những cảnh địa ngục trần gian. Ông là như mọi người đồng thời cũng *khác* mọi người vì *sứ mệnh* bày tỏ, phân tách, tố cáo, mà một quyền bính vô hình nào đã ủy-nhiệm cho ông.

Ta đã trình bày *một cách tươi tỉnh*, (2), con người là một bất thể ; chính tôi cũng là bất thể, nhưng tôi *khác* mọi người ở chỗ có giấy ủy-nhiệm để

mô tả sứ bất thể đó, và do đó, bỗng nhiên cái bất thể kia biến thành cái khả thể độc nhất dành riêng cho mình tôi, là mục đích của một sứ mệnh tôi đảm-nhiệm, là đã đưa tôi tới chỗ nổi tiếng.

Tôi bị giam hãm trong những sự thực hiển nhiên như thế mà không hề hay biết. Gian lận đến cực độ, nhưng bị huyền diệu, nên tôi mới viết *một cách vui vẻ* về thân phận khốn cực của chúng ta. Đọc đoán, tôi hoài nghi mọi sự, trừ việc tôi được *chọn* để hoài nghi, một tay tôi gây dựng, một tay tôi phá đổ những gì tay kia gây dựng : tôi gây hoang mang, nhưng lại coi sự hoang mang đó như là một đảm-bảo sự yên hàn của tôi; tôi sung sướng»...

..

Đọc « Những chữ », theo rồi những phân tách của Sartre, người ta có cảm tưởng được chứng kiến công trình đập đổ một lâu đài do bàn tay của chính người đã xây dựng nó, và không thể không cảm kích trước thái độ can đảm, chân thành của tác giả. Một nỗi buồn mệnh mang, đượm cay đắng, chua xót chiếm dần dần lòng người đọc đang theo rồi một công cuộc phá đổ những huyền thoại.

Nhưng, sau khi đã ưng thuận với tác giả, người ta lại muốn « chất vấn » tác giả bằng cách tự hỏi : Sartre có *thực sự* chân thành không khi tự thú với chúng ta hay sâu xa hơn nữa, Sartre có thể thực sự chân thành không ? vì biết đâu, sự tự thú này lại chẳng phải

(1) Nhân vật chính của cuốn truyện nổi tiếng : « La Nausée ».

(2) Do tôi viết nghiêng. Ng.V.T.

là một phỉnh gạt thứ ba, triệt để và tẻ nhị hơn hết ?

Sự thú tội nào cũng đòi hỏi ít nhiều can đảm, chân thành; tội càng nặng, mức đòi hỏi càng cao. Ngược lại, người nhận lời thú cũng không khỏi ít nhiều xúc động cảm phục, và càng xúc động, cảm phục khi tội nhân lỗi nặng.

Nhưng phải chăng, bất cứ lời thú nào cũng bao hàm nguyện vọng được tha thứ, được chấp nhận và do đó, một cách gián tiếp, được *ca tụng* vì chính sự thú lỗi đó ? Sartre có tránh khỏi đóng kịch một lần nữa sau khi đã tự thú về hai lần đóng kịch trước ? Và nếu Sartre đóng kịch mà *không biết* mình đóng kịch, hay *quên* thực sự mình đóng kịch, thì chẳng qua ông lại rơi vào *ngụy tín* đấy thôi.

Người ta vẫn có quyền thắc mắc như thế, mặc dầu sau khi đã đọc những dòng cuối cùng của bản tự cáo trạng,

chứa chan khiêm tốn và nhiệt tình cảnh giác. « Điều tôi yêu thích trong sự điên rồ của tôi là cái đã che chở tôi khỏi những cảm dỗ tự cho[™] mình là người được lựa chọn : không bao giờ tôi tưởng mình là chủ nhân của một « tài ba » : điều tôi lo lắng là làm sao tự cứu lấy tôi bằng sự làm việc và niềm tin vì thực ra[™] tôi không có gì trong tay và trong túi cả.

Do đó sự lựa chọn của tôi không làm cho tôi đứng cao hơn người khác : Tôi bước vào công trình tự cứu rồi tay trắng, không có dụng cụ, không được trang bị gì hết. Nếu tôi xếp việc Cứu Rồi không thể thực hiện được vào tủ hàng những đồ phụ tùng, thì còn lại gì ? Một người, làm bằng mọi người, đáng giá như mọi người và đáng giá như bất cứ ai. »

N.V.T.

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)



DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742



Fabrication : **Oxygène — Acétytène — Gaz Carbonique**

Vente : **Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane, Protoxyde d'Azote — Argon etc...**

Matériel pour soudures oxy-acétylémique et électrique
Installations de garothérapie,

Note service technique d'application est à la disposition de la clientèle pour toutes études et installations.

THE CHARTERED BANK

Anh Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do Ấn-Chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 6.600.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 7.150.000 Anh-kim

●
LUÂN - ĐƠN TÔNG - CỤC

38, Bishopsgate, London E. C. 2

●
SAIGON CHI - CỤC

CHI-CỤC CHÍNH : 3, Đường Võ-Dĩ-Nguy

CHI-CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhất

(Immeuble Esso Standard Eastern Inc)

●
NAM - VANG CHI - CỤC

10, Phlaur Preah Kossamac

●
CHI-NHÁNH THÀNH-LẬP TẠI CÁC NƯỚC VIÊN-ĐÔNG

●
Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

vài nhận xét về

Đề án Văn hóa

của giáo sư Phạm Đình Ái

TUY còn khá nhiều khoảng trống, nhưng gian phòng họp của trường Quốc Gia Âm Nhạc, sáng ngày 19/5/1964, đã hội gần đủ nhân vật đại biểu cho giới văn hóa Saigon.

Sau bài diễn văn khai mạc của Phó Thủ Tướng Đỗ-Mậu đặc trách văn hóa xã hội, nhấn mạnh về sự cần thiết xây dựng nền văn hóa mới và sự xúc tiến tổ chức đại hội văn hóa toàn quốc, thì giáo sư Phạm-Đình-Ái, đại diện văn phòng của Phó Thủ Tướng, đăng đàn trình bày « Đề án tổ chức Đại Hội Văn Hóa và thành lập Viện Văn-Hóa Việt-Nam ».

..

Đề án, trình bày rất là giản lược, gồm có ba phần : phần nhất trình

bày lập trường, gồm hai tiết mục : nhận định tình hình văn hóa hiện tại và các quan điểm về một tổ chức văn hóa ; phần hai là những nét lớn về sự tổ chức Đại-hội Văn hóa và phần ba, là tổ chức Viện Văn-hóa Việt-Nam.

Trong phần thứ nhất, trình bày lập trường, giáo sư họ Phạm nhận định tình hình văn hóa hiện tại, đã xác nhận rằng nền văn hóa ấy nghèo nàn, không có tổ chức, không có hướng đi, chịu nhiều ảnh hưởng ngoại lai, lại có tinh cách vụ lợi, không vụ dân tộc. Về các quan điểm tổ chức văn hóa, ông thấy có hai quan điểm thái cực : quan điểm văn hóa thuần túy và quan điểm kết hợp văn hóa thuần túy với văn hóa cứu quốc.

Giáo sư Ái bênh vực quan điểm sau này và thấy văn hóa cần được chỉ-huy.

Về phần thứ hai và thứ ba, không phải là phần mà ông chú trọng, nên chỉ trình bày bằng những nét lớn: tổ chức đại hội trong vòng 3 ngày, họp độ 300 đại biểu cử theo đơn vị tỉnh hoặc thị xã, thảo luận về các vấn đề đường lối, lập Viện văn hóa, xây dựng đề án công tác, kinh phí độ 400 ngàn. Còn Viện Văn-hóa gồm có Hội-đồng giám-hộ ở trên, thành phần là các vị Tổng Bộ trưởng, và Viện, gồm có Viện trưởng và những ủy viên Trung ương do cuộc Đại hội bầu lên từ cấp xã thôn; một ban Thường vụ điều khiển sinh hoạt 3 ngành: Văn học, Khoa học, Nghệ thuật. Ban Thường vụ này được chọn trong những ủy viên Trung ương và danh sách họ phải được Hội-đồng Giám hộ — tức là chánh quyền — chấp thuận.

Kết thúc đề án, giáo sư tỏ nỗi hoài nghi công cuộc tương lai vì ông nhận thấy hai triệu bất tường: một là họ Ngô có đủ khả năng mà vẫn không lập thành được một Hội Văn-Hóa Việt-Nam, hai là nhà báo có người đã đem so sánh công trình lập Viện với một dự án chơi... trắng.

Qua sự trình bày đề án của giáo sư Phạm Đình Ái, người nghe ai cũng đồng ý rằng ông là người hết sức nhiệt thành. Phải thấy tất cả gay gắt của ông khi chỉ trích nền văn hóa của thuở Ngô triều bằng một giọng nói rất xa cách sự thân thiện, phải thấy vẻ mặt của ông, thái

độ của ông, người ta mới ý hội hết được sự tha thiết đối với văn hóa có thể làm cho một người trở nên nghiêm khắc đến mức độ nào. Ngoài lòng nhiệt thành mà chúng ta nêu « kính nhi viễn chi », giáo sư Ái còn một quan điểm rất đáng tôn trọng, đó là lập trường dân tộc của ông khi chỉ trích những hình thức văn hóa, vong bản trong chín năm qua. Ông đã nhìn thấy những nguồn văn hóa, trong chế độ cũ, tiếp nhận văn học nghệ thuật nước ngoài theo một tinh thần không phân tốt xấu, trong một trạng thái thụ động, nô lệ, khiến cho thanh niên ngày nay chịu ảnh hưởng ấy, sống vội sống vàng, theo cái chủ nghĩa ích kỷ và lao đầu vào những cảnh cuồng dục, tôn thờ những Presley, Halliday, múa rối theo những điệu « tuýt » dâm dật, mọi rợ, và tạo nên những quái thai dơ bẩn theo kiểu Saigon by night...

Tuy nhiên những mối cảm tình trọng hậu mà chúng ta luôn có sẵn mỗi khi nói về giáo sư họ Phạm vẫn không ngăn cản chúng ta xác nhận một sự thực này: vấn đề văn hóa quá sức lớn lao đã gây nên nhiều khó khăn quan trọng cho bản đề-án, và giáo sư Ái dù có nhiệt tình đối với văn hóa, tha thiết đối với dân tộc bao nhiêu, vẫn không làm tròn được cái nhiệm vụ nặng nề mà cấp trên đã giao phó.

Nguyên nhân căn bản của thất bại này bắt nguồn ở hai điểm chính sau đây: tác giả của bản đề-án không nắm thật vững tình hình văn

hóa hiện tại và không có một quan niệm thật rõ về một chủ trương văn-hóa dân tộc.

Vì không nắm vững tình hình cho nên trong phần nhận định, tác - giả chỉ cho chúng ta một bản phác họa hết sức mơ hồ về các sinh - hoạt trước mắt. Mơ hồ là vì trong lúc xét định sản - phẩm văn-học, tác giả chia ra bốn loại như sau : a) sách giáo khoa b) các loại sách khác c) loại sách bình dân d) các văn - nghệ phẩm khác. Phân loại như thế quả là một sự kỳ quái. Dù các người nghe có thể không muốn thắc mắc vì sao các sách giáo khoa lại được xem như « sản phẩm văn học », thì họ cũng phải tìm hiểu các loại sách khác là loại sách gì ? Tuy không một ai nghĩ lầm là sách dạy về nhu đạo hay khoa sản dục có thể được xếp trong hàng ngũ đó, nhưng thật khó lòng ăn ngon ngủ yên với cái tiếng « khác » dễ dàng như vậy. Cái tiếng « khác » ấy, ở loại thứ tư, lại được xuất hiện trong câu « văn nghệ-phẩm khác » làm cho người ta thêm nổi băn khoăn. Vì sao ? Vì giáo sư Phạm-Đình-Ái đã lầm tộn hết danh từ : trong phần *hiện tình văn hóa* thì ông chỉ nói *sản phẩm văn học* và trong *sản phẩm văn học* thì ông nói sách giáo khoa, các loại sách khác, và cả *nghệ phẩm* !

Một người uyên bác như tác giả bản đề - án không phải là không nắm vững danh từ. Nhưng có lẽ ông chỉ hiểu rõ chúng — bọn danh từ ấy — ở trên sách vở nhiều hơn ngoài đời. Vì vậy, khi cần đảo một cái nhìn ra ngoài thực tế để làm

một cnộc tổng hợp thì ông phải thấy bối rối, và từ bối rối người ta bước sang nhầm lẫn không cần có giấy thông hành. Nếu có kinh nghiệm tối thiểu về sự thuyết trình — nhất là thuyết trình về văn hóa là một phạm trù có nhiều khái niệm chưa được nhất trí thừa nhận — thì giáo sư Ái đã giới hạn trước vấn-đề để khỏi sụp sã trên sự khúc khuỷu danh từ.

Sự nắm chưa vững tình hình thực tế ở giáo sư Phạm-Đình-Ái, còn được chứng tỏ trong cách diễn ý, vốn không có gì là cụ thể hết. Ông viết : « *Khủng hoảng tinh thần vì những tai nạn thần bí* », (chẳng ai biết tai nạn ấy thế nào) « *Về giá trị sông cũng chẳng có gì* » (đã sông, thì tất chẳng có gì rồi) « *Hình như thiếu một luồng gió để làm nẩy nở nguồn cảm* » (chưa ai dám biết là ngọn gió gì, trong lúc tác giả vẫn còn ấp úng đoán chừng như thế)...

Vì thiếu thực tế nên khi nói về quần chúng, giáo sư tỏ ra hết sức lạc lõng trong các ngôn từ. Ông gọi sách vở cho bình dân đọc là thứ « *văn hóa hạ cấp* » với một giọng nói rất đổi trang nghiêm, và sự đọc sách của họ là việc « *nhai đi nhai lại trong lúc nhàn rỗi* » ! Những kẻ đa nghi có thể nghĩ rằng tác giả của bản đề án đã tưởng quần chúng cũng là một loại trâu bò !

Thiếu hẳn thực tế, nên giáo sư Phạm-Đình-Ái đã mượn danh từ to lớn để che đậy sự trống trải của mình. Nói một cách khác, giáo sư muốn dùng thiện chí thay cho thực

lực nên mượn uy thế từ ngữ để xóa bỏ bớt tình hình.

Ông đã nói đến nhiều ý rất mực quan trọng mà các người nghe không sao hiểu hết nội dung. Chẳng hạn : « Một nền văn hóa tổng hợp được khai sinh »... « màu sắc dân tộc và nhân bản cổ hữu nhưng mang thêm tính chất tiến bộ ». « kiến tạo xã hội trên căn bản đạo đức cách mệnh »... « bảo vệ cái gì quý báu nhất của chúng ta là một ý thức hệ, một vũ trụ quan và một nhân sinh quan ! » Tóm lại, những lời khá màu mỡ này tự nó vốn không có nghĩa gì hết, hoặc đang có một ý nghĩa hoàn toàn ngược lại, đúng như một câu phê phán quá khứ trong bài diễn văn khai mạc của Phó Thủ-Tướng đặc trách Văn-hóa Xã hội : « Những danh từ đó chẳng những không đoàn kết được mọi người mà lại còn gây chia rẽ thêm nữa » !

Nhưng thiếu thực tế không chỉ đưa đến các nhược điểm trên, mà nguy hại nhất là còn làm cho tác giả đề án có một nhận định phiến diện đối với tình hình văn hóa.

Xét về phương diện bộ môn ông không nhìn thấy được hết toàn bộ sinh hoạt văn hóa cũng như không thấy khả năng riêng biệt của từng bộ môn với ưu và khuyết của nó. Nói về văn học, ông không nhìn thấy những sự diễn biến trong ngành tiểu thuyết, thi ca, ông không nhận được bước đi lên xuống của ngành biên khảo, dịch thuật, ông không theo dõi các cuộc tranh luận chung quanh một số vấn đề văn học rất là thời thượng. Và những vấn đề quyết định cho sự phát triển văn

học như việc xuất bản, tiêu thụ ông cũng không có một ý kiến nào. Thậm chí đến những giải thưởng văn học, đến những cơ quan văn hóa đã có, hiện có, hoạt động ra sao, kết quả thế nào, ông cũng không có một lời phê phán. Thế thì làm sao ông lại có thể trách cứ các nhà văn hóa của ta không biết phân biệt tốt xấu khi tiếp nhận những văn hóa của người ? Nói về nghệ thuật, ông không nhìn thấy điện ảnh Việt Nam đã đi đến đâu, sân khấu cải lương phát triển thế nào, và tân nhạc, và hội họa, những bước thăng trầm cùng những nỗ lực của nó ông cũng tỏ ra không nghe, không thấy, không biết một cách chu đáo như kẻ phòng gian bảo mật hoàn toàn. Thế thì làm sao mà ông bảo nó không có hướng đi, nó vô tổ chức ?

Nhưng điểm đáng nên phàn nàn hơn cả là giáo sư Phạm-Đình-Ái trong khi hô hào văn học phải có tính cách tranh đấu, đã quên nhìn thấy bao nhiêu năng lực đấu tranh của các người làm văn hóa miền Nam trong mấy năm qua. Những sự tranh đấu của họ không phải là cuộc phát biểu nồng nhiệt trên các diễn đàn đặc biệt an toàn, mà là nhà tù, trại giam, chia ly, tang tóc. Bao nhiêu tờ báo đã bị đóng cửa, bao nhiêu người bị giày xéo, bao nhiêu kẻ phải đào vong vạt vả xứ người ? Có ai đã đếm được những sinh mạng thiệt thòi, những tài sản bị phá tán và những cuộc đời đã bị làm cho suy mòn kiệt quệ trên đường văn hóa này chưa ? Cho đến những sáng tác phẩm ra

đời, giáo sư cũng không rõ được là những công trình nào đã bị kiểm duyệt chặt đầu, chặt tay, moi móc ruột gan cho phù hợp với ý muốn chế độ, và còn biết bao công trình bị giam giữ lại để cho mất hẳn tính chất thời gian, cho tác giả chúng tôi chỉ ngã lòng? Đáng lẽ giáo sư nên bỏ chút ít thì giờ điều tra sinh hoạt của phòng kiểm duyệt trong mấy năm qua, ông sẽ được gặp vô số oan hồn tác phẩm và những thi hài nghệ thuật trên khắp cánh đồng văn hóa mà ông nhận thấy tiêu điều.

Những tranh đấu ấy không chỉ diễn ra một mặt, một chiều mà thể hiện dưới thiên hình vạn trạng. Có những ký giả chịu đựng cuộc sống nghèo nàn với cảnh vợ con nheo nhóc để khỏi uốn cong ngòi bút nịnh hót bè lũ độc tài, có kẻ viết ngót hai mươi trang giấy để cố lồng vào đôi ý tranh thủ tự do, có kẻ đã phải bỏ công hàng tuần để theo dõi các giờ giấc, dùng mọi thủ thuật hầu mong qua mắt kiểm duyệt một đôi bài báo. Ông không vào được những gian phòng hẹp tối tăm để thấy những kẻ ngủ gục trên trang giấy viết nửa khuya, sau ngày làm lụng cực khổ, tuy chẳng bao giờ nhận được món tiền bút phí của một tòa soạn nghèo nàn, vẫn cố mỉm cười vui vẻ dù ở bên trong ruột xót gan bào. Ông cũng không chứng kiến được những cảnh nhà báo phải bị đòi bài vào giờ phút chót, phải thức trắng đêm để xóa, để cắt những gì không hợp ý trên trong trang tạp chí đã in xong cho kịp

phát hành. Ông cũng không vào được những nhà in bừa bãi, tối tăm để thấy những thợ sắp chữ bỏ cơm cho kịp lên khuôn, những kẻ mồ hôi nhễ nhại quần quật bên lò đúc chữ nóng bỏng cho báo khỏi ra lỗi chuyển, và trong một mỗi, có kẻ ngồi trên máy in đã để tay mình bị nghiền nát giữa những răng cưa... Nỗ lực và hi sinh ấy, vốn thuộc vào loài không tuổi, không tên, những người hờ hững đâu có lưu ý làm gì!

Nhưng người có một chút lòng văn hóa tất phải thông cảm dễ dàng, đâu phải chờ đợi những lời kẻ lẽ?

Trong biết bao người văn hóa mà ta tiếp xúc hằng ngày, chúng ta có thể tìm thấy nơi họ những giá trị mới khiến họ cách xa ngàn dặm với bọn bồi bút vô lương mà tiếc thay, không thấy một người có nhiều nhiệt tình cách mạng như giáo-sư Ái nêu lên trong bản đề-án của mình.

Với sự quen biết rộng rãi hẳn giáo sư đã có dịp nhìn thấy một vài trường hợp về các con người văn hóa đáng để cho ta suy ngẫm. Giáo sư có thể không quen tiếp xúc lớp trẻ đông đảo để thấy tinh thần bền bỉ của nhóm Sáng-Tạo dù phải chết đi sống lại nhiều phen cũng vẫn mỗi ngày mỗi gắng cho thêm mới mẻ, công trình sáng tác công phu nhất trí của nhóm Quan-Điểm với cái phong thái sinh-hoạt độc đáo của họ, những sự xoay xở gian nan của nhóm Thời-Mới trong những điều kiện thiếu thốn vẫn tìm mọi cách giới thiệu tác phẩm của mình và thay

đòi hỏi một quan niệm về xuất-bản, ý chí cầu tiến của nhóm Giao-Điểm đã tự xây dựng bằng những bước đầu vất vả thành một cơ sở văn học có đủ tư thế theo đuổi dài lâu, thái-độ gan dạ của nhóm Đại Nam Văn Hiến hoàn toàn thiếu thốn tiện nghi tối thiểu đã không ngừng nghỉ phổ biến công trình sáng tạo. Tưởng ông phải biết hơn nhiều kẻ khác về nhóm Đại-Học xứ Huế suốt mấy năm liền đã xây dựng tờ tạp chí công phu, đã tập hợp được nhiều người có đủ tài năng và thừa thiện chí, không hề mệt mỏi trong sự sáng tác, biên khảo, dịch thuật, gây tạo biết bao công trình hữu ích về văn, triết, sử, góp phần xứng đáng vào những công cuộc phát triển văn hóa ngày nay. Làm sao có thể kể hết tất cả sinh hoạt của những tổ chức và những cá nhân bằng bạc trong khắp các ngành văn hóa?

Nhưng công trình của họ, dù hay hoặc dở, dù tốt hoặc xấu, đều là mồ hôi máu của thân xác họ trải qua bao năm, để làm cho nền văn hóa ở đây có một hình hài và một sự sống. Có thể giáo sư không quen biết với lớp trẻ, nhưng còn lớp người tuổi tác, giáo sư có thể tìm gặp dễ dàng, hoặc là giáo sư đã từng quen biết họ rồi nhưng không còn nhìn thấy họ vì đang bận tâm nói chuyện văn hóa cao xa.

Trường hợp cụ Vi-Huyền-Đắc, tuổi ngoại lục tuần, mỗi sáng kiên nhẫn đón chờ xe buýt để tới xưởng chế quạt trần của một tư nhân làm việc — nhưng nay lại thất nghiệp rồi, — cốt để mỗi ngày thừa một buổi chiều mà theo

đuổi ngành văn học. Tuổi tác và sự thiếu thốn không làm cho nhà soạn kịch lão thành chán nản, ông vẫn hàng ngày theo dõi sáng tác của lớp nhà văn trẻ tuổi để khích lệ họ, và vẫn hàng ngày dịch sách đăng lên nhật báo, dù có nhiều khi không lấy được một đồng nào. Trường hợp ông Nguyễn Hiến-Lê từ chối một địa vị tốt để giữ cho ngòi bút mình độc lập không bao giờ dứt bệnh hoạn, mà vẫn không ngày nào ngừng làm việc, tự khép mình vào một kỷ luật chặt chẽ, để dịch thuật viết sách từ sáng đến chiều mà vẫn cố dõi theo tình hình chính trị giáo dục, văn học, để có phản ứng kịp thời. Trường hợp của thi sĩ Vũ-Hoàng-Chương ốm yếu, bất chấp lưới giăng mật vụ công an, hiên ngang lên tiếng ca mừng ngọn lửa từ bi chói rạng trên mình hòa thượng tự thiêu, trường hợp của bà Song-Thu tuổi tác, bệnh hoạn, chối từ tiền bạc dồi dào đưa đến từ nguồn bất chính để ngời miệt mài chép thuê Kinh-Dịch và viết cho báo hàng ngày với tiền nhuận bút nghèo nàn. Và còn biết bao là những trường hợp tương đồng như thế, ở trên giải đất miền Nam?

Những người không chịu đầu hàng áp bức, không chịu để người mua chuộc bằng tiền, không để trở lực khuất phục, và không chịu ngừng theo đuổi lý tưởng văn hóa của mình, không thể bảo họ là không tranh đấu. Với họ, chỉ có mỗi một vấn đề : tranh đấu cho ai ? Một khi lẽ phải sáng ngời như lửa tự thiêu thì kẻ tưởng mềm yếu nhất cũng biết bất chấp bạo tàn.

Với họ, cũng không thể nào bảo rằng không có hướng đi. Dù sai hay đúng, thì ai chẳng có con đường dẫn bước của mình? Người ta có thể đề nghị với họ về một con đường thích hợp, khi chính kẻ đề nghị ấy đã biết rõ ràng chính nghĩa ngã lối mình đi, và biết nỗi niềm có thể xẻ chia về phần của họ.

Những điều bày tỏ trên đây có thể phần lớn thuộc về một cái dĩ vãng mà giáo sư Phạm-đình-Ái không mấy cảm tình nên không biết rõ. Nhưng sau ngày 1-11-63, tình hình văn hóa cách mạng ra sao, trên nửa năm trời sôi nổi, chúng ta cũng không thấy được giáo sư ghi nhận rõ ràng. Làm sao giáo sư có thể không nhìn rõ sự sinh hoạt phồn thịnh trong ngành báo chí sau ngày súng nổ, và trên xác báo chất chồng người dân đạt được tự do đến mức độ nào? Làm sao ông chẳng nhìn thấy phong trào văn nghệ sôi nổi trong các tầng lớp học sinh, sinh viên, trong những đoàn thể tôn giáo nói lên ý chí đòi hỏi tự do, tha thiết chừng nào? Trong lúc công kích những sự sai lầm, ông đã quên hẳn những phần tích cực mà súng cách mạng đã làm thức tỉnh trong tâm hồn họ. Nếu phim *Saigon by night* là một công trình vụ lợi dơ bẩn, thì *Lòng tin trước bạo lực* của họ lại đáng cho ta hoan nghênh. Nếu tưởng cái lương quá thiên về chuyện tình, tiền, nước mắt thì những tưởng tích kịp thời: *Nắng lên điện Phật*, *Tiếng chuông chùa Xá-Lợi v.v...* dù không gạt hái thành công vẫn bắt buộc người chủ trì văn hóa lưu tâm để thấy rõ hơn con đường phát triển.

Và nếu mỗi tuần ta phải nghe những bài hát kêu gọi yêu nhau trơ trẽn trên Đài, thì may mắn thay, ta vẫn còn thấy phần khởi qua những nhạc-phẩm phát-huy thành-tích Cách-Mạng vừa rồi, còn thấy niềm tin qua những bài hát ca ngợi quê-hương, tổ quốc mến yêu, qua những ý nhạc, lời thơ rộn ràng tuổi trẻ, chứa chan hi vọng ngày mai.

Nếu muốn nói đến khía cạnh sa đọa, ông nên nhận định sau ngày tiếng súng cách mạng, những cảnh sa đọa phát hiện thế nào, khác biệt ngày trước ra sao, và bởi vì đâu? Ông sẽ thấy được sự phồn thịnh của truyện dâm ô hạ cấp, thấy sự nầy nở dôi dào của loại kiếm hiệp hoang đường, và sự kích động ồn ào của các hình thức nghệ thuật vong bản. Một người mô phạm như ông chắc chưa bao giờ nhìn thấy những loại sách vở quay rô-nê-ô kích động dục-tình được dán kín lại bằng keo hóa học, bán kín trên các vỉa hè đại lộ, và cũng không sao vào được một số « trụ sở » thanh niên « thời đại » để xem lối sống « nghệ thuật » của họ thế nào. Những sự kiện nóng hổi, gồm hai mặt ấy, nói lên một sự giằng co quyết liệt của nền văn hóa dân tộc, ý thức được sự độc lập và sức trưởng thành của mình, với nền văn hóa ngoại lai cố bám vào các nền tảng của thực dân cũ để lại, luôn luôn khai thác bản năng hạ cấp con người và làm tách rời văn hóa ra khỏi sinh hoạt nhân dân. Không nhìn thấy hai mặt ấy trong từng biểu hiện văn học nghệ thuật, trong từng cá nhân văn hóa, trong từng tác phẩm của họ, làm sao có

thề giúp họ đi về một ngã lối nào, làm sao biết mình phải đứng nơi đâu, mình phải làm gì. Mọi sự chỉ trích dù có nhiệt thành đến mức độ nào, nếu không có một đối tượng thích đáng, dễ biến thành tự chỉ trích. Phát triển xa hơn, đó là một sự phá hoại, và xa hơn nữa, là sự vong ân.

Nghe qua dự án của ông về phần nhận định tình hình, người ta thấy rõ là ông không đọc sách Việt hiện đại được nhiều, đề khởi nói rằng ông không hề đọc quyển nào. Ngại rằng có kẻ hỏi ông về các khuynh hướng văn học, về các quan điểm nghệ thuật, về các trào lưu văn hóa hiện nay cùng các tác phẩm tiêu biểu của nó, ông sẽ trả lời thiếu sót hơn là nói về một vài ngôi sao chưa thấy xuất hiện trên vũ trụ này.

Thực ra, ông vẫn có thể hiểu những nét lớn về nền văn - hóa về sự phát triển văn - nghệ của ta một cách dễ dàng không phải tốn kém bao nhiêu thì giờ, nếu ông chịu khó điếm qua thư mục hết sức đủ đầy của tập Tin Sách mà sau ông Nguyễn-Ngọc-Linh, Hội Bút - Việt đã trải bao khó nhọc để cố duy trì hàng tháng, từ mấy năm nay. Ông đã hiểu rõ hơn bất cứ ai rằng mọi hoạt động đều cần kiến thức và sự hoạt động văn hóa đòi hỏi khả năng hiểu biết rất là tổng quát. Trong bài trả lời ký giả Mặc-Thu đăng trong Người Việt Tự-Do, Paó Tnú tương đặc trách Văn-hóa Xã-hội cũng đã nhắc đến định nghĩa « Kỹ-sư tâm hồn »,

« Sứ giả thời-đại » để nói về các người làm văn hóa, và đó là những định nghĩa cao quí có cái giá trị của một kêu đòi lý tưởng. Nhưng nếu người làm văn hóa là lớp « Kỹ sư, Sứ giả » thì kẻ chủ trì văn hóa, hướng dẫn văn hóa, không thề soi đường bằng những thành kiến cũ kỹ và những tâm thức thầy bói, luôn luôn xử liệu cuộc đời bằng triệu bất tường.

Căn cứ vào những lập luận của ông, người ta dự đoán những điều mà ông đem ra trình bày trong bản đề án có lẽ chỉ dựa vào mỗi một nguồn xuất phát, là tờ nhật báo Ngôn-Luận mà hỡi ôi, bây giờ nó đã chết rồi ! vì chỉ nghe ông nói chuyện về Sờ-nách-ba và đời sống ở Bin-đinh. Nhưng nếu quả đúng như vậy, thì ông lại là một người xem báo quá sức vội vàng và không xét báo trên một tinh thần văn hóa. Bởi vì những thiên phóng sự về Sờ - nách - ba đời, sống Bin-đinh, ở tờ báo ấy, tuy có khoác vào ít về kêu gọi và mượn chứng nào từ ngữ lơ lửng nhưng chính tác giả của nó đã khéo vận dụng những đề tài ấy để làm phương tiện đả kích bọn người đàn bà — và cả đàn ông — đã vì những đồng đô-la mà bán rẻ cả danh dự con người, đả kích những loại dân biểu đê hèn, những tên cai thầu văn nghệ và những trí thức ma-cô thời đại. Nếu gạt bỏ đi cái phần kỹ thuật thờ ơ thượng của loại phóng sự kiểu ấy thì ta vẫn bắt gặp được chứng nào ý thức xã hội ở nơi tác giả, biểu-

hiện bằng sự phản ứng hết sức tinh nhạy hàng ngày. Với bấy nhiêu đó, tác giả cũng đã tỏ ra có một tinh thần trách nhiệm cao hơn những kẻ tự nhận cao sang nhưng suốt trong thời-gian ấy chỉ biết trối tay hầu hạ một lớp độc tài, miễn sao hàng tháng thu nhận được đồng tiền...tốt.

Ngoài nguồn tài liệu là đôi tờ báo hàng ngày mà ông đọc quá dễ dãi, người ta thấy ông đã dựa vào một thành kiến lâu đời của một giáo - sư bảo thủ đối với tình hình đề mà phán xét, hơn là theo dõi thực tế để phân tích nó. Cho nên ông cũng không hề nhìn thấy được một sự thực khá phũ phàng này : Sáu tháng trời nay người làm văn nghệ tìm không ra giấy để in tác phẩm của mình. Muốn xuất bản sách họ phải khó khăn để tìm mua giấy chợ đen với giá đắt hơn chính thức mỗi « ram » trên cả trăm đồng. Những ấn loát phẩm tốt đẹp mang đến tay ông không chỉ có phần nhỏ tùy của người sáng tác và lớp mồ hôi của những ấn công, mà còn có cả nước bọt và nước ết-xăng tiêu phí cho bọn gian thương kia nữa. Sản phẩm văn học, nếu có nghèo nàn như lời nhận xét của ông, không hẳn chỉ tại nó vô tổ chức và không có một hướng đi. Thực ra bọn buôn bán giấy ở cái kinh thành văn hóa này đây không thể đếm quá ba người. Thế mà tổ chức của chúng quá đổi chặt chẽ, hướng đi của chúng quá sức khôn ngoan đến độ những người chủ trương văn hóa cũng không thấy chúng như là một

chướng ngại vật công-kênh đã làm tức gan lộn ruột bao người văn hóa.

..

Những sự tìm hiểu trên đây chỉ để xác nhận cái nhìn thiếu sót của giáo sư Ái về một hiện tình văn hóa miền Nam, trước và sau ngày chế độ Ngô-triều sụp đổ.

Bên cạnh sự thiếu sót ấy, tác giả của bản đề án lại không có một chủ trương văn hóa thích hợp cho giai đoạn này. Quan niệm lệch lạc của ông được thể hiện rõ trong các phần sau của bản đề án mà đây là những điểm chính :

1) Sự phân biệt hai quan điểm tổ chức văn hóa của ông là một lập luận hời hợt và mâu thuẫn. Theo Giáo sư Ái, có hai quan điểm tổ chức văn hóa thái cực, một là quan điểm văn hóa thuần túy chỉ làm những công tác trong phạm vi văn học, nghệ thuật, hai là quan điểm văn hóa chủ trương thực hiện công tác văn hóa thuần túy và những công tác văn hóa cứu quốc.

Trong cái quan điểm thứ nhất, giáo sư bảo rằng đó là chủ trương của những hạng người nhận định văn hóa thuần túy theo kiểu Hàn-Lâm-Viện-Pháp, chủ trương văn học nghệ thuật tách rời chính trị theo kiểu vua quan dưới triều Tự-Đức, chủ trương gạt hẳn khoa học, giáo dục ra khỏi văn hóa kiểu Unesco.

Thực ra, vua quan dưới triều

Tự-Đức đâu có tách rời văn nghệ ra khỏi chính trị? Gạt bỏ những bài thi văn nói lên tâm sự cá nhân, vốn chẳng có nhiều, thì những sáng tác thời ấy phản ánh thật đúng nguyện vọng chính trị của cả chế độ và sự phân hóa trong xã hội ấy. Người ta tự hỏi không biết giáo sư nắm được những gì về cái tình hình văn nghệ của thời Tự-Đức, hay ông tưởng nó gồm trong mấy tiếng « *Ở Thị Bằng ơi...* » mà đến ngày nay người ta vẫn chưa định được xuất xứ rõ ràng. Hơn nữa, sinh hoạt thời đại bấy giờ chưa thể có những chủ trương văn hóa, văn học như chúng ta đang quan niệm, cho nên khó lòng xem đó như những kiểu cách để ta đối chiếu lập luận. Còn Pháp và Unesco, nếu phải tổ chức văn hóa tách biệt khoa học, giáo dục, thì không phải vì họ có quan niệm thuần túy, trừu tượng về các bộ môn, mà chỉ vì một nhu cầu thực tế: sinh hoạt phong phú, phức tạp của các ngành này ở tại nước Pháp cũng như ở Liên-Hiệp-Quốc không cho phép họ điều khiển dồn chung trong một tổ chức, chứ nó vẫn gồm trong... Unesco kia mà!

Vậy khởi điểm chính của các tổ chức trên đây vẫn là dựa vào một cái thực trạng xã hội, thực trạng sinh hoạt. Vấn đề mà chúng ta đang băn - khoăn phải là tìm hiểu cái nhu-cầu ấy trong những sinh-hoạt của ta, tìm hiểu khả-năng có thể đòi hỏi của nhân dân cũng như khả năng có thể đáp ứng của chính-quyền.

Nếu chỉ đứng trên danh từ trừu tượng, dựa trên phân loại mơ hồ thì sẽ tự dồn vào những lập luận mâu-thuân. Và ông đã tự mâu thuẫn như sau:

a) Ở trên, ông thừa nhận rằng quan điểm thứ hai kết hợp văn hóa thuần túy với loại văn hóa cứu quốc. Ở dưới, ông lại xác nhận quan điểm thứ hai tức là văn hóa tranh đấu hay là cứu quốc. Như thế, những loại thuần-túy, trong lần phát biểu thứ hai, nằm ở nơi nào? Và ông quan niệm thế nào về tiếng *thuần-túy* mà trong đề án của ông nó phải quan niệm như là đối lập với lại *cứu quốc*? Hình như ông không hiểu rõ về các danh từ trên đây hoặc chỉ hiểu nó một cách cảm tính, nghĩa là hoàn toàn theo những thành - kiến, theo những trực giác mơ hồ. Bởi thế, định ban đầu của ông là muốn phân biệt trắng, đen hai loại khác nhau, nhưng khi cầm bút, quan niệm mơ hồ đẩy ông dồn nó vào chung một loại.

b) Ở dưới, ông bảo rằng ông bênh vực quan điểm thứ hai là phải dồn chung khoa học vào cùng với văn-hóa vì ông thấy rằng nếu không, thì khi thực hiện tự-điền sẽ không có sự hợp tác của nhà chuyên môn. Thế mà ở trên, ông bảo những người văn hóa thuần túy ở Pháp chỉ có mỗi một công việc là ngồi... soạn thảo tự điền. Vậy thì họ soạn tự-điền cách nào?

Điểm này lại càng xác nhận ông không hiểu rõ tính tự « thuần túy », và ông cũng không hiểu được tính-

cách biệt lập và mối tương quan của các tổ chức. Theo lý luận ấy, người ta có thể nghĩ rằng : cần phải mở ngay lò rèn trong các hàng thịt. Vì sao ? Vì nếu không gấp chủ-trương như vậy, thì làm thế nào có dao cắt thịt ? Và cứ như thế thì trong lò thịt phải có cơ quan văn-hóa. Vì sao ? Vì sẽ không có giấy báo thừa thãi để mà gói thịt. Rồi thì cứ thế mà lý luận thêm, thì cái lò **thịt** **phút** **chốc** biến thành... thế **giới** !

2) Quan niệm văn hóa chỉ huy và viện văn-hóa đặt dưới Hội - đồng Giám hộ gồm các Tổng Bộ trưởng là một lầm lẫn nguy hại. Sau khi chỉ trích văn hóa hiện thời thiếu hẳn tính chất tranh đấu vì không có một hướng đi, giáo sư họ Phạm nhận thấy cần phải chỉ huy văn-hóa. Ông có an ủi chúng ta rằng chỉ huy này « *chắc chắn là sẽ khác nhiều lẽ-lối lãnh đạo độc đoán, chỉ dè nói nai, trong các nước độc tài phát-xít, dân chủ nhân dân và xã-hội chủ nghĩa* ».

Nghe nói như thế những người đa cảm có thể xúc động vì lời hứa hẹn có vẻ ngon lành. Nhưng người văn hóa, vốn thường đa nghi, có thể nhân đấy mà đặt vấn đề tìm hiểu. Và trong tìm hiểu, họ thấy quan niệm giáo sư còn những sai lầm. Sau đây ta hãy nêu lên một vài nét chính :

Lẽ một là ông lầm lẫn bản chất của những hoạt động văn hóa với bản chất những hoạt động quân sự hay là kinh tế. Trong bài diễn văn

khai mạc, Phó Thủ tướng đã có nhấn mạnh điểm này, mà rất tiếc là, giáo sư đã không tiếp nhận được đề khai triển cho đúng mức. Nghiên cứu sự thất bại trong chính sách văn hóa của Ngô-Đình-Nhu, Phó Thủ tướng đã rút lấy hai kinh nghiệm căn bản như lời tuyên bố của ông : « *Rằng — sinh hoạt văn hóa có những qui luật riêng không thể bị đồng hóa với sinh hoạt kinh tế — rằng chính yếu tố căn bản của hoạt động văn hóa là sự nhiệt thành* ». Thiết tưởng hai kinh nghiệm ấy đã tóm lược quá đầy đủ đặc tính của những sinh hoạt văn hóa, hiểu trong phạm vi văn học nghệ thuật. Bởi vì văn nghệ phát sinh từ sự rung cảm, truyền đạt bằng rung cảm ấy, và được tồn tại nhờ rung cảm ấy. Rung cảm đủ sức tạo nên công trình văn nghệ bắt nguồn từ sự cảm thông, gần bó giữa người và người, giữa người và việc, đủ sức khơi dậy sự sống vô cùng huyền diệu, có một năng lực truyền nhập, biến hóa khác thường. Thiếu sự rung cảm văn nghệ là những công thức khô khan, là những khẩu hiệu nhằm chán. Thiếu nguồn sống ấy, sản phẩm văn nghệ là nhữg xác chết. Nếu muốn sản xuất khẩu hiệu, phơi bày xác chết, hà tất phải tốn bao nhiêu ngân quỹ, công lao để quần tụ lại những lớp người chỉ chực đào ngũ khi nghe một tiếng hô nghiêm trong lãnh vực mình. Trong lãnh vực ấy không có tiếng « nghiêm » cũng như tiếng « nghị » hoàn toàn phân biệt, bởi vì cái thái độ « nghị » của họ có thể là một cách « nghiêm » nhiều khi

cần trọng hơn là bất cứ một tiếng « nghiêm » nào.

Người ta tán thưởng hình ảnh tinh xác mà ông Đoàn-Thêm vận dụng là so sánh nước với tinh thần văn hóa, khi ông đứng lên bày tỏ quan điểm của mình, sau khi Phạm tiên sinh thuyết trình dự án. Văn hóa quả thực mênh mông, nhiều vẻ nhiều màu như nước ở muôn hình trạng trên cõi đời này. Con người có thể đào kênh, khơi ngòi, có thể khai thông cho suối, cho nguồn để nó tưới tắm cánh đồng màu mỡ hoặc làm mát mẻ vườn cảnh xinh tươi, nhưng nếu muốn đem nhốt nó vào hồ, vào chậu, thì những căn bã tù hãm chóng làm vẩn đục, hoặc biến chúng thành một chỗ sinh sôi nảy nở của loại rong rêu chờ ngày mục nát mà làm phân bã.

Ngày trước, khi Ngô-Đình-Nhu muốn « nắm văn hóa », không phải là y không thấy bản chất mềm mỏng mà cứng rắn, hữu hình mà vô lượng của sinh hoạt này.

Qua cái luận điệu « chỉ mong bắt loài cá bé » của y, người ta cũng thấy chừng nào khiếm tốn đối với vấn đề. Nhưng Nhu đã nếm thất bại vì y tưởng làm cá bé không cùng bản chất sinh hoạt với loại cá to. Vẫn biết có những loại cá ăn mỗi rau thịt và loại thích xoi... phân bã, có những loại kinh, loại ngạc mỗi ngày mỗi một lớn lao và có loại rô, loại diếc không sao thoát khỏi thân phận yếu hèn. Tuy nhiên cá vẫn thích quen bơi lội nhón nhơ trong nước, và loài quen mùi mặn chất đại-dương

khó lòng chịu vị ngọt ngào của chốn ao hồ. Những cá đón mồi ở các cửa sông và quen sống hai dòng nước không phải chiếm phần đông đảo và cũng không phải là giống dễ nuôi !

Lẽ hai, giáo sư họ Phạm quan-niệm tổ chức là một vấn đề hình-thức, một thứ khuôn định hoàn-toàn thể theo sáng kiến chủ quan của kẻ đặt bày. Ông chưa nắm vững tinh hình văn hóa, chưa thấy rõ một chủ trương đường lối phải đi cho hợp với những yêu cầu thực trạng, đã vội qui định ngay một tổ chức nặng nề. Tổ chức, xét trên căn bản, là một kêu đòi nội tại trước khi trở thành một thứ hình hài. Tổ chức biểu thị nhu cầu tập hợp, nhu cầu sắp xếp của một cơ năng sinh hoạt muốn được thích nghi và được trường-tồn. Người ta thường bảo rằng Thiên-Chúa giáo có một tinh thần tổ chức rất cao, nhưng ngoài trình độ kỹ thuật mà cấp lãnh đạo của tôn giáo ấy thấu đạt qua nền văn minh tân tiến Tây-phương còn một yếu tố quyết định là lòng tin-tưởng mãnh - liệt của kẻ tin đồ đối với giáo điều. Những học sinh, sinh viên rời rạc trước kia, cũng như tăng ni trăm lạng, phân tán ngày nào, bỗng chốc trong ngày Phật-nạn tự khép thành nhiều hàng ngũ khác nhau, thành nhiều tổ chức tuyệt hảo đề đương đầu với kẻ thù và đạt thắng lợi vẻ-vang. Giáo sư họ Phạm vốn quen điều khiển học trò trong những khuôn khổ lập thành nên quan-niệm về tổ chức, chỉ huy, có phần

quá sức thô sơ. Tuy nhiên, nếu không có lòng cầu học, hoặc phải thụ giáo một kẻ kém cả đức tài, để gì đám học trò kia để cho lớp học — là cái tổ chức — được mãi an toàn ?

Nhưng người văn hóa không phải là đám học sinh chưa qua khỏi tuổi trưởng thành. Cuộc sống thiên về cảm xúc, suy tưởng, dễ khiến cho họ thấy mình quán xuyến cuộc đời và tự đặt mình vào một vị trí quá cao, ít nhất cũng trong ảo-tưởng. Dù đúng hay sai, đó cũng là một sự thực mà ta không thể bất chấp, không thể cho qua, nếu muốn ghép họ vào trong tổ chức. Kẻ nào muốn nói điều khiển, trước hết phải nói vâng lời. Còn giáo-sư Ái, trước khi mưu đồ sự nghiệp chỉ huy, ông vội ban hành mệnh-lệnh.

Hơn nữa, tha thiết tự do, đó là truyền thống của người văn hóa. Dù phải bị loài chó sói nhai xương trong lúc thênht thang rừng núi, vẫn cam lòng hơn là gặm cỏ mướt trợn đời trong khu vườn hẹp của lão Seguin. Lòng tha thiết ấy vốn đã đời đời đâu từ kiếp trước, nay được tiếng súng Cách-Mạng vừa qua bồi tiếp bao nhiêu sinh lực kiên cường. Điều người văn hóa mong đợi tất nhiên không phải là những chiếc rọ sơn màu lòe loẹt hứa hẹn... « không như phát-xít, độc tài » !

Nói thế, thực không có ý đặt người văn hóa ra ngoài công lệ cũng không hoài bão tìm cho văn hóa một tiểu giang sơn. Những người văn hóa

văn nuôi sống bằng cơm gạo, với rau Phú-Nhuận hoặc thịt Chánh-Hưng, tất cũng phải như muôn ngàn kẻ khác. Nghĩ rằng họ có độc quyền được sống no đủ trong khi mọi người thiếu thốn, được sống phóng túng trong khi mọi người phải chịu kỷ luật, quả là một chuyện hoang đường, không có người văn hóa nào thành thật với mình lại muốn trở thành ích kỷ, lỗi thời như thế. Vấn đề ở đây chỉ là xác nhận yếu tính của họ về mặt tập hợp và trình bày rõ nhu cầu riêng biệt của họ ở trong sinh hoạt, để tránh một sự phê phán vội vàng — là vô tổ chức — và khỏi phí công đặt sự chỉ huy trước khi xây dựng nền tảng tinh thần của một tổ chức. Người ta chỉ huy họ rất dễ dàng khi đòi hỏi họ ở trên phương diện công dân nhưng trên sinh hoạt văn hóa, đó là một đòi hỏi khác. Lớp văn nghệ sĩ bị gọi động viên không phải là ít, nhưng sự sáng tác trong cái hoàn cảnh động viên của họ nào thấy bao nhiêu ? Nghe nói ông Thanh-Tâm-Tuyền được đi gác cầu Bình-Lợi và gác siêng năng, còn ông Thế-Viên vào ngành An-Ninh Quân-Đội đã được tuyên dương công trạng. Nhưng thi sĩ Thanh-Tâm-Tuyền vẫn chưa có một bài thơ tự do đặc sắc về sự gác cầu, cũng như thi sĩ Thế-Viên chưa có một đoạn ca nào tuyệt tác kêu gọi người ta phục vụ An-Ninh ! Bởi lẽ đời sống tinh thần của người văn nghệ thiên về rung cảm, hướng về cái đẹp, một khi sinh hoạt bên ngoài đủ sức kích động những

nguồn rung cảm sâu xa, khơi lên sự sống rất rào, thì tức khắc họ kêu đòi được làm một kẻ phá ngôn trung thực. Như thế, không phải là vì gác cầu không thú hay làm An - Ninh không đẹp nhưng sinh hoạt ấy chưa đủ điều kiện gây tạo cho họ một niềm gắn bó sâu xa như một khát thèm. Có thể vì bản thân họ chưa tìm được mối cảm thông sâu sắc, có thể vì chính quyền chưa giúp đỡ cho họ nhận ra điều ấy. Khi những con người văn hóa được thấy lay động bởi một kêu đòi lớn lao, chan hòa trong sự thông cảm, thì không đợi đến một cái vẫy tay tập hợp thứ nhì họ sẽ nhất tề hội lại và nghiêm túc theo mệnh lệnh phát xuất từ lòng của họ, nhưng được nói lên từ một miệng nào.

Lẽ ba, giáo sư không thấy sát đúng được mối tương quan giữa văn-hóa và chính trị. Ông nhìn văn-hóa như là công cụ hết sức đơn giản của kẻ cầm quyền, mà quên hẳn rằng nó chỉ thực sự có tác động tốt khi nào nó hướng được về lẽ phải, nghĩa là hướng về nguyện vọng đông đảo nhân-dân. Cho đến những tác phẩm cồ, của một tầng lớp sĩ phu trực thuộc đế - quyền, trong một hoàn cảnh mà đại-đa số nhân dân bị tước đoạt quyền bút mực, cũng chỉ có giá trị lớn khi nó phản ánh được những nguyện vọng thâm - thiết trong đời quần chúng. Chính Phụ Ngâm Khúc bày tỏ khát vọng yên vui chính đáng của người đàn bà thời loạn, và đó cũng là khát vọng

muôn dân. Đoạn - Trường - Tân - Thanh nói lên nỗi khổ của một con người tài đức vẹn toàn bị đời giày xéo, ước mong hạnh-phúc, như chính người dân văn thường ước ao trong niềm thống khổ mệnh mông thường trực của mình.

Vậy nền văn hóa phong - kiến, là nền văn hóa xem ra có nhiều sắc thái tối đòi hơn cả, thế mà đi vào căn bản những công trình văn nghệ thực sự xứng đáng với danh hiệu ấy vẫn không trực thuộc chính trị chút nào. Điều này rất là dễ hiểu, vì chế độ của vua quan không phải là một con đường tươi mát đưa dân về chốn an lành.

Chế độ chúng ta ngày nay tự coi như được dựng nên theo ý nguyện người dân, nhưng chế độ ấy còn là dự án. Cái dự án ấy còn chờ thực hiện, còn chờ điều chỉnh, đó là sự thực hiện nhiên không thể không nhìn thấy được hàng ngày. Chính quyền vẫn tự xem mình là kẻ cố gắng tìm một phương thức hữu hiệu để cai trị dân, chưa phải thấy mình đồng hóa với dân.

Sự đồng hóa ấy chỉ được thừa nhận với cái cấp bằng bầu-cử, tất nhiên không phải là lối bầu cử của thuở Ngô Triều.

Văn hóa là ý hướng tinh nhạy nhất của một sinh hoạt, giá trị xứng đáng của nó đều có tính chất tiêu biểu, tổng hợp. Như vậy, người làm văn hóa chân chính phải đứng về phía quần chúng nhân dân, nếu không muốn hiểu hoạt động văn hóa chỉ gồm trong mỗi một việc gìn

giữ bảo tàng. Đối với chính quyền hiện tại, người văn hóa xin tự nguyện ủng hộ hết lòng, nếu cấp lãnh đạo cũng thực hết lòng chăm lo hạnh phúc cho dân. Một khi nguyện vọng của dân đã được thỏa mãn hợp lý, thiết tưởng mọi người văn hóa chân chính đều thấy hãnh diện mà phục vụ chế độ, làm người hợp tác trung thực với cấp lãnh đạo của mình. Trong cái khuôn khổ chính tình hiện tại, chính quyền tha thiết với dân đang còn cố gắng một cuộc thâu phục nhân tâm, thì sự kêu gọi hợp tác của người văn hóa cũng đang nằm trong ý nghĩa của thâu phục ấy.

Trên những chặng đường gian nan của sự cảm thông để được trao thân gởi phận lâu dài, đã vội bày trò giám hộ, tính chuyện chỉ huy thì một nhân duyên cưỡng ép làm sao tránh khỏi phụ phàng!

Lẽ bốn, trong khi lên án tình thần vụ lợi của nền văn hóa hiện tại, giáo sư đã làm một việc phí công, nếu không nói là lầm lẫn quan trọng. Phí công vì bởi người làm văn hóa, văn nghệ hiện nay vẫn phải hàng ngày nuôi sống con người của họ và gia đình họ một cách hết sức khó khăn. Thực là dễ dàng nói chuyện cao siêu khi đã có sẵn đồng lương no đủ chờ mình hàng tháng ở trong công quỹ! Nhưng xét lịch sử nước nhà chưa thấy có ai thực sự cao siêu khi lẽ sống mình được xếp thành ghim ở trong ngân khố. Hơn nữa, chúng ta đâu còn sống lại thời buổi xa xưa, khi kẻ hiền nhân « hà tất viết lợi » có thể bằng lòng

cơm hầm, nước trong để vun trồng cây đạo nghĩa và được thánh nhân nức nở khen lao? Thời buổi chúng ta, kẻ yếu nói chuyện hòa bình sẽ bị coi khinh là trò lạy lục van xin tha mạng, người nghèo kêu gọi nhân nghĩa sẽ bị đánh giá là lời cầu xin bố thí lỗi thời. Chúng ta ít nhiều là những kẻ đang mê mải chạy đi tìm vàng, có lúc đói ăn cứ ngỡ đồng loại của mình là một con gà có thể xé phay, như hễ Charlot đã từng chứng tỏ.

Ấy thế mà đa số người đuổi theo văn hóa hiện tại không có một món lợi nào. Viết một tác phẩm ba tháng mới xong, nài nỉ bán năm ngàn bạc, không đủ nuôi một tháng cơm cho một gia đình có sáu miệng ăn khiếm tốn. Mà đó là những « văn tài », là kẻ « có tên có tuổi »! Có những cơ quan văn hóa thời qua — nhãn hiệu chính quyền — mỗi lúc đăng bài tác giả, chỉ trả nhuận bút sáu tháng về sau, và không bao đảm lấy được đủ số bao giờ. Phải thấy trước đây những người từ Huế lặn lội vào đến Sài-gòn đòi cho được vài ngàn bạc ở một cơ quan văn hóa chánh quyền, và khi đếm lại bao giờ cũng mất ít trăm, mới thấy những sự tồi tàn quả có đầy hơn bãi rác Phú Thọ. Những sự kiện này không phải là điều thêu dệt, bởi vì bất cứ lúc nào chúng ta cũng vẫn có thể xuất trình nhân chứng, và là nhân chứng số nhiều. Trong ngành hội họa, trước đây, có biết bao chuyện cười ra, nước mắt. Năm đầu, triển lãm Mùa Xuân, họa sĩ được lãnh

huy chương vàng... thiết, đem ra bán đỡ tiêu xài. Năm sau, lại có huy chương vàng nữa, nhưng họa sĩ này cũng chẳng giàu hơn kẻ trước bao nhiêu, định đem cầm tạm, mới hay là thứ vàng... xi, không đáng mười đồng. Cũng trong dịp triển lãm ấy, một họa phẩm được huy chương bị người đánh cắp. Cắp trên hứa hẹn bồi đền, và mãi mấy năm về sau, nhờ sức chạy chọt dẻo dai và nhiều thế lực đương thời can thiệp, mới được cấp trên trả lại... vài ngàn ! Như thế thực không biết người văn hóa vụ lợi chỗ nào, trong khi muốn theo đuổi mãi nghề văn nghiệp vẽ họ phải nương nhờ vào sinh hoạt khác, và nhiều sinh hoạt có thể khiến cho giáo sư họ Phạm giạt mình.

Có lẽ giáo sư nghĩ đến một số cây bút viết truyện tình cảm, đam ô, kiếm hiệp hàng ngày với một đồng lương trên mức trung bình. Có lẽ giáo sư nghĩ đến ca sĩ hát hò, uốn éo có những nếp sống sinh hoạt trên mức phong lưu. Sự thật không phải hoàn toàn như thế. Nhiều người cầm bút — như bà Tùng Long — cũng đã tuyên bố thành thật là mình không phải viết văn, không làm văn hóa, mà chỉ là làm nghề nghiệp nuôi con, phải viết đề sống, hiểu rất đơn giản tiếng « viết » là một thủ đoạn mưu sinh. Những người này không cần nghe theo và cũng không thể nghe theo bất cứ là tiêu chuẩn nào của các trào lưu văn hóa, ngoài cái tiêu chuẩn ăn khách hàng ngày. Còn biết bao nhiêu ca sĩ tân nhạc không thể

« vụ lợi » trong nghề phải « vụ lợi » nơi chốn khác ? Còn biết bao nhiêu nghệ sĩ chết không có mảnh đất chôn, bao nhiêu những kẻ quần quai trên giường bệnh viện được các đồng nghiệp kêu rao trợ giúp thăm thương trên báo hàng ngày ? Trong mùa mưa gió này đây, bao nhiêu gia đình tài tử cải lương bị xua đuổi ra khỏi nơi trú ẩn là các đình chùa ? Chỉ cần đọc các trang trong của tờ Lễ Sống, của tờ Buổi Sáng v.v... nói về sinh hoạt sân khấu, kịch trường, giáo sư cũng thấy khá nhiều sự thực, bắt tất phải đi tìm hiểu xa xôi cho tồn tinh thần.

Có lẽ giáo sư lầm lẫn các nhà văn hóa văn học với nhà xuất bản, lầm lẫn những người chế tạo hàng hóa với kẻ trung gian tiêu thụ món hàng. Thực không có gì chua chát bằng lầm lẫn người chủ báo, với người viết báo, lầm lẫn tác giả với chủ tiệm sách. Văn hóa, văn học của chúng ta đây hoàn toàn là của tầng lớp trung gian, do sự chỉ định của trung gian ấy. Công kích tinh thần vụ lợi, lẽ ra là công kích lớp trung gian, mà tầng lớp này quả thực không phải là nhà văn hóa ! Nhưng công kích lớp trung gian, nguy thay, là công kích cả kiến trúc của nền xã hội hiện thời.

Giáo sư quả không có chủ tâm ấy, chúng tôi biết thế, nên muốn giáo sư dễ dặt nhiều hơn trong cách đặt định vấn đề để cho cấp trên có thể thực hiện phần nào kế hoạch của mình. Và để cho biết bao nhà

văn hóa trọn đời chui rúc trong các ngõ hẻm, ở nhà thuê, ăn cơm trọ, giầy vò giữa cái sinh kế tủi nhục và cái lý tưởng cao xa, khỏi mỉm cười chua chát khi nghe hai tiếng « vụ lợi » trên đầu. Và biết bao nhà văn hóa, chỉ vì lý tưởng của mình mà phải vào tù ra tội, đã phải hy sinh tính mạng, hoặc chịu kéo lê những ngày bệnh hoạn triền miên, khỏi phải quắc đôi mắt giận — nhưng vẫn khoan dung — đối với giáo sư.

Lẽ năm, giáo sư quan niệm sai lầm khi bảo chỉ cần thiện chí là có thể tham gia những sinh hoạt văn hóa. Nói thế, giáo sư trở lại với mỗi lầm lạc ban đầu là ngộ nhận về bản chất văn hóa, đồng thời thêm một ngộ nhận về cái cơ cấu xã hội của ta hiện tại. Biết bao kẻ làm văn nghệ thiện chí đầy mình — và là thiện chí thứ thiệt — chẳng tạo nên được một công trình nào xứng đáng. Năng lực của họ, nếu được dùng vào việc khác, sẽ ích lợi cho xã hội nhiều hơn. Chẳng hạn như giáo sư Ai, không ai dám bảo là ông thiếu hẳn món thiện chí này, nhưng nếu ông cứ làm sách giáo khoa (?), giảng dạy lý hóa ở trường hơn là đem thiện chí ấy ra làm dự án, thì chắc đa số con em sẽ còn giữ nguyên một niềm tin phục đối với giáo-sư, như các bậc trưởng thượng họ trước đây vẫn quý giáo sư là nhà mô phạm có nhiều khả năng và giàu lương-tâm chức - nghiệp. Ngược lại, biết bao nhiêu kẻ nghèo nàn thất học ở chung quanh ta khao

khát được thấy đời mình quang đãng hơn lên, và họ vốn giàu thiện chí hơn là cơm áo, nhưng e trọn đời họ vẫn không làm sao hoạt động văn hóa được cũng không làm sao bước vào trong tổ chức ấy, và chẳng biết vào làm gì, mặc dù giáo sư có dụng ý tốt chưa ít chỗ ngồi cho họ.

Khi nào dân chúng no đủ dồi dào, học vấn thông suốt, bầu cử những người đại diện của họ từ cấp xã thôn đến cấp trung ương, họa chăng họ sẽ nhận thấy thiện chí có thể giúp họ chừng nào trong lãnh vực đó.

Thiện chí ! Thiện chí ! Thực là một tiếng quá đời mơ hồ có thể xử dụng cho khắp mọi việc trên cõi đời này, trừ cho văn hóa, ở trong điều kiện hiện tại của xã hội ta.

Thiện chí ! Thiện chí ! Nhưng chính thực Ngô-Đình-Diệm trước kia là người thích dùng món đó mỗi khi nói với đồng bào chúng ta. Phái đoàn « giải độc » của Trần-Lệ-Xuân ra các nước ngoài cũng là thiện chí chứ sao ? Và Phan-Quang-Đông, trước khi đèn tội, vẫn cứ một hai ba bốn là mình chỉ có thiện chí phục vụ mà thôi. Nhưng còn một chỗ đời đời thiện chí hơn hết, đó là . . . địa ngục. Chẳng thế, Tây-Phương đã không chua chát bảo rằng : « Địa ngục vẫn được lót đầy thiện chí » !

Tóm lại, giáo sư đã không nắm vững tình hình, lại không có một

quan niệm cụ thể, sát đúng về bản chất văn hóa cùng những yêu cầu của xã hội ta, nên chỉ phác họa được những sai lầm. Ông lại không vận dụng được quan niệm văn hóa và quan niệm về tổ chức văn hóa nói đến trong bài diễn văn khai mạc của Phó Thủ tướng vốn chủ trì rằng văn hóa phải « đặt trên những yêu cầu dân chúng hiện tại » « không thể đi ngoài ý thức thời đại ở trên các mặt sinh hoạt ». Như thế, thay vì nghiên cứu yêu cầu dân chúng một cách chu đáo, thay vì tìm hiểu ý thức thời đại ở trên mọi mặt sinh hoạt để hiểu nguyện vọng sâu xa, kêu gọi thực sự thế nào, hầu có quan điểm văn hóa thích hợp, thì giáo sư lại đặt nhẹ thớt hơn những thành kiến cũ kỹ của mình.

Tinh thần bảo thủ đưa đến quan niệm máy móc, dẫn đến lập luận mơ hồ, dặt vào... mê tín hoang đường. Thực không có gì buồn lòng hơn là khi nghe giáo sư kết thúc dự án bằng cách trưng ra hai triệu bất tường. Giáo sư muốn đẩy lùi hẳn ý thức xã hội về mấy trăm năm, ngàn năm về trước, khi những con người bắt đầu làm một việc gì thường coi sách quẻ, thường bói dò gà, lưu ý từng cái máy mắt, từng con nhện sa.

Nhưng nào có đáng là triệu bất tường cho cam ! Nếu Ngô - Đình - Diệm thất bại trong việc lập Hội Văn Hóa là vì y không hiểu rõ bản chất văn hóa, y đã chủ trương « nắm lấy » một cách sai lầm, chứ đâu có phải là một định mệnh ? Việc làm của y đã bị chúng ta lên án chín năm

trời nay, và rầm rộ hơn trên sáu tháng nay, tại sao lại ràng buộc y vào với chúng ta bằng một luận điệu thần bí, thiêng liêng, như là đôi bên cùng chung số kiếp ? Theo ý giáo sư, những gì Diệm-Nhu không thực hiện nổi thì chúng ta đây đành phải đầu hàng. Thế những kinh nghiệm quý báu mà Phó Thủ Tướng rút được qua sự thất bại của họ, dùng để làm gì ? Chắc rằng, nghe lập luận này, dòng họ Ngô Đình vẫn còn dành sẵn một chiếc mề đay thượng đẳng, bên kia thế giới...

Chúng ta không muốn tác giả phủ nhận nỗ lực cách mạng bằng cái thái độ tín nhiệm quá đáng dòng họ Ngô Đình, cũng như không muốn tác giả có một thái độ ngờ vực sai lầm dụng tâm của các báo chí.

Giáo - sư bảo sự so sánh dự - án lập Viện Văn hóa với cái dự - án du hành nguyệt điện trên một nhật báo là triệu bất tường ! Nếu đứng trên một quan điểm văn hóa tự-do, ông sẽ nhận thấy dụng ý rất tốt của tờ báo nọ, tức là gián tiếp kích động chính quyền bắt tay xây dựng những việc lớn lao. Hiểu theo nghĩa khác thì so sánh ấy có thể là lời phê phán, ngụ ý cản ngăn chính quyền khỏi mất công làm những chuyện vô ích xa vời trong khi bao nhiêu vấn đề gần gũi trước mắt có ích lợi cho văn hóa nhiều hơn cần được giải quyết cấp bách. Dầu hiểu thế nào đi nữa, một sự so sánh như trên đều là cần thiết cho người cầm quyền, nếu quả người ấy muốn biết phản ứng nhân dân để mà điều chỉnh đường lối của mình.

Chỉ sợ trước mọi chủ trương chính sách chính phủ đề ra, người dân vẫn giữ thái độ vô can, bất động. Cái im lặng của dân chúng không thể đem ra so sánh với vàng, nếu xét trên cái quan điểm cầm quyền. « *Hãy nói lên đi, dầu là lời nói thế nào* », đó là tâm sự duy nhất của người lãnh đạo chân chính ngỏ với nhân dân, để tùy theo câu trả lời mà sửa cung bậc và đặt lời ca.

Tất nhiên, một khi báo chí có những nhận xét sai lầm — và điều này chẳng có gì đáng phải lo sợ, ngạc nhiên—thì tưởng chính quyền phải nên điều chỉnh bằng một thái độ thẳng thắn, như văn phòng Phó Thủ-Tướng đã làm khi trả lời lại loạt bài văn hóa của ông Mặc-Thu trên nhật báo. Người Việt Tự-Do.

Nhưng, khốn nỗi, giáo sư Ái không muốn hiểu báo chí theo cái tinh

thần văn hóa tự do, mà chỉ muốn xét theo cái quan điểm chỉ huy, giám-hộ !

Có lẽ ông thích nghĩ rằng mỗi một dự-định của mình đều là chân-lý hiển nhiên, không ai được quyền thắc-mắc. Từ cổ chí kim, chỉ nghe có mỗi một Đức Chúa Trời là dám tự phán : « *Lời nói của ta chính là sự thực* », còn thì muôn vạn chúng sinh mù quáng sần, si, làm sao mà thấy được mình, nếu không tìm trong dư luận bên ngoài một tấm gương soi ?

Báo chí hay lực lượng nào cũng không làm sao tự thân đem lại cho ta một triệu bất tường, nếu như ở trong công việc ta làm không chứa đựng sẵn nỗi niềm hoảng-hốt của kẻ thiếu hẳn lòng tin, nhưng bị đẩy vào một cuộc phiêu lưu.

VŨ-HẠNH

SỬA LẠI CHO ĐÚNG

Trong bài « *Vài nhận xét về đề án văn hóa của giáo sư Phạm-Đình-Ái* », đăng trên đây, có một số ấn bản chưa kịp sửa lỗi sau, mong các bạn sửa giùm :

— Trang 1 cột 2 dòng 14, câu « *chịu nhiều ảnh hưởng ngoại lai mà không phê phán* » xin bỏ các chữ : « *mà không phê phán* ».

Trên Bách-Khoa số 177 (15-5-64) số đặc biệt ngày Phật Đản — trang 43, bài của ông Nguyễn-Phương đáng lẽ đề là : « **Một phương pháp dạy sử** » thì đã in là « *Một phương pháp sử học* ».

Xin quý vị độc giả sửa lại giùm cho và trân trọng cáo lỗi cùng tác giả bài « *Một phương pháp dạy sử* ».

Tạp Chí Bách-Khoa

6 ĐOÀN CA

hữu phương

Dìu nhau vào giữa biển sâu
Lắc lư cho lãng thương đau kiếp người
Vẫn cầu ngăn bước sóng xuôi
Triều dâng ré một dòng đôi tâm tình
Nhìn em ngửng đẹp bình minh
Tiếc thay hồng chốc lênh đênh mất rồi
Dòng đời gió cuốn mây trôi
Buồn xin trao lại lúc rời tay nhau
Khuya đi lặng lẽ cúi đầu
Nhìn em thay một lời cầu tương lai.

Dừng đây em : ngẫm sông trôi
Dòng đưa những chuyến xe đời về đâu ?
Mắt xanh còn đượm vẻ sầu
Thương đau còn mãi đèo sau kiếp người
Bèo rêu lưu lạc biển khơi
Lênh đênh chốc lại rã rời đổi thay
Phù sinh ngắn tựa một ngày
Miên trường thu đó dằng dai một mùa
Rồi như giấc mộng hão hờ
Bôn chôn luống sóng ôm bờ đại dương.

Thiên đường hỏa ngục ô hay !
Mà sao mù cả phương này có em
Hoa như sắc lại dưới đèn
Cho anh khát vọng cuồng lên sóng lòng
Đẹp người con gái phà dung
Biết là... ai nói rằng không tuyệt vời
Tay người bé nhỏ em ơi !
Như tình giới hạn như lời dẫn đo
Thời gian chìm xuống ưu tư
Thương em lá ngọn đèn mờ nẻo khuya.

Với thân vay mượn đời người
Đi vào hẻm phố nọ cười bán mua
Em nhành lá mới non chưa
Đèo lưng kiếp sống ganh đua những gì
Xa xôi nét tím vành mi
Buồn không em trước lối về mệnh mông
Đường khuya cây cỏ se lòng
Sầu im phố vắng bệnh bông tuổi xuân
Rồi em đâu có dừng chân
Gót thơ rỏ mặt diu thân mỗi mòn.

Nào đời bánh chuyễn xe nhanh
Bao nhiêu khát vọng đổ dành tương lai
Với anh : con bướm theo ngày
Chợt đêm đổ lại rừng dày lối thừa
Với em : tầm mắt nai tơ
Non cao ảo vọng ước mơ viễn trình
Nào đời đẹp khúc bình minh
Cho ta gói trọn ân tình tuổi thơ
Chúng mình : loài kiến suy tư
Với thân cánh rụng ngần ngơ trước đèn.

... Và em tôi gặp hôm này
Quen nhau đề hẹn một ngày quen nhau
Biển xanh rồi sẽ trở màu
Cho em tóc sóng đưa tàu vào giông
Người sao đôi lúc lại buồn
Giữa mệnh mông đó có còn là tôi ?
Bao nhiêu phi lý cuộc đời
Khai sinh với tấm thiệp mời thường xuyên
Cái ăn cái ngủ đã phiền
Thì thương nhớ cũng lênh đênh xa vời

HỮU PHƯƠNG

thì thăm

Sao em không thắp lên một chút lửa sầu
Khi tình yêu mệnh mông như mưa ngàn gió bãi.
Sao em không hát lên nửa khúc kinh cầu
Khi mây trắng thời gian thôi còn trở lại
Khi sau ta ngày tháng gọi sương mù
Khi cuộc đời hiu hắt gió đầu thu !

●
Xin hãy bỏ phở phờng sau ngõ trúc
Đề nghe tôi lời kể mộng âm thầm.
Mắt em chợt vàng chút nắng ngoài sân
Chim hót đó, xa xôi buồn biết mấy
Tôi làm kẻ phiêu du — chuyện buồn như mưa trời tháng bảy
Nhớ nhung trôi theo cát lở sông bồi.
Một thoáng linh hồn ngọt mấy làn môi
Khăn gói yêu thương hồn còn vụng dại
Hăm bảy mùa xuân thì thăm gió thổi
Mơ hồ tôi vẫn đơn côi.

●
Tôi đến em hôm nay bởi trời nhớ mây trời
Bởi vầng trán bơ vơ — ngày chiều nổi gió
Tôi không muốn như những người em xưa tóc vàng môi nhỏ
Lời vánh khuyên xanh biếc khói đầu sông
Mà trong tôi — làm sao nghe — tiếng biển cả âm thầm,
Tiếng thác đổ lúc hồn làm giông bão.
Chỉ riêng em, ôi loài dị-thảo
Tóc rừng thu và biển mắt kiêu kỳ
Năm ngón lan mềm biếc lá mé si
Mà tha thiết hồn tôi hồng tội lỗi

●
Và này em, mây trời đang trắng lối
Khuya tương lai sa mạc trắng sương mù
Mắt em chợt buồn chút nắng đầu thu
Xin cúi mặt đề đời làm cỏ dại
Xin quấn riết tình thương vòng tay êm ái
Xin nói cô đơn bằng cách môi non.
Em đã nghe trong tôi tiếng động biển linh hồn ? !

THANH THUYỀN
(Những bài thơ cũ)

Ích lợi của địa-chất-học đối với nước Việt-Nam

TRẦN KIM THẠCH

TRONG một nước chuyên nghề nông như nước ta mà đem địa - chất-học ra thảo luận, tưởng không có điều gì vô lý cho bằng. Đó có thể là phản ứng tự nhiên của bạn đọc khi nhìn qua đầu đề ghi trên. Và đó cũng chính là phản-ứng thành - thật nhất của tác-giả khi chọn nghề này.

Tuy thế không ai dám nhìn - nhận rằng nhu-cầu của loài người chỉ có thóc lúa, hoa quả hay con heo, con gà. Chúng ta dù muốn dù không, cũng đã đi quá tổ tiên tiền sử của thời xưa... và chúng ta không thể trở lại hoàn cảnh ấy. Vậy thì chúng ta phải chấp nhận, trong mức tối thiểu, sống chung với cái cuốc, con dao, cái đèn dầu hỏa, hòn than đá, miếng xi-măng, cái chai, cái bát. Đó là chưa nói đến mức tối-đa của các cường quốc nơi mà loài Người thụ-hưởng máy cày, máy trục, máy may, máy quét, xe hơi, phi-cơ, tàu bè... Nếu chúng ta chỉ chấp nhận mức tối-thiểu nói trên, thì mặc nhiên chúng ta

đã công nhận tầm quan-trọng của địa-chất học rồi vậy.

Tầm quan-trọng này là một sự-kiện xã-hội : ngành địa-chất-học là một ngành sản-xuất, cung cấp nhiên liệu cho loài người và giúp loài người chế ngự vạn vật.

Tầm quan trọng của địa-chất-học.

Trước hết chúng ta biết rằng nhà địa chất học không phải là một người đi tìm những mẫu đá lạ những viên ngọc quý, nhưng là một người đọc, hiểu được quá trình biến chuyển đã xảy ra trên mặt và trong ruột địa Địa-cầu, từ thuở khai-thiên lập địa đến ngày nay. Hễ đã đọc được những biến chuyển đó rồi, hễ đã lập nên bộ lịch-sử tiến-hóa của Địa cầu rồi, thì Địa cầu không còn che giấu ta được điều gì nữa. Đây là các mỏ than đá dồi-dào dùng để quay các nhà máy, sưởi ấm trong mùa đông; nọ là các mạch đồng, chì, kẽm, thiếc

hay kim cương giấu trong các rừng thiêng âm-u; chỗ kia là đồng khô cỏ cháy trên mặt đất, nhưng lại ấp-ủ cả một biển dầu hỏa trong lòng đất, mà sức mạnh có thể đẩy chạy hàng nghìn triệu đoàn xe hơi. Có những trái núi hiền lành chất phát lại chứa toàn sắt mà kỹ-nghệ thép đang trông đợi. Có những ngọn đồi nghèo khó bên ngoài mà bên trong đầy những phân phốt-phát có thể chuyển một xứ đói kém thành một nước no lành... Nhà địa-chất-học thấy như vậy đó.

Có cường quốc nào trên thế-giới này chỉ được xây dựng trên nông-nghiệp không? Bỏ rơi địa-chất-học một ngày thôi, các nước như Bắc-Mỹ, Anh, Đức, Hòa-Lan, Nga, Pháp v.v... sẽ thấy nền kinh tế của họ bị thảm đến chừng nào: họ sẽ yếu đi như chúng ta, họ sẽ lùi lại hai ba thế kỷ trở về trước. Nước Bỉ nhỏ đến thế mà giàu mạnh, ấy là nhờ Congo giàu mỏ kim-khí. Xứ Kuwait có đời sống cao nhất thế-giới là nhờ có các giếng dầu trong vịnh Ba-Tur. Người Hòa-Lan áp dụng địa-chất để phá núi lấp biển, tạo thêm đồng bằng phì nhiêu cho nhà nông và nới rộng xứ họ.

Tại sao quê hương ta cần đến địa-chất-học.

Những sự kiện cụ thể trên đây đã chứng minh hùng hồn tầm quan trọng của địa-chất-học. Tuy thế, bạn đọc có thể còn thắc-mắc, tự hỏi rằng xứ người thì cần, nhưng chắc gì xứ ta cũng cần đến ngành đó.

Một nước kém mở mang bao giờ cũng phải dựa nơi nghề nông. Huống chi dân ta thì « ăn chưa no, lo chưa

tới». Lẽ tất nhiên cây cày phải đi đầu.

Trong những thế kỷ trước, những nước nào có nghề nông phồn thịnh thì trở nên những nước mạnh nhất. Lịch sử đã dạy ta như thế. Trái lại, hiện nay, một nước nông nghiệp phải là một nước kỹ nghệ nữa, thì mới thoát được tình trạng hậu tiến. Hai phần này không thể đi trước hay đi sau, mà phải đi đôi. Chúng bởi bỏ cho nhau để giải quyết tất cả nhu cầu căn bản của một nước hậu tiến và chậm tiến.

Hễ đã nói đến kỹ nghệ, ta phải nghĩ ngay đến địa chất học, vì nó cung cấp cho ta tất cả nguyên liệu cần thiết. Trong diện tích trên trăm nghìn cây số vuông ở miền Nam, ta sẽ thấy có vô số nguyên liệu quan trọng và cần ích cho việc kỹ nghệ hóa xứ sở. Một số rất ít đã được khai quật (như mỏ than Nông-Sơn), một số khác đã được tìm ra, còn một số rất lớn chưa ai biết vì thiếu địa chất gia. Chúng ta có bổn phận phải biết hết các kho tàng quý giá ấy.

Môn địa chất học sẽ giúp cho xứ sở những gì?

Giai đoạn thứ nhất là tìm biết và kê khai nguyên liệu của xứ ta đã làm xong thì giai đoạn hai sẽ là việc khai quật. Cuối cùng, ta tìm cách dùng thế nào cho có lợi cho Việt-Nam.

Trong các nguyên liệu mà địa-chất-học cung ứng cho nước ta, ta thấy có nhiều loại. Nguyên liệu kỹ nghệ như sắt, đồng, chì, kẽm, thiếc, nhôm có tính cách rất chiến lược, vì chúng nuôi kỹ nghệ nặng. Chúng ta có thể dùng trong xứ hay đem bán ra nước ngoài, để

lấy ngoại tệ. Những nguyên liệu tạo năng lực như than đá, dầu hỏa và kim khoáng phóng xạ sẽ có thể đem lại sức mạnh kinh tế, tức nhiên là chính trị, cho một nước. Hòa-Lan hùng cường cho đến nay là nhờ dầu Royal Deutch. Nước Anh đứng đầu thế kỷ 19 là nhờ than đá Cumberland. Nước Algerie có tương lai kỹ nghệ nhờ ở Sahara. Nước Mỹ có đủ cả sắt, đồng, than, dầu và khoáng chất phóng xạ.

Trong những lãnh vực thu hẹp hơn, ngành địa-chất-học cũng rất có ích. Sự khám phá ra mỏ vàng và bạc có thể làm cho nền tảng tiền tệ trong xứ vững chắc hơn, nâng mức nhập cảng cao hơn.

Ngành địa-chất-học còn giải quyết các vấn đề quan trọng khác. Công việc đào giếng tìm nước ngọt quả là việc sinh tử của chúng ta. Ngay như đối với Việt-Nam, nơi mà khí hậu cho phép tạo lập các môi nước cạn, vấn đề này còn cấp bách thay, huống chi đối với những bãi sa mạc như Á-Rập, Sahara, Ai-Cập... thì địa-chất-học phải được ứng dụng triệt để để tìm cho được thủy cấp vậy. Nói chi đến việc xây đập thủy điện, cầu cống và đường sá, không có địa-chất-học hẳn không xong. Nền móng, đá tảng, xi măng, nhựa tráng đường, mọi thứ đều từ ruột đất mà ra cả.

Cả đến nghề nông, nghề bào chế thuốc đều đòi hỏi các loại muối như

muối diêm, muối mỏ, phốt phát, apatit, vôi sống, thạch cao, thanh phan...

Chúng ta phải làm gì đây ?

Nói tóm lại, địa-chất-học sẽ giúp nước ta tất cả, từ một kỹ nghệ nặng như đúc máy đến một kỹ nghệ nhẹ như làm đinh ốc, qua các hăng chế xi măng, đập thủy điện, nhà máy lọc dầu, đến cái cày, cái giếng nước... phần đóng góp thực tế của môn này không phải nhỏ.

Nếu phần đóng góp đã lớn lao như vậy rồi thì chúng ta phải thành tâm chú trọng đến nó. Chẳng những cán bộ giảng huấn về địa-chất-học phải được đào luyện cẩn thận ở Đại-học, chẳng những phải phổ biến sự ích lợi của môn học khắp nơi bằng diễn-thuyết, triển lãm, thư viện, bảo tàng viện..., chẳng những phải đào tạo thật nhiều địa chất gia... mà còn phải gọi thật nhiều chuyên viên đi học xứ ngoài về các môn địa chất ứng dụng cần yếu nhất cho xứ sở. Là vì công việc kê khai tài nguyên địa chất quốc gia, khai thác và ứng dụng nguyên liệu không thể nào là công việc của một vài cá nhân lẻ tẻ, dù đó là những người lỗi-lạc, mà là công việc chung và lâu dài của một thể-hệ.

TRẦN-KIM-THẠCH

● Tuổi thanh niên không phải là một đoạn của đời người nó là một trạng thái của tinh thần, một kết quả của ý chí, một đức tánh của tưởng tượng, một cường độ của cảm tình, một đặc thắng của can đảm đối với nhút nhát, của tánh thích phiêu lưu đối với tánh chuộng tiện nghi.

Tướng Mac-Arthur

CUỘC CHIẾN

uyên hà
lữ quỳnh

Người đi trận

Tôi bước đến biên rừng vàng xa lạ
Người nhìn chỉ dăm mảnh sắt bên sườn.
Chút niên thiếu chạy mê bùa do vọng
Vẻ oai hùng tê dẫu đạn đau thương.

Tôi chẳng thấy gì xa, ngoài vô vọng
Tôi chẳng nghe gì át tiếng xua quân
Trong bóng tối, tôi bỗng thù ánh sáng
Soi mặt người đối diện mắt rưng rưng.

Chân tiến lên trăm ngàn đôi mắt ấy
Lòng ngại ngừng chẳng hiểu chúng ra sao.
Khi lửa thép xéo dày từng khuôn mặt
Một lũ ruồi trên tóp máu tanh tao.

Tôi mơ hồ thấy như mình lạc nẻo
Trong rừng sâu khi tìm vết chân thà.
Kẻ chiến đấu mang trong người máu Việt.
Trương đầy hồn bao nét rạn ưu tư.

Miền đất lạ sôi lên nhiều đau yếm.
Tôi hồ người dong từng bước chinh-hành
Đề muôn đời vẫn làm tên phá hoại
Góp bạo tàn vào nhân loại điêu linh.

Mây trên rừng che khung trời trước mặt.
Tôi làm quen với từng xác con người.
Thịt xương ấy nhớp nhơ như cuộc chiến.
Máu bạo-hành rịn rã chảy trong tôi.

Đường thì xa hơn nghìn lần Nam-Bắc.
Người xung phong lửa viễn ảnh tương-tàn.
Nghe sau mình tiếng quân reo, đạn thét.
Tôi biến thành một loài thú dã man . . .

UYÊN HÀ

Sân bay buổi chiều

mây vẫn bay qua rừng
sao vẫn sáng theo tôi
nhưng anh không còn nữa
viên đạn xuyên tim rồi !

đón anh ở phi trường
nàng vật mình trên cỏ
nước mắt là yêu thương
biết bao giờ khóc cạn ?

trực thăng chở xác về
giọt buồn lăn trên mi
nàng như loài gỗ đá
còn biết nói năng gì ?

anh hãy nắm yên đó
chờ lũ bạn thân này
chiến trường đang lửa đỏ
máu còn xanh cho cây

không có quyền thương tiếc
anh cúi mặt già tì.
quê hương buồn chẳng biết
còn chết đến bao giờ ?

Khởi hành

khi ly rượu này chưa làm đắng môi
thì anh sẽ... em ơi... còn uống nữa
— lần thứ nhất trong đời không lần nữa
uống cho say, còn tiếp tục lên đời...

bỏ đằng sau thành phố với cuộc đời
và không biết bao nhiêu điều muốn nói
anh ngửa mặt xin Trời cho nhận tội
về rừng tên sắp sửa bắn ra này.

đường hôm qua vết máu vẫn còn đầy
những người bạn hiện giờ tìm phôi rách
linh hồn họ đang vẫy vùng đói khát
trước khi im chịu số phận lưu đày.

anh ngơ ngàng nghe gió hú trong cây
em, loài chim, nên ở cùng trái đất.
mai lúc mặt trời lên, em nhớ hát
mỗi đám mây mang một kỷ niệm buồn...

lữ quỳnh

Bạn có thể say mê Chánh trị
Bạn có thể ghê tởm Chánh trị

nhưng

Bạn không thể không đọc

MUỐN HIỂU CHÁNH TRỊ

của HỒ HỮU-TƯỜNG
(in lại lần thứ 3 giá 18đ)

● Và mời bạn đón đọc

● **PHI LẠC NÁO HOA KỲ**

(trong khi chờ đợi « PHI LẠC BỐN NGÀ »)

● **KẾ THỂ**

(dã sử tiểu thuyết hóa)

● **THUỐC TRƯỞNG SANH**

gồm 3 quyển

I XÂY MỘNG ● II PHÚC ĐỨC ● III VẬN NGUYÊN

HUỆ MINH XUẤT BẢN

NHẬT-BÁO THÌ QUÁ NHIỀU, MỖI NGÀY BIẾT CHỌN ĐỌC TỜ NÀO

CÂU HỎI TRÊN ĐẶT RA MỘT SỐ TIÊU CHUẨN
ĐỂ CHỌN BÁO ĐỌC ĐƯỢC — ĐỌC ĐƯỢC NGHĨA LÀ :

- Trước hết, không có hại cho vợ, con trong gia đình về đạo-đức.
- Báo phải có văn-đế, có bàn luận thời cuộc chứ báo không hoàn-toàn là một thứ giải trí vô-bổ.
- Báo phải có nhiều tin, nhưng phải là tin có thể « tin được ».
- Báo phải tranh đấu cho Dân, dám ăn, dám nói, dám tin ở sức mạnh của ngòi viết.

Nhật báo NGƯỜI VIỆT TỰ DO

THỰC CÓ ĐỦ MỌI ĐIỀU NÓI TRÊN
ĐÓ LÀ TỜ BÁO MÀ CHỒNG CŨNG ƯA,
VỢ CŨNG THÍCH CON CŨNG HAM

Bạn thử đọc một số xem !

● MỘNG TRUNG

(xin xem BK từ các số 173, 174)

Nhạc Việt ở xứ người

PHÒNG họp chiều nay toàn là thính giả được chọn lọc trong giới nhạc học giả và sinh viên học nhạc. Cũng như mọi lần trước, anh Trần nói rất rành mạch trong một đoạn ngắn cho thính giả thấy qua địa đồ nước Việt-Nam, lịch sử âm nhạc, giọng nói của người Việt trong những dấu huyền, sắc, nặng, hỏi, ngã. Thính giả đã có hình ảnh nước Việt, đã hiểu sơ qua giọng trầm bổng của tiếng nói và câu thơ Việt rồi họ bắt đầu thích thú để ý đến cách chuyển giọng trong các bài dân ca mở đầu buổi thuyết trình. Sau đó, anh Trần mới tuần-tự đề cập đến các lối nhạc cổ và cách đàn của mỗi nhạc khí Việt.

Thường thường các giáo sư diễn thuyết bằng một giọng đều đều, dẫn tích nhiều gút mắc trong ngành chuyên môn của các ông một cách khô khan và dẫn chứng bằng băng thu thanh làm cho thính giả hay ngủ gục.

Anh Trần dẫn tích về nhạc khí có khi bằng một câu chuyện tương truyền, cổ tích, hoặc cổ điển tả phần nào một vài nét sống thực của dân Việt và dẫn chứng bằng những bài hát, đàn do chúng tôi trình bày.

Người ta có cảm giác đi nghe một buổi hát và hiểu dễ dàng phần nào một lối nhạc mới lạ do những nghệ sĩ trình bày liên lạc có đầu đuôi, hấp dẫn chứ không làm mệt trí họ nên thính giả đã vỗ tay với tất cả nhiệt tình ; họ rất hài lòng nhưng không thỏa mãn. Có lẽ vì quá thích thú mà thính giả bảo buổi thuyết trình hơi ngắn, mặc dầu

chúng tôi trình diễn gần hai tiếng đồng hồ. Một là người, chúng tôi cũng ráng bắt tay số thính giả đến khen tặng rồi cố gắng tiếp tục trình bày thêm để đáp lại lòng hâm mộ của thính giả.

Ai cũng cho là buổi thuyết trình xuất sắc, nhưng anh Trần trán mướt mồ hôi ; tôi thì tim đập liên hồi ; chỉ có chúng tôi mới biết mình đau mà thôi. Cố hết sức mình mà trong lúc trình diễn anh Trần vẫn phải xin lỗi thính giả hai lần, cũng như lúc chúng tôi trình bày cho đài vô tuyến điện Bỉ, anh Trần đã quên hát phụ họa theo tôi và lúc tôi đang hát ngon vọt thì anh lại ngưng đàn tưởng rằng đã hết.

Anh cười mà đổ thừa rằng vì anh thấy bài thuyết trình quá dài e thính giả sẽ mệt nên anh lo ra mà có điều sơ sót. Rốt cuộc anh quá lo bài thuyết trình dài mà bây giờ chúng tôi lại phải chiều thính giả đàn hát thêm cho « đủ bề dài » mới khổ chứ. Bạn đoán biết chúng tôi mệt dường nào, nhưng kết quả mỹ mãn hôm nay đủ an ủi chúng tôi rồi trọn ngày mai chúng tôi rảnh rang, ban tổ chức sẽ mời chúng tôi đi viếng tất cả những gì đáng xem ở Bruxelles.

27-10-64 — Chín giờ sáng chúa nhật chúng tôi đã có mặt tại công trường Brouckère chờ xe đưa đi xem thành phố và phong cảnh ngoại ô.

Đã hai lần tôi có dịp đến đây mà tôi không nhớ nổi đường đi. Cái « dấu » đặc biệt làm cho tôi nhận ra công trường này là cái nhà thật to cắt trệt rất vô duyên với cái nóc vừa vuông vừa méo. Chẳng biết kiểu thẩm mỹ về lối kiến trúc tối tân của mọi người ra sao, riêng tôi, nói theo cách vừa dốt vừa vụng nhưng đúng với sự thật thì nó giống hệt cái mũi ghe hư của dân nghèo bên mình bị sụp hai chéo đối diện ở hai góc xéo.

Giữa công trường Brouckère sừng sững tượng ông Thánh Saint-Michel mà dân ở đây xem như ông thần thành hoàng của thủ đô, không khác nào dân ở nông thôn xứ ta thường tin có ông thần thành hoàng trong làng vậy. Công trường Brouckère là trung tâm điểm của thành phố cũng như Times Square ở New-York hay Piccadilly-Circus ở Londres vậy. Cảnh tượng thánh là hiệu Métropole, một khách sạn lớn nhất ở Bruxelles gồm có 550 phòng ngủ.

Qua bao nhiêu đại lộ thênh thang, nhà thờ đồ sộ, dinh thự to tát hiệu buôn rực rỡ rồi quanh vào vùng nhà cửa cũ xi, đường sá xấu xí chật hẹp để đến công trường Grand'Place. Chưa nhìn qua hết toàn diện kinh đô mình đã thấy được công trình của chánh phủ Bỉ trong công cuộc biến Bruxelles thành một thành phố to lớn, tân kỳ. Nhưng về thanh lịch có tách cách quốc tế đã làm nổi bật đặc tánh của thủ-đô nên mình không thấy được một vẻ gì đặc biệt của nước Bỉ cũng như ở người dân Bỉ. Tuy vậy biểu diện xứng đáng còn tồn tại ở công

trường Grand'Place cùng với tất cả vẻ giàu sang của lối kiến trúc tỉ mỉ bền chắc của thời xưa làm cho mình có cảm giác Bruxelles còn giữ trong lòng nó một kỳ công, một hột trân châu và qua nhận xét trong chốc lát mình không khỏi ngạc nhiên trước hai công trình kiến thiết tân và cựu cùng rực rỡ tương đồng. Rồi ngoài cái vẻ tráng lệ của nó còn có sự súc tích bảo vật của bốn phương trong các bảo tàng viện đủ làm cho Bruxelles trở thành một trung tâm mỹ thuật thuộc vào bậc nhất trên thế giới.

Cũng như trước âm nhạc viện Bruxelles, tại công trường Sablon chánh phủ Bỉ cho đúc 48 pho tượng bằng xi măng trắng, mỗi hình người tượng trưng cho một nghề, thì bao nhiêu nhà cửa dinh thự chung quanh công trường Grand'Place với 110 thước bề dài, 68 thước bề ngang — chẳng những cũng tượng trưng cho 48 nghề ở nước Bỉ, mà còn được xem là những di tích lịch sử nữa.

Hai dinh thự xưa và đẹp nhất thủ đô nằm đối diện nhau tại công trường này là Tòa Thị sảnh (Hôtel de ville) và Nhà của Vua (Maison du Roi). Thị sảnh kiến trúc theo lối Gothique. Phía tay trái của nó được cất năm 1402 phía tay mặt, năm 1444, và mãi đến 1449, kiến trúc sư thứ ba là Jean-Van-Ruysbroeck mới xây thêm cho thị sảnh một cái đài cao 96 thước kể cả 5 thước bề cao của tượng thánh Saint Michel đánh ngã con rồng bằng đồng đỏ, Tượng này dùng làm chong chóng để xem chiều gió do ông Martin Van Rode tạo nên. Muốn lên đài để xem thành phố bạn phải trèo những 420 nấc thang ; vì vậy tôi đành đứng dưới đất mà ngó lên, một khoảng trời xanh không thỏa mắt mình nhưng ít nhất cũng đỡ mỏi gối. Thị sảnh bị hư hao rất nhiều sau trận bom 1695 và được trùng tu lần cuối cùng vào thế kỷ thứ 19. Những công trình điêu khắc trước mặt tiền Thị sảnh tượng trưng cho trường học Bruxelles đang cường thịnh vào giữa thế kỷ 14. Người ta chỉ tiếc một điều : Thị sảnh được xem là kỳ công của thủ đô nhưng dinh thự đó được xây dựng qua nhiều tay kiến trúc sư, khoảng thời gian từ lúc khởi công đến lúc hoàn thành cách nhau gần 50 năm, nên vẻ đẹp toàn diện của nó không tương hợp với nhau. Gần đây người ta đã thử nhiều chất thuốc nước hóa học để tẩy cho được dễ dàng lớp bụi thế kỷ bám cứng vào nó, sau một thời gian tìm tòi, thí nghiệm khá lâu người ta đưa ra một thứ thuốc công hiệu nhất. Bạn có biết gì không ? — Nước lạnh ! Và người ta đã tắm cho nó trong thời gian 6 tháng nên hôm nay tôi mới được thấy bộ mặt khả ái của nó. Còn « Nhà của Vua » thì chắc đến bao giờ cũng không ai dám kỳ rửa vì cả bề mặt tiền rộng lớn của nó đã được chạm trổ công phu mà nước sơn dùng phết lên đó lại bằng chất vàng y chớ không phải nước mạ vàng như chúng ta thường thấy. Rực

rõ như thế mà bạn biết không? Khi xưa nhà này được dựng lên đầu tiên chỉ để dùng làm hàng bán bánh mì! Sau đó theo lệnh của Charles Quint (tức vua Y-Pha-Nho năm 1515 và hoàng đế Đức quốc năm 1519), người ta cất nó lại thật đẹp, khởi công từ 1515 đến 1532 mới xong. Và mặc dầu nó mang tên là « nhà của Vua » mà từ khi được cất lên đến bây giờ không có ông vua bà hoàng nào « ngự » đến ở đây cả. Lúc công tước Brabant dùng nó làm phòng giấy lo việc thuế má thì ông cho nó là « Nhà của công tước » (Maison Ducale) đến thời Cộng hòa nó trở thành « Nhà của nhân dân » (Maison du peuple) rồi đến thời quân chủ nó mang biệt hiệu là nhà của Vua (Maison du Roi). Hiện giờ một số phòng trong nhà này dùng làm bảo tàng viện của thị xã để chứa những di tích, cổ vật, tài liệu có liên-hệ đến quá khứ của thủ đô.

Qua bao thăng trầm của lịch sử, đã có bao nhiêu sự nghiệp và kiếp người bị vùi sâu trong lãng quên mà nhà này chẳng có công trạng gì cũng mấy lần thay tên đổi họ; cái mặt bằng vàng kia hẳn được tổ điểm bằng sưu thuế của dân rồi. Thấy nó, tôi nhớ lại hiện nay trên thế giới — theo đài vô tuyến Pháp — trừ số người bị chết về chiến tranh, mỗi ngày có độ 10.000 người chết vì thiếu ăn và bao nhiêu gia đình từ 6 đến 8 người chỉ được sống trong một căn phòng. Thế mà có biết bao nhiêu nhà cửa bỏ trống, chỉ dùng làm tượng trưng cho một ngày, một giờ oanh liệt nào đó; nó là danh dự của một nước, một dân tộc trong đó có cả những người dân đói khổ kia. Rồi mỗi ngày du khách đến đây nghe hướng dẫn viên kể lại sự tích « Nhà của Vua » và điều được người ta nhấn mạnh là năm 1568 dân Bỉ nổi lên chống lại người Y-pha-nho cũng chính là năm hai vị bá tước Egmont và de Hornes đã bị giam giữ tại nơi đây một chiều trước khi bị đem đi trảm thủ. Pháp trường là Grand'Place và đoạn đầu đài đặt trước cửa nhà này. Dấu sao « Nhà của Vua » cũng còn lộng bóng được một trang sử đáng giá để cho người đời phải nhắc đến nó. Chứ như tiệm « L'Épaule du Mouton » mới nghe tên đã thấy ngán; nó cũ xì, không sạch sẽ mấy, lại chật hẹp như tiệm bán hủ tiếu xập xệ bên mình, chỉ để vừa đủ 7 cái bàn nhỏ cho khách ngồi, món ăn không có gì đặc biệt mà giá tiền một bữa cơm lại mắc nhất Bruxelles. Chắc bạn cũng sẽ như tôi, mới nghe giá tiền đã hoảng vía và không dám vào đó ngồi bàn vì chỉ được đây bao tử có một buổi mà phải trả một số tiền đủ cho một sinh viên nghèo sống được một tháng tại Balê! Người đời thường vứt đi cái gì quá cũ kỹ mà ông chủ hiệu tiệm này thì không bao giờ nghĩ đến việc cho tiệm mình một bộ mặt mới mẻ, chỉ đánh vào tính hiếu kỳ, hiếu danh của con người: ông cứ ngồi yên hốt bạc trên một cái « bả vai con trư » và chỉ nhờ nó mà người ta đã thu lợi trên 3 thế kỷ! (cất năm 1660).

Grand'Place ngày nay không còn giữ không khí của một pháp trường mà kẻ mua người bán rất đông đảo. Suốt tuần, nơi này là chợ hàng hoa

và ngày chúa nhật dành cho buổi chợ hàng chim, cá, thuộc loại để nuôi. Tôi mãi mê định tìm một con chim xinh hay cá lạ nhưng chưa thấy con nào vừa ý thì hướng dẫn viên đã đông đặc lên tiếng « điểm binh ». Tôi sợ lạc hàng ngũ nên đành bỏ chim, cá chạy lên xe nhập đoàn với du khách. Xe bắt đầu rồ máy thì hướng dẫn viên cũng bắt đầu thao thao bằng nhiều thứ tiếng Đức, Y-Pha-Nho, Pháp, Anh và Ý-Đại-Lợi. Ông giảng giải lai lịch tất cả những gì có trong chương trình cuộc viếng thăm thành phố. Có lẽ nhờ mỗi ngày hai lượt ông ta đều trả bài vanh vách về môn Sử-Địa có liên hệ đến các kỳ quan của thủ đô nên hiện giờ, không cần suy nghĩ và với một vẻ tự tin đặc biệt của một trưởng đoàn, một ông thầy và nhiều khi giống như một diễn giả, ông ta xử dụng ba tắc lưỡi không vấp một lời nào. Tôi chỉ ghi chép mọi điều vào quyển sổ tay khi ông nói tiếng Pháp, và một ít về tiếng Anh, còn thì tôi cứ nhìn ông để mà thán phục. Những chuyên viên thương mại, nhạc sĩ, học giả, tài tử mà lâu thông năm bảy thứ tiếng nhiều khi đã làm tôi khâm phục và nếu là một thông ngôn quốc tế thì việc thạo nhiều ngoại ngữ cũng là thường. Đằng này bạn nghĩ: chỉ làm một nghề cực khổ, mỗi ngày hai buổi phải bán giấy xe, đón chờ, đưa rước du khách, đỡ hơn anh lơ xe bên mình một tí mà phải ăn mặc đàng hoàng và cần có chừng ấy tài mới sống nổi ở xứ này thì sợ thật.

Rất tiếc, vì ít thì giờ quá nên lúc này tôi không kịp vào nhà « Le Pigeon » tượng trưng cho nghề hội họa ở số 26-27 tại Grand Place, nơi thi hào Victor Hugo đã trú ngụ năm 1852 xem trong ấy có gì để thuật lại bạn nghe. Chắc không có gì lạ, nhưng nói để bạn biết rằng: bên Âu-Châu này, mỗi vật gì dầu nhỏ nhứt đến đâu, dầu được sinh ra trong thời nào, dưới chế độ nào cũng vậy, nếu nó đã ở trong cuộc sống của danh nhân nước họ thì họ quý nó vô cùng. Tôi còn nhớ khi vào nhà thi hào La Fontaine, từ cái bút lông, cái xe tay chở phân cho đến cái vá nhỏ xúc đất của ông dùng lúc còn sinh tiền người ta đều giữ đủ cả. Người ta làm như vậy với một công tâm là giữ lại cho hậu thế một di tích lịch sử chứ không phải muốn đề cao nhân vật đó. Nhưng bạn đừng tiếc, bạn hãy theo tôi rẽ sang phía trái tòa Thị sảnh tại góc đường Charles Buls và l'Étuve để xem cậu bé Manneken-Pis (« cậu bé tiểu tiện » viết theo chữ Flamande) rất duyên dáng. Một tượng đồng tí hon do Jérôme Duquesnoy đúc nên, thể theo nghệ thuật Ý-đại-lợi trong thời kỳ phục hưng. Dân chúng thủ đô và du khách rất thích Manneken-Pis và đó là di tích của gia đình công tước Brabant. Một hôm công tước mất con, dĩ nhiên bạn cũng đoán có một số lính bị huy động để kiếm cậu công tử này. Khi tìm gặp, thấy cậu ta không la khóc ngheo ngao như những trẻ con lạc nhà lạc mẹ mà cậu lại đang chìa « bảo vật » ra tưới đường ! Rồi nỗi vui mừng của một công tước tại vị biến thành tượng đồng ngay chỗ ông tìm gặp con cũng dễ dàng như việc làm

của cậu bé. Mình không khỏi tức cười khi nghĩ rằng du khách xưa nay đến thủ đô Bỉ trình trọng tìm xem những đèn đài đẹp để cổ kim chắc không ai chờ đợi gặp cậu bé tí hon trần truồng đứng giữa thủ đô « bỏ bực » rất ngây thơ và ngạo nghệ. Phần đông du khách lại kiếm mua tượng nhỏ bằng ngà của cậu về làm kỷ niệm và chính tôi cũng vậy.

Manneken-Pis có hơn 100 bộ đồ do những nhân vật cao cấp Bỉ và trên thế giới gửi tặng. Vua Louis thứ 15 biếu cho cậu bộ lễ phục đầu tiên và bộ thứ nhì là của quân đội Pháp. Lúc có cuộc cách mạng nổi lên ở Bỉ, cậu được quân đội trong nước tặng 1 cái mũ đỏ. Tủ áo Manneken-Pis càng ngày càng đầy sau trận giặc 1940 — 1945 do các nước Pháp, Anh, Mỹ gửi cho và tặng vật sau cùng là bộ đồ sân khấu với cái nón rơm bất tử của Maurice Chevalier. Bắt đầu năm 1830 tức là ngày nước Bỉ lập quốc, trong tất cả các dịp lễ, người ta đều có mặc cho Manneken-Pis một bộ lễ phục khác nhau. Y phục của cậu được giữ gìn cẩn thận trong các tủ kiếng ở bảo tàng viện thị xã.

Từ tượng đồng tí hon của một nhân vật trẻ tuổi nhất thế giới được du khách chú ý, đi đến Tòa án khổng lồ lớn nhất Âu Châu mà chúng tôi sắp được xem, xe phải chạy ngang qua vùng nhà bán đồ cổ. Dân vùng này nói tiếng Marola, một thổ ngữ trộn tiếng Flamande và tiếng Pháp. Giữa thành phố hoa lệ, nằm kênh kênh một bức tường đúc bằng đá xanh trải bao sương nắng nay đã đen đui loang lổ ; một công trình vĩ đại của dân Bỉ và Hòa-Lan thuở xưa đã dựng lên dài những 7 cây số để che kín và giữ gìn thành phố Bruxelles. Tường này đã một phen bị Nã-phá-Luân phá gần hết rồi sau này vì muốn mở rộng thành phố người ta đập bỏ lần lần, ngày nay tường chỉ còn lại một khúc ngắn để ghi dấu thời quá khứ oanh liệt của nó. Tôi đang suy nghĩ về một di vật đánh dấu thời gian, một công nghiệp mở lòng lịch sử, chung quanh nó đã có bao khổ nhọc và bao kiếp người mới cho nó được cái danh dự là tượng trưng hay kỷ niệm của một dân tộc thì Tòa án Bruxelles đã sừng sững trước mắt. Thảo nào mà trong 17 năm trời kiến trúc sư Poularde mới hoàn thành chương trình xây cất nó. Tòa án chiếm một diện tích 26.000 thước vuông đất, lớn hơn cả điện Saint-Pierre của ông Pape ở Rome : nó nằm ngất ngểu trên đồi và vượt khỏi mặt đất với tất cả bề cao của điện là 118 thước ! Đứng trên đó bạn sẽ thấy cả thành phố Bruxelles và các vùng kế cận cũng như bạn đứng trên Tour Eiffel mà thấy cả Balê vậy. Trong điện có những 27 phòng dành làm nơi xử án, các buổi nhóm họp và thư viện, còn lại 245 căn khác dùng làm văn phòng, tòa án thông thường và tòa án quân sự. Người Bỉ hãnh diện với cái vóc đồ sộ của Tòa án nhưng chính họ cũng tiếc rằng hình thức bên ngoài của nó không thuộc về một lối kiến trúc đặc biệt của thời nào, mà bên trong thì tất cả các phòng đều tối om om, làm việc phải đốt đèn và không thoáng khí.

Xe rời Tòa-án đúng trưa, thế là chúng tôi chỉ còn có một buổi nữa thì sẽ rời Bruxelles. Tuy vậy, từ những con đường nhỏ hẹp nhà cửa xấu xí cho đến các đài điện nguy nga và trước mắt chúng tôi hiện giờ dài theo công trường Royale còn những dinh thự đồ sộ dùng tiếp rước các nhân vật cao cấp trên thế giới, chúng tôi cũng đã thấy qua phần nào bộ mặt của thủ đô Bỉ trong cuộc hành trình cấp tốc này. Về công trường Brouckère dùng cơm xong chúng tôi sẽ đi viếng chiến trường Waterloo.

(Còn tiếp một kỳ)

MỘNG-TRUNG

Về tác giả bài

« Một quan điểm hành động của người thanh niên Phật Tử »

đăng trong B.K. số 177, ngày 15-5-1964

Vì có sự trùng tên nên để bạn đọc khỏi lầm chúng tôi xin xác nhận rằng :

— Tác giả bài nói trên là **Ô. Nguyễn-Thái**, hiện ở bên Pháp chứ không phải **Ô. Nguyễn Thái**, hiện ở Việt-Nam là chủ tịch « Hội Văn Hóa Bình Dân » và tác giả tập sách « Is South Vietnam viable ? » xuất bản năm 1962.

Tòa soạn **BÁCH KHOA**

THƯƠNG TUẦN THÁNG 6-64.

Triển lãm tranh của **BÙI-GIÁNG**

Phòng Thông-Tin Đô-Thành — Saigon

ĐỐI THOẠI giữa HỌA và THƠ

● Những hình ảnh Trong Thần Thoại và Văn Học

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, *Nguyễn-Công-Trứ*, 44

S A I G O N



HEAD OFFICE

Plaplachai, Bangkok.

OVERSEAS BRANCHES :

London : *Barrington House 56-67 Greensham Street, London, E.C, 2*

Tokyo : *No 1, 2-Chome Muromacki, Nihon-bashi, Chuo-ku, Tokyo*

Hongkong : *60, Bonham Strand West.*

Central distrit : *Shell House, Queen's Road.*

Kowloon : *580 A. Nathan Road Kowloon.*

Singapore : *64 South Bridge Road*

Kuala lumpur : *14 Ampang Street.*

Đi tìm vốn sống

PHAN DU

TRỜI vừa nhá nhem tối. Sài Gòn, sau một ngày lồng lộn, quay quắt nhọc nhằn dưới sức nung đốt tàn nhẫn của ánh nắng hè, vụt tươi tỉnh hẳn lại, lồng lẩy, rục rờ, linh - hoạt như một vũ nữ thượng thặng xuất hiện dưới ánh đèn sân khấu.

Hoàng xuống xe ở đường Trương-Tấn-Bửu, tiến nhanh vào một lối hẹp khuất tối nằm giữa hai ngôi phố, qua một cái cửa gỗ ở cuối lối đi, rẽ về phía tay trái rồi theo những bậc cấp xi-măng lên thẳng tầng thượng của gian phố nhỏ. Một thiếu nữ, ngồi lật rau dưới ánh sáng vàng vọt của ngọn điện âm khói, cạnh cái bể cạn chứa đầy nước, trước cửa bếp, ngẩng nhìn rồi thản nhiên cúi xuống. Hoàng lui tới nhà trọ của Cảnh theo lối ngả hậu như vậy đã nhiều lần rồi, nên đối với thiếu nữ, hắn không còn là một người lạ đáng lưu ý nữa.

Khi lên đến tầng thượng, Hoàng dừng lại trước gian phòng thứ nhất,

kéo nhẹ cánh cửa sổ, rồi luồn tay qua khung cửa có song sắt, hắn vói lấy chiếc chìa khóa treo sẵn trên tường. sau tám lịch, mở cửa bước vào phòng, bật đèn lên. Phòng vắng và trống. Đồ đạc bày biện chỉ có một cái giường gỗ ở phía trong cùng và một cái bàn viết nhỏ kê sát góc gần cửa ra vào. Hắn tiến lại bên bàn, rút bút máy, viết vội mấy dòng trên tập « bloc notes » :

Cảnh,

Đã nhận được tấm thiệp gửi đến sớm nay. Nhưng rất tiếc là có việc cần bất ngờ không thể nào xuống Chợ-Lớn được. Cảnh xin lỗi Không-Bình hộ tôi. Ngày mai đừng tìm tôi ở nhà trọ cũ. Độ vài hôm nữa sẽ gặp nhau.

Hoàng

Viết xong, Hoàng đặt tập « bloc notes » ngay giữa bàn để Cảnh, lúc về, phải chú ý. Xong hắn tắt đèn, quay ra khóa cửa, treo chìa khóa vào chỗ cũ, xuống lầu, theo lối hẹp trở ra đường phố.

Hắn làm những công việc vừa rồi một cách vội vàng, rút lui một cách vội vàng, lòng hồi hộp, cứ sợ phải chạm trán Cảnh bất thần, tuy hắn biết theo lệ thường, giờ này Cảnh chưa về. Hắn sợ Cảnh bất gặp thì khó thể từ chối. Thực ra hắn chẳng có việc gì cần cấp đến nỗi phải khước từ chuyện đi ăn tại Chợ-Lớn với Cảnh và Khổng-Bình, một thương gia người Trung-Hoa quen thân hắn từ thuở nhỏ. Xa cách nhau có trên mười năm mới gặp lại, Khổng-Bình lắm mừng. Sau mấy lần mời đến chơi nhà, Bình lại hẹn tối nay sẽ đưa hắn và Cảnh xuống ăn tại một tửu lâu có tiếng ở Chợ-Lớn. Vì sợ Hoàng quên, Cảnh đã gửi giấy đến tận nhà nhắc lại, và trước đó, Cảnh, với cái máu ghiền nhậu nhẹt, đã căn dặn Hoàng nhiều lần :

— Thế nào cũng phải nhận lời và đúng hẹn, nghe chưa ? Khổng-Bình mà đã bảo thì cậu phải biết. Hắn đã giàu có lại là một cây ăn chơi. Vui bạn, vui bè lên thì vung tay ném tiền không ngại. Thành cha rất tốt với bạn. Chỉ cần đi với hắn một tối, cậu cũng đủ hưởng thụ được tất cả những gì gọi là « tinh hoa » của Chợ-Lớn về đêm.

Mãi đến lúc đã xuống đường, ngồi trên chiếc xích-lô máy chạy vùn vụt giữa đám xe cộ lù lượt trảy vội theo hai chiều xuôi ngược, trong cái ù-ù, rào-rào kết hợp bởi các thứ tiếng ồn, tiếng động của đường phố vào lúc đầu hôm, Hoàng mới thực sự yên tâm. Với nỗi buồn nản, tạm được lãng quên vì những công việc vừa rồi, tác động tâm hồn hắn lúc này một cách nặng nề hơn, Hoàng vụt nhận ra được cái ý nghĩa của những cử chỉ hắn từ lúc đến nhà trọ Cảnh cũng như

lúc ra đi, Không phải hắn lẫn trốn Cảnh, lẫn trốn sự mời mọc chí thành của Khổng-Bình. Hắn lẫn trốn một cái gì khác hơn. Qua một tháng trời sống ở Thủ-đô, cái hảo ý của đám bạn bè đông đảo đã làm cho hắn phải bận rộn và phí phạm thì giờ vì những chuyện không đâu nhiều hơn là vì những công việc chính liên hệ đến những dự định của hắn mang theo. Quanh quẩn mãi với những thú vui mà người ta cố mượn để khóa lấp sự tẻ nhạt, vô vị của những đời sống lúc nào cũng có vẻ bận bịu, rộn ràng, nhưng thực sự chỉ thu hẹp, đóng khung trong vòng lẩn quẩn của những mưu toan, tranh chấp nhỏ nhen nhằm cái đích trục lợi và hưởng lạc mà thôi, hắn đâm chán ngán và lo ngại. Vì hắn về Thủ-đô không phải là để đi tìm cái vui, không phải vì nghe theo tiếng gọi của cái Đất Hứa hội đủ mọi yếu tố truy hoan, hành lạc. Từ lâu, lòng hắn hướng về miền Nam, về Sài-Gòn như chim hướng về rừng. Tiếng gọi của cuộc sống ồn-àt, mãnh liệt, của guồng sinh hoạt lớn lao, rộn rịp ở phương trời này có sức hấp dẫn lạ lùng. Hắn bay về đây là chỉ vì hắn cần đi tìm một cái vốn sống. Nhưng chất liệu để gây cái vốn sống hắn cần đâu có phải là những thứ rút tĩa được từ ánh hoàng kim, hương men, khói thuốc, từ những xác thịt thơm mềm hay gạn lọc được từ những tình tự giả tạo, khinh bạc, man trá, bòn dãi được từ những nếp sống lười biếng, sa đọa, xa hoa. Chất liệu cần thiết cho cái vốn sống hắn khát vọng phải tiếp nhận từ những gì cao quý, lành mạnh hơn, từ cái tiềm lực sáng tạo, cái sức phấn

đấu nhằm biến đổi thực tại đang được triển khai bởi sự hòa điệu của những nhịp tim, hơi thở, những khối óc giàu suy tư, những bàn tay cần cù giàu nghị lực, từ cái tình tự chơn chất, chân thành của những lớp người chỉ biết can đảm đánh đổi sự sống bằng mồ hôi, nước mắt, cổ thủ một cách kiên trì với cái bản chất lương thiện giữa cảnh chợ đời đen bạc mà trong đó, đồng tiền làm chúa.

Nhìn ánh đèn màu sặc sỡ, lộng lẫy, chiếu tỏa từ các bảng hiệu, các bảng quảng cáo, san sát ở các hàng phố ồn ào, rộn rịp, Hoàng nghĩ tới Cảnh và những cảnh nhậu nhẹt, chè chén trong các khách sạn, tửu lâu, trà gia, những thú vui, những cuộc hành lạc lén lút một cách công khai. Đêm nay thể nào Cảnh cũng bám sát lấy Khổng-Bình. Cái bộ mặt ghiền nhậu nhẹt, đam mê, si dại, ham hồ nhục dục chừng như không bao giờ nhàm ngán của Cảnh nổi bật hẳn lên, và cùng với nó, một loạt những hình ảnh điển hình nhất cho cái chân tướng của Sài Gòn về đêm: những cô gái điếm hạ cấp, phục sức nhố nhăng, trát son, phấn nhầy nhụa, vụng về, trông giống hệt những con nộm nang, chui rúc nhưng nhúc trong các xóm khuất tối, thảm hại như bầy chuột bẩn thỉu, hôi hám từ các lỗ cống chui ra, vồ vập đón mời khách làng chơi với những điệu bộ, ngôn ngữ trâng tráo, lơ lửng; những loại thương nữ « *bin din* », tương đối sạch sẽ, kêu gọi hơn, ẩn náu trong những gian phòng nồng nực — vì tuy trời nóng, lầu cao, không một cánh cửa nào được phép hé mở để tiết lộ cái thế giới thâm u của thần

Mây trắng cai quản — nằm chen nhau trên nền gạch hoa, uể oải, mệt mề, như những con cá lóc phơi mình giữa chợ, mong chờ bàn tay lựa chọn của khách hàng; những mụ Tú Bà của thời đại, thường là gầy đét với vẻ mặt bí hiểm, danh ác, tham lam, hối thúc bằng cái giọng hối hả, trắng trợn, những bộ mặt đỏ gay, lừ đừ, nổi bật giữa ánh hoa và pha lê, trong khung cảnh lộng lẫy bóng nhoáng của các khách sạn lớn, biểu lộ những thèm muốn khác hơn cái thú ẩm thực sau khi đã no say; những thân xác quay cuồng mê ly trong những nhạc khúc và vũ điệu đậm dặt; những thân hình còm cõi, gương mặt hốc hác lơ mờ hiện ra như hình ma trong ánh đèn vàng vắn đục thêm vì khói thuốc mịt mờ... Hoàng rùng mình. Không, cái vốn sống không thể là những gì có thể khai thác ở những thứ ao tù bệnh hoạn này. Bộ mặt bóng nhoáng, phì nộn của Cảnh và của cả một lớp người như hắn, cùng những hình ảnh vừa rồi như xáo trộn vào nhau, lùi xa dần rồi mờ nhạt hẳn, khi chiếc xích lô máy dừng lại trước một ngã hẻm, có vẻ khuất vắng.

..

Hoàng cùng Ngô ngồi sà xuống trên hai chiếc đèn thấp bằng gỗ cạnh hàng trứng lộn bày bán ngay bên vệ đường.

Chị bán trứng, trạc tuổi ba mươi, đơn đả hỏi:

— Hai ông dùng trứng?

Thấy Ngô gật đầu, chị hỏi tiếp:

— Già hay non?

Ngô nhìn vào ổ trứng đặt bên cạnh cái mâm bằng nhôm có sắp một đĩa mặn

trắng, một bát muối ớt, mấy thẩu kẹo và một cây đèn bát ;

— Cho tôi thứ búp vải.

Hoàng cười :

— Còn tôi thì càng già càng tốt.

Chị bán trứng cũng cười theo, vui vẻ :

— Hai ông mà hai ý. Được rồi, già non gì cũng có. Tôi có cả trứng lạt nữa. Nhưng không có thứ trứng già lắm đâu. Già vừa thôi.

Hoàng ngồi yên, lóng nghe thứ giọng nói khàn khàn, ấm áp, nhìn khuôn mặt dài, hiền hòa phúc hậu của người đàn bà miền Nam với mái tóc có lúp khàn trắng, tự dưng lòng thấy vui vui. Ngồi bên đường hẻm, gồ ghề, bẩn thỉu, đầy rác rến, Hoàng thấy thích thú với cái phong thái sinh-hoạt dung dị, bất chấp những câu nệ, sĩ-diện vô lối mà hẳn được chung hưởng với đồng bào nghèo khổ ở đây.

Đêm đã khá khuya. Mười hai giờ hơn. Con đường ở ngã hẻm lúc này đã vắng hẳn xe cộ qua lại. Lòng đường như nói rộng thêm ra,, nhưng vẫn không kém ồn ào, vì càng khuya số người gánh nước ở cái máy nước gần đây càng đông. Những tiếng cười đùa, cãi vã bốc dậy từ cuộc tranh chấp nước nổi mỗi lúc mỗi tăng thêm, với những tiếng thùng sắt va chạm chát chúa, tiếng đòn gánh khua động, lẫn át cả những câu đối thoại giữa chị bán trứng với Hoàng và Ngộ.

Đêm càng già càng lộng gió. Những cánh gió nhưng làm lắng dịu hẳn sức nóng trong người, ráo dần lớp mồ hôi đầm ướt cả áo hẳn lúc này khi cả hai còn ngồi trò chuyện trong nếp nhà lá

nhỏ ẩn mình giữa xóm, khuất hẳn gió máy, nóng như một lò lửa.

Hoàng nghe dễ chịu, thoải mái. Hắn đưa mắt nhìn cảnh vật xung quanh, từ mặt hàng gỗ ghề, lồi lõm với màu đất vàng, trải rộng nổi u hoài dưới ánh điện đường vàng vọt, đến mấy nước với đám phụ nữ đông đảo, tinh nghịch, lăm tiếng lăm nhời, dây nhà lá lụp xụp, chen lẫn rài rác đôi mái tôn, đã đóng kín cửa, con hàng sắt uể oải vắt ngang qua đường hẻm, trường dài qua khu đất bỏ hoang đầy cỏ, gạch vụn, rác rến, trụ điện ngái ngủ đứng trơ vơ với ngọn điện yếu ớt, và bên kia trụ điện, cách đồng rác kèch xù khuất trong bóng tối nhàn nhạt không xa, một chiếc xe thổ mộ nằm ghềnh càng lên trong trạng thái nghỉ ngơi. Ở dãy nhà đối diện, dọc theo mé hiên, nhiều gia đình còn ngồi chơi mát. Có những tiếng ngáp nổi lên — buồn và dài hầu như vô tận — giữa tiếng chuyện trò.

Cảnh trí ở đây thật là buồn nảo và tầm thường. Ngoài một vòm trời thâu hẹp, lộng gió và lộng ánh trăng, tất cả đều phôi bày một sắc thái tiêu tụy, bẩn thỉu, nhem nhuốc từ người đến vật, cái sắc thái tàn tạ của một xóm nghèo nàn, tối tăm, tọa lạc một cách phi lý ngay trong lòng một Thủ đô nổi tiếng là trù phú, hoa lệ.

Nhưng chính ngay trong khung cảnh tầm thường này, ngay giữa đám người nghèo khổ và trong cái tự do được hòa mình vào nếp sinh hoạt dung dị, đơn giản của họ, Hoàng cảm thấy như vừa bắt gặp được một thứ hòa điệu mà hắn khát vọng từ lâu giữa cuộc sống.

Ngồi ăn những quả trứng ngay

bên hàng trứng tời tăn, ngay bên vệ đường, dưới ánh điện vàng vọt pha lẫn ánh trắng, lóng nghe những tiếng reo cười, những câu đối thoại không một chút kiểu cách, văn vẻ, ngắm nhìn những điệu bộ, cử chỉ và đi sâu vào cái tình tự của lớp người vui bụi, cháy nắng này, Hoàng lại thấy khoái trá, thích thú hơn những phút ngồi thưởng thức hồng trà hoặc cà-phê trong cái khung cảnh lộng lẫy thanh lịch của các phòng trà nổi tiếng hay những bữa cơm Tây, cơm Tàu thịnh soạn mà hiếm được bạn bè khoản đãi tại các tư lâu sang trọng ở Sài Gòn Chợ-lớn.

Niềm thích thú này còn được bắt nguồn một phần từ nỗi vui sướng của Hoàng trong cuộc tái ngộ một người bạn cũ mà trên mười chín năm trời, tuy xa cách biệt, hân vẫn thường tưởng nhớ và trông mong tin tức. Ngộ là một người bạn chí thân của Hoàng trước kia. Cả một chuỗi kỷ niệm sống dậy với cuộc gặp gỡ này. Những kỷ niệm gói ghém tất cả những nỗi buồn, vui mà cả hai cùng chia xẻ ở cái thuở còn sống chung tại cố-đô, trong một xóm nghèo ở Bao-Vinh. Trong đám bạn học hồi ấy, tuy Ngộ nghèo hơn cả, nhưng lại được Hoàng quý và thân hơn hết. Có thể nói thuở ấy, Hoàng đã chịu ảnh hưởng rất nhiều của người bạn trẻ này vốn chỉ hơn hân một tuổi thôi. Ở cái tuổi mười bảy, Ngộ đã tỏ ra rất già dặn về mặt tư tưởng và nhận thức cuộc đời, tuy vẫn giữ nguyên được thanh niên tính. Cái điểm đặc biệt mà Hoàng thường chú ý ở người bạn trẻ của hân là Ngộ khác hẳn hạng thanh niên bông bột, nông nổi thường bị lôi cuốn theo cái phong trào lãng

man và cá nhân chủ nghĩa hồi đó, mà cũng không giống bọn thanh niên « cũ » đạo mạo, cứng chặc, giả hình, giàu mặc cảm, gò bó trong khuôn khổ lễ giáo lỗi thời, khờ khạo, ngớ ngếch với cuộc sống thực tế. Gần gũi Ngộ, Hoàng khám phá và tiềm nhận được những đức tính thường được tạo nên bởi cái hoàn cảnh nghèo nàn khó khăn, chân thực, thẳng thắn, giàu tinh thần nại khổ, ý chí phấn đấu, thắng vượt mọi nỗi khó khăn, sớm ý thức được những thứ chân giá trị để biết bảo vệ nhân cách ngay trong hoàn cảnh ngặt nghèo. Ngộ mồ côi cha từ thuở thơ ấu. Mẹ anh rất hiền từ và giàu đức hy sinh, nhưng cái sức tảo tần của bà dầu có tài giỏi đến đâu cũng khó thể cứu vãn nổi cái gia cảnh đã sa sút ngay từ thuở cha anh còn tại thế. Vì vậy, tuy thông minh và hiếu học, nhưng sau khi đậu bằng cử thủy, Ngộ vẫn phải bỏ dở để xoay qua nghề ăn công hầu san sẻ bớt cái gánh nặng mỗi ngày mỗi trĩu thêm trên đôi vai gầy yếu của mẹ già. Hoàng quên làm sao được nếp nhà tranh của mẹ con Ngộ ở Bao-Vinh. Nếp nhà tuy chật chội, nhưng chính dưới mái nhà này, Hoàng đã từng lui tới và từng tiếp nhận, chia sẻ với Ngộ sự chăm sóc tận tình của một bà mẹ rất mực hiền từ. Cái gì ở đây cũng tầm thường, cũng xuềnh xoàng, từ miếng ăn, thức uống, đến bàn ghế, chiếu giường, các thứ vật dụng, nhưng cái gì ở đây dường như cũng được thấm nhuần một thứ phong vị đặc biệt của sự thanh bạch, và của tình âu yếm, yêu thương. Về sau này, Hoàng càng nhận thấy chính cái phong vị đặc biệt ấy, — cái phong vị mà

Hoàng tiếp nhận được trong bầu không khí ậm ỉm được ủ ấp dưới mái nhà tranh tầm thường này, nhất là trong những đêm mưa gió, cùng Ngô đắp chung chăn, trên chiếc giường chật hẹp, hoặc đọc sách, hoặc lóng nghe những khúc đồng ca của côn trùng trời dậy trong không gian đen tối, rét mướt — đã thâm nhập vào tâm hồn kết tinh thành những hạt giống lành và, cùng với thời gian, khai triển, tác động một cách hữu lợi đến tâm tính hần... Chiến tranh bùng nổ, Hoàng già từ cổ đô, và sau chín năm khói lửa, trở về chốn cũ thì gia đình Ngô không còn đây nữa. Người trong xóm chỉ cho biết là mẹ Ngô đã chết, và Ngô đã phải ngồi tù vì chính trị.

Sau gần hai chục năm trời. Hoàng tỉnh cờ được một người quen cho biết Ngô hiện đang sống ở Sài Gòn và trú ngụ ở cái xóm nghèo này. Tin mừng đến với hần cùng một lúc với cái giấy nhắc đi ăn ở Chợ Lớn của Cảnh. Khổng Bình cũng là một người bạn thân cũ. Khổng-Bình cũng quý mến Hoàng rất mực. Nhưng trong trường hợp này, tiếng gọi của người bạn nghèo và của cả cái xóm nghèo có Ngô trong đó, lẽ tự nhiên phải có một sức quyến rũ mãnh liệt hơn nhiều...

Sống chung với Ngô trong hai hôm ở cái xóm này, Hoàng càng vui mừng vì, với cuộc tái ngộ, hần không những được gặp lại một người bạn cũ chí thân mà còn được gặp một người hoàn toàn đồng quan điểm với hần về cái hướng đi tìm vốn sống và những dự định hần ủ ấp từ lâu. Qua những câu chuyện hàn huyên, Ngô đã cho biết trong thời gian bốn năm tù chính trị,

anh đã tự học được khá nhiều. Sau ngày được phóng thích, Ngô đã thi đậu Trung học và, sau đó, anh chiếm được bằng tú tài toàn phần.

— Kể cứ gò gẫm mãi để tìm bằng cấp cao hơn, tôi thấy cũng không khó gì. Nhưng tôi nghĩ cái học để tìm bằng cấp nó khuôn định hẳn kiến thức của hạng người luống tuổi như chúng mình. Sự học hỏi để cầu tiến, để nhận thức sâu sắc về cuộc đời, về sự sống cần hơn. Về sinh kế tôi thích nghề tự do và lao lực. Có nhiều trường, biết khả năng của tôi, mới dạy, có nhiều người quen có thể lực sẵn sàng đưa vào công sở, nếu tôi muốn, nhưng tôi từ chối cả. Trước kia, như anh đã biết, tôi bắt đầu làm ăn bằng nghề ấn công, sau đó tôi học chạy máy, giờ đây tôi chạy máy ốp-rét. Đời sống cũng thông thả, nhưng tôi vẫn thích sống chui rúc ở cái xóm nghèo này, thích chung sống với đồng bào nghèo ngật, như vậy vui hơn.

Biết được ý định của Hoàng, Ngô bảo :

— Anh chớ vội buồn năn. Sài Gòn quả là Đất Hứa của hạng người thích hưởng lạc và bọn người có chí kinh tài. Nhưng Saigon cũng là cái Đất Hứa của những người muốn đi tìm cái vốn sống thực sự như anh.

..

Ngô vừa khảy vỏ trứng, vừa lắc đầu kêu lên :

— Tôi lại gặp loại trứng già. Tôi chỉ thích búp vãi.

Chị bán trứng cười ngật ngoẻo :

— Lạ quá. Tôi xem trứng ít khi

sai chạy. Nó đầy chứ có phải lưng đâu. Thôi để ông kia dùng, tôi chọn lược cái khác.

— Không lược sẵn sao ?

— Khuya rồi. Lược nhiều sợ bán không hết. Trúng lược nhảm chừng đủ bán mà thôi. Trúng lộn mà để cách đêm là độc lắm. Mình ham lợi bán ẩu cho người ta ăn, sinh bệnh sinh hoạn, tổn đức lắm, *phải không ?*

Câu nói của chị bán trứng khiến Hoàng nghĩ ngợi. Cũng trong giờ phút này, giữa cái thủ đồ hoa lệ này, những bọn người gian manh xây dựng cơ đồ sự nghiệp lớn lao trên mồ hôi, nước mắt, đau khổ, tủi nhục của tha nhân, vẫn an nhiên hưởng thụ mọi thú khoái lạc, không chút bận tâm, áy náy về những hành vi đáng phỉ nhổ của chúng thì một người đàn bà nghèo nàn, đêm đêm ngồi lê lét ở xó đường với rổ trứng, tẹt mạn, nhặt nhanh từng đồng một để kiếm chút chút lời độ nhật, lại biết băn khoăn, lo lắng về nỗi thất đức vì một vài quả trứng nguội bán liều cho khỏi mất vốn. Giữa guồng sinh hoạt, nhiệm độc nặng nề bởi sức thao túng ác liệt của vật dục và thể lực đồng tiền, sự mầu nhiệm nào đã bảo vệ được nguyên vẹn cái chất ngọc của nhân tính trong người đàn bà hèn hạ này ? Đối với Hoàng, câu hỏi này thực không cần đến những lời giải đáp duy tâm và siêu hình. Hắn chỉ lặng lẽ chiêm ngưỡng vẻ đẹp của cái « *nhất điểm lương tâm* » mà hắn vừa bắt gặp trong người đàn bà tầm thường ngồi đối diện ». Giữa cái không khí ô trọc, bệnh hoạn của Saigon, nó lóe sáng lên như một viên hoàng châu trong bãi hoang địa đầy sỏi sạn. Nhưng đây không phải là lần đầu tiên

hắn bơi chải được những mảnh ngọc hiếm hoi. Giọng nói chần thản của người đàn bà bán trứng, nhất là cái âm hưởng đặc biệt địa phương của hai tiếng « *phải không* » sau cùng, càng khiến Hoàng cảm động để sức nhớ tới anh tài xế taxi hôm nào, và cùng với anh tài xế, chú Năm ở cạnh nhà trọ, chuyên nghề chạy xe thổ mộ, Hai tiếng « *phải không* », thốt ra từ cửa miệng người miền Nam, đâu là đàn ông hay đàn bà, nhất là khi nó được thốt ra từ cửa miệng của đám người bình dân chất phác, có một khả năng gợi cảm và quyến rũ lạ thường. Nó tạo được sự thân mật, sự cởi mở, một nhịp cầu thông cảm xóa tan mọi nỗi ngờ ngàng, gián cách giữa ta với người, ngay ở phút sơ ngộ. Hình ảnh anh tài xế taxi vui tính và cuộc đối thoại giữa anh ta với hắn, qua những con đường rộn ràng xe cộ, tràn ngập ánh sáng của Saigon về đêm, vụt sống lại trước tiên, với bao nhiêu tình tự đáng cảm động của một con người cần cù, bán sức lao động một cách vất vả để nuôi sống gia đình, nhưng vẫn yêu đời, vẫn giữ được cái vẻ khoái hoạt, cái bản chất hiền lương, chân thực, cái lòng tự trọng biết đặt nhân cách lên trên tiền tài. Chiếc taxi vừa mở máy đã phóng đi vùn vụt, lách mình, né, tránh nhanh nhẹn như một con sóc, giữa đám xe cộ rộn ràng, thỉnh thoảng đứng sững lại một cách bất thần, mũi xe vừa khít với dít xe trước, cả tài xế lẫn khách hàng chồm hẳn người lên. Mỗi lúc như thế, anh ta lại cười khoái trá :

— Tôi lái xe như một con gà điên *phải không ?* Nhưng ông cứ yên tâm. Tay lái thượng thặng mà, bảo đảm mà.

Tôi lái xe đã trên 20 năm nay, chưa gây ra một tai nạn nào. Vì mình lái có khuôn phép chứ có phải lái liều, lái ẩu đâu. Có nhiều người gọi tôi lái xe nhà lương hậu lắm, nhưng...

Anh tạm ngừng, sang số, rồi tắc lười thở dài :

— Lái xe nhà, hạng như mình phải không, lương hậu, khoẻ hơn, nhưng ngán lắm ! Những người có tiền sắm xe, phần đông hay ỷ thị đồng tiền, hạch sách đủ điều ! Khó xài lắm. Thà lái taxi, có vất vả hơn nhưng tự do hơn, phải không ? Khoẻ thì chạy, mệt thì nghỉ. Với lại, chạy xe nhà còn ngán cái nữa, là hợn trẻ nhỏ đáng con. đáng cháu mình, mình vẫn phải thừa cậu, thừa cô. Chúng hồn hào, xác lảo mình cũng phải chịu đựng chứ biết làm sao. Những chuyện vụn vặt như thế làm cho mình nghĩ mà buồn trong bụng *phải không* ? Cần quái gì, tự do là hơn.

Rồi không đợi hỏi, anh vui miệng kể tiếp :

— Lái xe taxi cũng kiếm chác được khá lắm chứ không đâu. Miễn là mình siêng năng. Cứ mỗi ngày chạy, xăng nhớt, *tiểu nghệ* chi nấy xong rồi, kiếm được một trăm, tẻ nhất là năm chục. Vào dịp Tết, giới chạy có thể kiếm được tám, chín trăm mỗi ngày là thường. Nghề chạy taxi không bạc bẽo đâu. Có ăn mà. Nhưng nghề gì cũng vậy, có biết chịu khó, biết cần kiệm, chứ đã lười lại ham nhậu nhẹt, bài bạc thì *chời ơi* ! đổ mà nên.

Xe đang chạy, bỗng lại chồm lên. Tiếng hãm xe rít mạnh đến chát cả tai. Một tràng cười khoái hoạt :

— Chời ơi ! Bỏ đi xe vét-ba gì mà ngộ thế bỏ ? Tớ không lành tay lành mắt thì bỏ đã bỏ mạng mất rồi.

Câu chuyện lại tiếp tục :

— Tôi có vợ với một đứa con. Chạy xe cũng đủ sống. Vợ mình thì mình chỉ cần nó săn sóc con cái phải không ? Công việc nặng nhọc chẳng cần lắm. Mỗi lúc nó thuê một thùng nước thì mình chịu khó chạy thêm một cuộc xe độ năm sáu đồng là đủ. Thà đến lúc làm ăn không nên nổi thì bắt vợ con nó phụ trợ với mình, còn đang lúc làm ăn ra thì cũng nên để cho nó nghỉ ngơi. Tình nghĩa vợ chồng mà, *phải không* ?

Xe dừng đúng địa chỉ, Hoàng tiếc vì công việc phải xuống, nếu không hẳn còn muốn tiếp tục kéo dài cuộc xe để đi sâu vào những câu chuyện tâm tình của anh tài xế vui tính. Nhưng trả tiền xong vừa chạy qua bên kia đường, Hoàng đã nghe tiếng gọi giật giọng.

— Chời ơi ! ông đưa trời tiền. Chỉ có hai chục, ông đưa luôn cả tờ trăm.

— Anh tốt quá !

— Đây, tám chục của ông.

Chiếc xe rồ máy, phóng đi rồi biến mất hút vào những đoàn xe lũ lượt chảy theo hai chiều xuôi ngược trong đại lộ tràn ngập ánh sáng.

... Từ cái hình ảnh anh tài xế vạm vỡ, đen đui, mới trông có vẻ hung tợn, cộc cằn, nhưng gần lại càng thấy rõ cái bản chất trung thực, hiền lương, Hoàng nhớ tới Chú Năm chạy xe thổ mộ. Giờ này không biết chú Năm đã ngủ hay còn ngồi khề khà với cốc rượu để hai đồng, cái thú độc nhất mà chú tự cho mình cái quyền được hưởng thụ ở cái quán nằm phía đầu xóm, sau một ngày

chạy xe nhọc nhằn. Hình dung lại cái dáng tức tối của chú, cặp mắt lé trũng lên trong cơn thịnh nộ, sắc mặt đỏ kè kèi chú mắng nhiếc thằng bé hàng xóm và cái dáng hào hùng của chú khi ném tờ bạc hai chục để thi ân cho nó, lòng Hoàng rung rung cảm động. Nhất là cái giọng kè nhè, hần học và những luận điệu lặp đi lặp lại mãi của chú :

— À ! tại sao mày lại ngửa tay mà xin nó ! Mày xin làm chi cái đũa bán tròn, nuôi miệng ? Nó đi làm đi nó ăn đầy chó đẹp đẽ gì đâu. Nó lấy Tây, nó lấy Tàu, nó lấy Mỹ, nó lấy một vạn thằng cũng không đủ lấp liếm cái lỗ mồm của nó. Mẹ mày có đau ốm thì mày đi hành khất mười phương còn đẹp mặt hơn là ngửa tay xin nó. Tao chẳng phải là họ hàng gì với mày. Nhưng tao truyền đời cho mày biết, nếu mày còn ngửa tay xin nó, tao oán cho mà tan xác mày ra. Nay hai chục, cầm lấy, tao cho đấy. Tao chạy xe thổ mộ chứ không giàu có gì đâu. Nhưng tao cho đấy.

Giờ này chú Năm đã ngủ chưa ? hay còn khẽ khẽ với hai đồng rượu để ? Con người lăm lì, khắc khổ, ngày ngày phải thuê mượn một cỗ xe với hai con ngựa để chạy ngược, chạy xuôi từ Cầu Ông Lãnh đến Ngã Tư Bảy Hiền mà độ nhật. Ngày ngày, ngoài cái số một trăm đồng phải nộp chủ xe, liệu chú tìm được bao nhiêu lợi tức nữa để thỏa cái hứng hào phóng, thi ân ?

Vầng trăng Sài Gòn lên cao, dáng buồn ủ rũ có lẽ vì thường bị bỏ rơi. Đồng hồ vừa chỉ đúng một giờ khuya. Từ đâu phía đại lộ, một người đàn bà

gánh một gánh quà vật tiến vào ngã hẻm, lúc đi ngang hàng trứng, đặt gánh xuống nói lớn :

— Chị Ba, dọn về chó. Khuya rồi. Bán được không ?

Chị bán trứng ngẩng nhìn, vui vẻ :

— Dạ được. Cám ơn chị. Chị cứ về trước để tôi dọn đồ xong đã.

— Thì chờ nhau cũng được chó nôn nả gì.

Hoàng cùng Ngộ trả tiền, đứng lên từ ghế chị bán trứng rồi sánh vai nhau trở vào lối xóm. Đêm khuya, trăng lên càng cao, không gian càng mênh mông và trong vắt. Cả hai cùng rảo bước giữa hai dãy nhà lá lụp sụp, phen vách ghép toàn bằng gỗ tạp, dính liền nhau, kéo dài ra như vô tận. Từ hai dãy nhà lá, có tiếng ngáy, tiếng trở mình, tiếng ho thỉnh thoảng vắng đưa, có những thân xác đánh trần nằm sóng soãi trên những ghế bố hay sạp gỗ trước hiên, ngủ say không nhíp đuôi, có những thân xác đánh trần ngồi trong những khung cửa hẹp nhìn ra đường chờ đợi một cơn gió muộn.

Dưới bóng trăng suông, tiến sâu vào con đường hẹp giữa hai dãy nhà lá tối tàn này, với những kỷ niệm đẹp đẽ và những hình ảnh dễ quên, tiếp nhận được từ sự chung đụng trong mấy ngày qua cùng đám người cần lao cháy nắng, vui bụi giữa lòng Thủ-đô, Hoàng cảm thấy hồi hộp, sung sướng như vừa thăm dò được một thứ mạch sống sung thiêm, mới mẻ và phong phú lạ thường.

TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY HỎA HOẠN **TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY TAI NẠN**

TAI HẠI GÂY BỞI CHẤT NỔ
VỐN : 1.500 TRIỆU PHẬT LĂNG

Cie d'Assurances Générales contre
l'Incendie et les Explosions

Capital : 1.500.000.000 Fra.

GIAN PHI — HÀNG HẢI — RỦI RO
VỐN : 3.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

Cie d'Assurances Générales Accidents
Vol — Maritime — Risques Divers

Capital : 3 Milliard de Fra.

CÔNG TY BẢO HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

VON : 8.750.000.000 PHẬT LĂNG

Assurance Franco Asiatique

Assurance Toutes Branches

Capital : 288.750.000 000 F

NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT
VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

Giấy số : 21.253 — 23.913

Vòng tay

học trò



Truyện dài

HOÀNG-ĐÔNG-PHƯƠNG

(xin xem từ BK 169)

Nghe tiếng xe dừng trước nhà, Tuấn ném vở chạy đến cửa sổ nhìn xuống đường. Trâm hỏi vọng ra :

— Ai đó.

— Chiếc Dauphine trắng cô à.

Minh búng tàn thuốc xuống sàn nhà, đầy ghế đứng lên :

— Dauphine hay Peugeot ?

— Ra mà xem.

Ba người nép mình sau cửa nhìn xuống. Trâm reo lên :

— A, chị Trúc.

Những bước châu tít tít đồ xô xuống thang lầu. Không giầy dép, Trâm chạy vụt ra cửa, băng ngang bờ cỏ non lên đường. Minh, Tuấn chạy theo.

Trúc vừa xuống xe, đang kéo hành lý ở băng sau. Minh đỡ lấy chiếc valise, xách tuốt vào nhà, sau

khi cười với Trúc như với một người nhà thân thuộc lâu ngày gặp lại. Trúc chào người lái xe và chiếc Dauphine lao vút vào đường rừng. Nàng vuốt lại mái tóc và ngạc nhiên nhìn cô em gái chân không, tóc xõa, áo quần ngắn và chật nháy từng từng liến thoắng như trẻ con, không một dấu vết nào tố cáo tác phong cô giáo. Trâm cũng len lén nhìn lại Trúc, không phải xem chị có gì thay đổi từ ngày xa nhau, nhưng muốn dò xem phản ứng của chị lần đầu tiên trông thấy người ở trọ.

Nhưng Trúc hình như không chú ý đến riêng ai. Nàng tươi cười với cả ba khuôn mặt hồn nhiên đón tiếp mình, cảm thấy nhẹ nhàng thoải mái sau nửa giờ bay trong vòm trời đầy mây, và cơn mệt kéo dài trên suốt khoảng đường Liên Khương

về Dalat. Bây giờ đã đến nơi, Trúc muốn quên, muốn gác lại tất cả mọi suy tính và công việc sau chuyến đi, nằm xuống một nơi nào êm ái lắng chìm trong không gian mát lạnh dịu hiu của buổi chiều tàn vơi. Và nghỉ ngơi cả thể xác tâm hồn bằng những săn sóc, nuông chiều, cung phụng của người khác. Bao giờ Trúc cũng mong mỗi được yên tĩnh và nghỉ ngơi. Vì thể chất nàng yếu đuối mong manh như một cánh bèo, một làn mây sợ hãi cuồng lưu bão tố. Vì tâm hồn Trúc như một chiếc lá, như tơ vương, chỉ một thoáng gió mơ hồ cũng đủ gây nên bao âm vang xao xuyến. Tâm hồn biến hóa màu sắc và cường độ của tình cảm, cho một niềm vui đơn sơ hóa thành hoan lạc non cao một gợn xót xa cũng là một khổ sầu vực thẳm. Cho nên bao giờ Trúc cũng có vẻ dịu dàng ẻo lả và thanh thoát của bông lau trắng trong gió chiều, muốn vượt lên cây cỏ mà vẫn phải tựa mình dưới đám cỏ cây.

Tiếng chân Minh và Tuấn chạy rầm rập lên thang lầu. Trâm thông thả đi bên chị, ngang qua cửa bếp, gọi người làm dọn cơm.

— Dinh cơ của em đây chị.

— Nhiều phòng thế này, em ở sao cho hết.

— Lúc đầu ở một mình vừa, bây giờ thêm chúng nó, đã thấy chật chội.

— Mười phòng ba người còn chật nữa ?

— Nhưng nếu chị cần, bọn này sẽ rút đi chỗ khác cho chị mượn cả lầu đài này... hưởng tuần trăng

mặt với anh Liêm.

Trúc muốn cốc vào đầu con bé, gắt « khi nào » như ngày còn nhỏ, nhưng nàng chỉ đứng lại ở phòng khách trên lầu, nháy mắt cho em đừng đem chuyện mình nói đùa trước mặt hai đứa học trò. Trâm nhìn theo Minh đang loay hoay sắp đặt lại mấy quyển sách trên bàn, nói nhỏ :

— Nói gì thì nói chứ, bọn nó... dưới mười tám tuổi, biết quái gì.

Câu nói dối rõ rệt quá làm Trâm thấy nóng bừng ở má và nhìn sang Minh, lo ngại vắn vơ. Hôm viết thư về nhà, Trâm nói về người khách trọ của mình : nó còn bé độ mười lăm mười sáu tuổi, bằng Đoan con chị Trúc. Thật tình lúc ấy Trâm không dối trá vì đó là nhận xét hôm gặp Minh lần đầu. Cho đến khi khám phá ra con người thật của Minh, Trâm đột nhiên nghĩ đến một ngày nào đó người nhà lên, rồi sẽ... Cho nên suốt cả ngày hôm qua, Trâm bứt rứt khi nhận được điện tín của chị Trúc bảo sẽ lên thăm và ở lại. Minh cũng băn khoăn như nàng : « làm sao, cô ». Trâm cố cười thần nhiên : « Việc gì mà làm sao, mình dọn dẹp nhà cửa cho tử tế, rồi đi đón bà chị ». Nhưng Trâm cũng không quên dặn Minh : « Bà chị tôi lên, bớt hút thuốc đi, nghe Minh... »

Bây giờ Minh sừng sững ra đó. Không phải thành bé. Không phải mười lăm mười sáu tuổi. Mà người con trai đã lớn ở dáng dấp, cử

chỉ, giọng nói, về người. Lớn và chín muồi như một trái cây giữa mùa, như con chim đủ lông cánh sẵn sàng nhào lộn vào một vòm trời mọng mơn và bão tố.

Trâm, Minh và Tuấn ngồi vây quanh Trúc trên nệm trước lò sưởi.

— Sao không đi đón chị.

— Tụi em đi đón từ bốn giờ kia. Đến Air Việt - Nam người ta bảo khách về hết rồi cả nhà tưởng cô chị đi xe lửa, lên ga không có, về bến xe cũng không. Tưởng là chị không lên. Chị nghỉ được mấy ngày ?

— Có ba hôm thôi.

— Sao chị không xin phép lâu hơn. Một tuần hay mười ngày.

Tự nhiên Trâm cúi mặt xuống không dám nhìn chị và thấy mình đối trá một cách khốn nạn. Giá một dịp khác, một chỗ khác hai chị em có nhau, không cần đến kẻ thứ ba, một hiện hữu khác phái nào, Trâm cũng cảm thấy đời mình đầy đủ, tất nhiên chỉ đầy đủ trên một phương diện nào đó. Nhưng bây giờ vương Minh, bây giờ đời sống đang ở trong tình trạng báo động căng thẳng của tình cảm, chị Trúc như một khám phá, một ngăn cách, đến nỗi nghe chị bảo ở lại có ba hôm, Trâm nhẹ nhõm cả người. Vậy mà dám uốn lượn mời chị ở lại. Giá chị tuyên bố ở lại mười ngày nữa tháng thật. Trâm sẽ méo mặt đi rồi bất tỉnh cũng nên.

Một lúc, rồi Trâm lặng sang chuyện khác :

— Lúc này ai đưa chị về ?

— Người quen ở hãng máy bay.

— Chứ không phải tay chân anh Liêm phải đi hộ tống chị à ? Sao chị không thỉnh ngài lên chơi ?

— Xừ đó lúc nào cũng công việc, công việc lên sao được.

Trâm nghe thoáng bức tức và hờn lầy trong giọng nói của chị. Yêu thương nhau đậm thắm vô cùng, nhưng hai người chỉ khác nhau một điểm đó. Trúc bao giờ cũng muốn thư thả yên ổn, chừng mực, một đời sống điều hòa, phẳng lặng. Nhưng Liêm lại coi sự hăng hái mê say hoạt động, lăn lộn vào những công việc khó khăn và nguy hiểm là lẽ sống. Dừng lại, yên nghỉ là hết. Sự cần cỏi già nua tâm hồn và thể xác ngập tới tức khắc. Có một hạng đàn ông nào đó không chịu đựng được sự thiếu vắng thử thách hiểm nghèo, gian khổ như một hạng đàn bà nào đó không chịu đựng được sự thiếu vắng tình yêu, che chở, nuông chiều. Đời sống tình cảm của đàn bà là toàn thể vũ trụ của họ, trong khi đối với người đàn ông, tình cảm chỉ chiếm một phần nào đó trong thế giới rộng lớn của họ, bên cạnh những dự định lớn lao, những khát vọng vô cùng, những lo toan sự nghiệp. Trâm giống những người đàn bà nào đó, giống chị một phần về quan điểm ấy : tình cảm là yếu tố cần thiết và duy nhất tiên liệu và chi phối đời sống của một người đàn bà. Nhưng nàng không chịu yên ổn chấp nhận chỉ một điều đó. Phải bằng mình theo một đam mê nào đó, sống cho cùng cho tột cảm xúc và khả năng của mình, và phải cảm thấy mình đang sống

cuộc đời chính mình lựa chọn và điều khiển. Gì cũng được, nhưng phải say mê một thứ gì đó, miễn là biết dứt khoát lúc cần phải nghỉ ngừng, để sau đó, bắt đầu lại một say mê mới, một tìm kiếm khám phá mới. Tìm gì để làm gì, nàng không biết. Nhưng không thể nguôi nghỉ, buông xuôi dù biết rằng con đường nào rồi cũng dẫn về hư không và tất cả chỉ là vô ích và nhàm chán, trong tận cùng bản thể cuộc đời.

Trâm thấy mình giống người đàn ông yêu chị mình một điểm nào đó, và nàng là người ngoại cuộc thấy rõ hết đôi bên, nhưng lâu lâu cũng nói gàn với chị :

— Vậy là không biết hy sinh sự nghiệp cho ái tình. Em như vậy thì còn cần công việc, đá tuốt hết, đông theo người yêu vài ngày. Sung sướng vài ngày cho một đời buồn tẻ đã sao.

— Thôi đi, cô cứ dờ kiêu đó ra hoài, tưởng thiên hạ ai cũng liều như cô.

— Khỏi người muốn mà không dám liều. Liều mới thực là yêu.

— Nhưng yêu không phải là liều.

— Thôi để dành chuyện đó. Giờ chị đi thăm lâu đài của em, rồi ăn cơm, ở đây lạnh, trời mau tối lắm chị.

Tuân vít cổ Minh :

— Mời cô đi khánh thành phòng tội mình, xem của ai đẹp hơn.

Trúc đi theo bộ ba vào phòng Tuân rồi xuống lầu xem «tư thất» của Minh. Tấm màn đỏ vén lên, và Minh bật đèn. Ánh sáng ảm áp hắt lên những

bức tường hồng, bàn học sách vở thứ tự, giường ngủ nệm gối thơm tất. Tranh ảnh quanh phòng rực rỡ mỉm cười.

Trúc khen :

— Phòng đẹp đấy.

— Giá chị lên không báo trước sẽ thấy mỗi phòng là một hầm rác. Bừa bãi kinh khủng. Các ông tướng này thức suốt đêm qua dọn dẹp phòng để đón rước chị đó.

Minh nghiêng đầu nhìn Trúc, giọng nhõng nhẽo trẻ con :

— Phòng em đẹp nhất phải không cô.

Tuân giành :

— Phòng em đẹp hơn.

Chị Trúc xử huê :

— Phòng nào cũng đẹp, mỗi phòng một vẻ, bằng lòng cả chưa ?

Trâm thoáng nhìn Minh, lòng dịu xuống trong một cảm xúc mơ hồ êm ả. Niềm bứt rứt hôm nào sau đêm giao thừa bên lò sưởi không còn nữa. Những nét bấn khoản in hình lên khuôn mặt Minh hôm đó cũng âm thầm mờ xóa. Chỉ còn vẻ hồn nhiên thơ dại trên mỗi nét mặt, và Trâm chợt cảm thấy như chưa bao giờ Minh dễ thương đến thế từ ngày đến ở. Cả mình cũng trẻ thơ lại bên hiện diện của một người lớn. Một người quản quai trong cô đơn, triển miên đối thoại với tâm tư mình đời sống bên trong trở nên mãnh liệt và trầm trọng. Một mình xa cách hết những người thân yêu, rắn rỏi chống đối với đời, tự dựng Trâm khoác cho mình một bề ngoài khô cứng và giả

đối. Bây giờ Trâm hiểu ra điều đó. Chính trong cô đơn, mình đã trưởng thành quá sớm về tư tưởng, về suy tư, đã khám phá nổi ý nghĩa cùng sự phi lý của đời sống, đã tạo dựng được một thế giới riêng cho mình cai trị và tồn tại theo một quan niệm riêng.

Mà cũng chính cô đơn đã biến đổi bản chất hồn nhiên của mình, đã tiêu hủy niềm tin tưởng đối với đời với xung quanh, bao giờ cũng phải hoài nghi giữ gìn trước một thế giới đối lập, những hình ảnh thù hằn, một tai họa nào sắp tới, như một nhóm người cô lập trên hải đảo cô đơn, ngờ vực thù hằn và chống đối với những thuyền nào tới bến. Cứ thế, rồi không bao giờ thành thật với chính mình và kẻ khác. Tương quan giữa cá nhân với đời xã hội bắt buộc con người giữ hoài tư thế của một diễn viên sân khấu. Vậy tất cả những điều gì, hoan lạc hay đau thương, huy hoàng hay tăm tối xảy ra trong quá khứ của mỗi người cũng chỉ giả tạo, như màu sắc, dáng điệu, ngôn ngữ của phường tuồng thời sao? Bao nhiêu khổ đau vực thẳm, những say đắm biển trời, Trâm đã sống, cũng là giả tạo, là ảo tưởng thời sao? Nàng đột ngột nhìn lên khuôn mặt tươi cười và dịu dàng của chị, bỗng đứng lòng trùng xuống, dạt dào trong muôn nghìn kỷ niệm ấu thơ trong sạch trôi về như nước lũ trên sông. Và Trâm nhận ra sự thay đổi quái dị của mình khi di chuyển từ một thành phố này sang một thành phố khác.

Sàigòn, Nha-Trang. Chỉ cách một giờ bay là những màu sắc vay mượn, những dáng điệu giả tạo, những ý nghĩ trong sâu kín tâm hồn rơi xuống, biến trôi. Ngõ nắng vàng hoe và hàng rào nở đầy hoa tím nhạt. Phảng phất mùi thơm ngai ngái của trái keo non. Những chòm hoa giấy đỏ phơ phất cười dưới vòm trời xanh bát ngát đầy mây trắng. Bao giờ cũng thế, Trâm ném valise từ ngoài ngõ, tháo giày quăng mỗi chiếc một nơi trên sân cát ẩm, rồi cứ chân không chạy ùa vào nhà như một con điên. Mẹ bảo thế, như một con điên. Nhưng không điên, con chỉ bé bỏng lại mỗi lúc về nhà. Trâm chạy thẳng ra bể nước có thả sen dưới dàn hoa lý, cúi nghiêng mình, cười với bóng vừa trở về trong mặt nước xanh rêu. Những ngày sau đó là ngủ, ăn, tắm biển, phơi nắng, hát cười, đọc sách hay lang thang một mình trên những con đường thật vắng ngập trên bóng cây và ánh nắng. Giản dị và nhỏ bé hơn một đứa học trò, cô giáo quên khuấy hết, và ngạc nhiên vì sao có lúc mình cho dê-ro và phạt cấm túc những đứa học trò trong lớp còn có vẻ người lớn hơn mình lúc về nhà. Đứng sau lưng chị, nhìn sang Minh và Tuấn, Trâm bỗng nhiên ước ao được một phút bị đồng hóa theo chúng nó, cho Minh thấy mình « thật » như thế nào. Nhưng nàng ăm ức nhận ra rằng khoảng cách giữa mình và Minh đã tạo nên do danh từ giáo sư, chủ nhà nay chơi với mở rộng

thêm ra vì hiện diện của chị Trúc. Trở lại giọng của diễn viên, Trâm gọi chị Ba dọn cơm, rồi dọn dò những công việc vặt vãnh trong nhà.

Chiều ý khách, cơm dọn ngay giữa sân nhà, trên chiếc chiếu rộng gần lò sưởi.

— Ăn thế này giống Nhật.

— Phải đó, giống nhật trình. Hồi mới dọn đến chưa có bàn ghế, em trải báo ra giữa sân nằm ngủ với... chuột.

Suốt bữa cơm, Trâm nói cười vui vẻ huyền thiên, kể chuyện trường, học trò, giáo sư, những ngày mới đến ở, và những láng-giềng xung quanh. Chị Trúc đột ngột hỏi :

— Minh đến lâu mau rồi ?

— Dạ hơn một tháng.

— Sống thế này vui thật. Cho thằng Đoan lên nhập bọn chắc sắp nhà đi mất. Nghỉ hè rồi thì cho chúng nó lên.

Trâm thoáng buồn :

— Biết nghỉ hè còn đông đủ thế này không.

Và nàng trao cái nhìn vào hai con mắt Minh câu hỏi âm thầm : « phải không em ? »

Về biến đổi đột ngột trên mặt Trâm làm Trúc chú ý. Nàng nhìn qua Minh rồi nhìn lại Trâm kín đáo, cảm thấy một cái gì khác lạ im lìm phảng phất giữa hai người. Trúc đã nghĩ đến điều đó từ những bức thư em gửi về nhà, lần nào cũng

nhắc đến đũa học trò ở trọ. Không còn giọng điệu buồn - nản, chán - chường, ray rứt như những bức thư Trâm gửi từ Saigon năm trước. Cũng không còn nỗi hoài nghi hoang mang trước những ngày tháng mới lúc Trâm vừa lên Đà Lạt. Một niềm vui, một mê say nào đó nhóm lên trong những dòng thư lạc quan tin tưởng thình thoảng giữa đôi hàng tâm sự, Trúc lơ mờ đoán ra em muốn khoe muốn mách mình điều gì đó. Điều ấy còn xa lạ vắn vơ nhưng Trúc vẫn thấy loè lên thứ ánh sáng kỳ dị của một tia chớp bất ngờ giữa vòm trời yên tĩnh. Điều ấy, hình như Trâm vừa e sợ, vừa mong mỗi tỏ bày với chị. Cũng như vừa sợ vừa muốn xác nhận với chính mình. Và điều ấy hôm nay Trúc thấy thấp thoáng hiện lên trong vẻ nhìn, trong cách nói, trong lối đối xử dè dặt gượng gượng giữa em gái mình và người khách trọ nhỏ tuổi,

Cơm tối xong, cả nhà quây quần trước lò sưởi. Trúc ngồi co ro giữa đồng gối chần dầy cộm còn rung mình kêu lạnh.

— Thế này đã vào đâu chị, chỉ mười hai độ, hôm Noel đặt hàn thử biểu ngoài trời lạnh đến bốn độ.

— Noel đây vui lắm không em ?

Nỗi buồn sắp sửa mờ phai thoáng gợn lên trong lòng Trâm, nàng nhìn Minh âm thầm trách móc.

— Vui một mình.

— Tại em thích một mình chứ.

— Thích và sợ.

Trúc chạnh nghĩ đến những ngày

tháng cũng dằng dặc cô đơn của mình, cảm giác trống không ghê rợn của một người đàn bà thức giấc giữa khuya, trong bóng tối chập chờn lạnh lẽo. Mà cô em gái say đời mê đắm của mình cũng chịu đựng nỗi tình trạng đó trong một nhà mồ hoang vắng thế này.

— Chị sống lâu ở đây chắc không chịu nổi. Chị sợ Đà Lạt lắm rồi. Những đêm gió mưa những chiều dài lướt thướt âm u. Phải đông đúc, đầy đủ, đầm ấm mới sống ở Đà Lạt nổi.

— Đề rồi chị xem, em có thể sung sướng một mình.

— Không bác lâu đâu em.

— Chính em đã tự ý lựa chọn đời sống thế này, có ai bắt buộc dọa dầy đâu.

— Nhưng rồi sẽ có lúc em cảm thấy không chịu đựng được nữa.

Tuy nói hăng hái với chị nhưng trong thâm tâm Trâm sợ hãi nhận ra rằng những say mê dự định đầu tiên ngày mới đến Đà Lạt không còn thiết tha nồng nhiệt nữa. Có gì trùng héo xuống trong mỗi bước thời gian, mỗi lần mặt trời mọc lên mặt trời lặn xuống. Mỗi ngày là một móc sắt trong chuỗi dài tháng năm ràng buộc của định mệnh của một thân phận đề nén u uất và phi lý. Đều đặn. Âm thầm. Yên tĩnh. Và hoang vu. Như một con đường dài thăm thẳm không dẫn về đâu, không quanh co, chẳng lối rẽ. « Cứ như thế mãi cho đến khi giọng giảng bài của mình như một bài kinh nhật tụng, khi hai vai trĩu xuống dưới nỗi buồn héo hon, khi môi quên

cười khi mơ hồn trôi ước. Người ta sẽ gọi mình là cô giáo già. Đoan trang. Thuần hậu. Tử tế. Danh giá. Biết bao nhiêu cuộc đời đáng lẽ say đắm, tươi vui đã phải rữa mòn phai nhạt vì những tính từ giả dối đó...»

Lửa cháy bùng reo vui trong lò sưởi. Minh lay hoay chất củi vào lò. Khuôn mặt trong sáng của người con trai tắm trong ánh hồng lung linh. Vệt tóc mềm đen lá xuống con mắt buồn buồn vô cớ. Minh ngẩng lên cười thật trẻ thơ.

— Em đi kiếm thêm củi nghe cô ?

— Thôi em, khuya rồi sau rừng lạnh lắm.

Gió nổi từng cơn chạy dài vi vút trong thung lũng. Những cành thông lắc lư quật mạnh xuống mái nhà. Cửa kính kêu lách cách như sắp bật tung đồ ào xuống.

Trúc quấn chặt áo ấm.

— Trời bão sao Trâm ?

— Không đâu, đêm nào cũng thế, vùng này ít nhà cửa, gió tha hồ tàn phá, có lúc nghe gió hú như yêu ma. Chị buồn ngủ chưa ?

— Chưa, nhưng lạnh quá.

— Chị uống rượu dẫu nhé.

Trâm lấy bình rượu và ly trên kệ lò sưởi. Rượu nóng trườn nhẹ nhàng vào cơ thể, Trâm lan man nghĩ đến ngày mai, khi chị Trúc về rồi, những ngày tháng vừa thắm hồng lại nối tiếp theo nhau, bất chấp những hậu quả sau đó, tìm một quãng đời thật đẹp, vâng chịu theo ý muốn của mình, rồi sau đó... Không, Trâm không muốn và không cần nghĩ đến sau đó.

Hiện tại. Chỉ hiện tại. Nếu không thì suốt cuộc đời buồn nản, vô-vị. Thỉnh thoảng Trâm chợt băn khoăn về chính những ý tưởng vạng dọi của mình. Nhưng cơn gió bắt đầu dậy lên cuốn lấp hết ưu tư và Trâm nhắm mắt bước liêu vào khoảng không chơi vơi. Trúc bỗng nói nhỏ :

— Trâm này, thằng Minh nó có vẻ... sành sỏi quá.

Trâm xoa ngón tay lên thành ly :

— Em đoán lắm về nó. Cũng không biết tính sao.

— Lôi thôi quá...

— Chị đề em liệu lấy, đừng nói gì hết.

Đêm khuya, câu chuyện tàn dần theo lửa trong lò sưởi. Hai chị em nằm quay lưng vào nhau yên lặng một lúc lâu, nhưng không ai ngủ được, mỗi người theo đuổi một ý nghĩ riêng. Nằm trong bóng tối lạnh lẽo bên cạnh em, Trúc chợt nhớ ngày xưa mỗi lần có chuyện buồn, hai chị em lại tìm đến nhau, thì thăm tâm sự cho đến sáng. Hồi ấy, Trâm chưa thay đổi như bây giờ, còn dịu dàng, sâu kín, thiết tha và gần gũi với chị trong những vấn đề tình cảm. Trâm là người bạn thân của Trúc qua những giai đoạn đón đau hay đắm thắm của nàng với Liêm. Đôi khi Trúc thấy em còn có vẻ trải đời sâu sắc hơn mình trong những câu chuyện về tình đời và lòng người. Một đêm nào trời lạnh buốt như đêm nay, chín năm về trước ở Huế, Trúc đã âm thầm nói sau lưng em như một lời thú tội

bằng hoàng: Je commence à l'aimer... Niềm rung động vừa sung sướng lẫn đau đớn ngày xưa không còn nữa. Nhưng kỷ niệm còn hằn in từng dấu vết mờ mờ trong khoang thuyền quá khứ trên dòng nước thời gian trôi về quê hương nào xa xăm tấp. Con nước lụt dâng lên bốn cửa hoàng thành. Những mái nhà thấp xuống giữa dòng nước đục ngầu cuốn trôi. Vết xác xơ tiều tụy của chính mình. Những tháng năm sâu muộn sau tang chồng. Liêm đến giữa đời Trúc phút đó như một bến bờ cho chiếc thuyền lênh đênh hải hùng sóng nước. Người đàn bà đoan trang dịu dàng quý phái, hình ảnh cho bao nhiêu tấm lòng xôn xao tôn thờ đeo đuổi đó bỗng khám phá ra đời mình từ đây. Bởi tình yêu thần diệu đã làm bóng hào quang chiếu xuống một số kiếp đau buồn.

Tình yêu chín muồi sau những giảng co chọn lựa ray rứt băn khoăn. Trúc đã nói hết với em cho dịu những ưu tư phiền muộn, những lo lắng hoang mang suốt những ngày đầu của cuộc tình ngang trái. Tháng năm trôi đi, những băn khoăn phiền toái lúc đầu như dòng nước qua khỏi triền đá nhấp nhô chảy xuôi vào nhịp trùng trùng của biển lớn. Lâu dần, Trúc cũng chẳng còn gì để chuyện trò cùng em. Mà cũng vì những năm sau, khi Trâm đã lao vào đời như con chim đủ lông cánh lượn vào vòm trời cao rộng, Trúc thấy em thay đổi, hoàn toàn thay đổi. Thay đổi sau cách mạng cuộc đời và nổi loạn tâm-hồn. Đột ngột và dữ dội như phún

xuất thạch bưng lên từ một lòng núi bao nhiêu năm hiền lành im ngủ. Cơn bão táp đã tàn phá hết cánh đồng xanh phơi phơi trong tâm hồn người con gái nửa đời dang dở đó, đã lay đổ hết lòng tin ảo tưởng hạnh phúc mà mỗi một người ước mơ ngày mới lớn. Lòng Trâm chỉ còn là tro than lạnh vắng của khu rừng sau đám cháy. Ở đó bắt lên những tiếng la hét vừa náo loạn vừa cuồng điên. Ở đó quần quai xiêu đổ những ảnh hình biến thay hỗn loạn. Tiếng khóc, tiếng cười luân phiên làm nhạc đệm mơ hồ cho lời ca u uất là về im lìm nhận chịu. Cho nên, không bao giờ Trúc tìm thấy lại ở em, về hồn nhiên thơ dại và bóng dáng hiền dịu của người học trò Đồng-Khánh mười năm trước. Áo tím, nón bài thơ, mái tóc dài óng ả. Tôn-nữ Quỳnh-Trâm ngày xưa như thế đó. Bây giờ thôi hết, thôi mất. Và chị tiếc em ngày cũ vô cùng. Giờ có lúc Trúc bắt gặp em điên cuồng vui đùa âm ỉ. Có lúc sau cơn vui kỳ quái đột ngột do những duyên cớ thăm kín nào không ai biết, Trâm ngồi rũ rượi lặng im hàng giờ như một con mèo ốm thu hình chờ chết trong một góc phòng tăm tối lãng quên. Rồi có lúc, trong dáng điệu thần thờ chết điếng đó, bỗng bùng cháy lên một cơn hăng hái say sưa. Âm ỉ, huyền thiên vội vã nôn nao bắt đầu, bắt đầu lại, đề rồi cũng đổ vỡ tan tành lần nữa, lần nữa... Nhiều khi Trúc không tin những hiện-tượng đó là con người thật của em. Nàng lơ mơ cảm thấy bề

ngoài đó như thứ vỏ cứng đề che giấu sự thật nào về cay đắng trong tận cùng tâm tư Trâm. Không ai biết đến. Như một chiếc áo sặc sỡ che lấp vẻ tiêu tụy lệch lạc của thân hình hay màu phấn son phủ kín những nét thời gian khô héo. Vì đôi khi Trúc bắt gặp, trong vẻ im lìm xa vắng của em, vẻ xót xa hồn tử của bến bờ hoang vu chờ đợi mãi một con thuyền, một con thuyền không bao giờ tới. Ngày hai mươi lăm tuổi như em bây giờ, có chồng con, Trúc có biết gì đâu. Khuôn khổ nhỏ hẹp của cuộc đời phẳng lặng, ngăn cách người đàn bà với niềm xôn xao sóng gió bên ngoài. Không ưu tư, không vương mắc, đón đau. Lớn lên ở bờ sông đó và cuộc đời cũng trôi theo dòng sông đó. Áo vẫn tím, giày nhung thêu cườm, vòng ngọc trên tay. Hình ảnh thủy mị của cô nữ sinh Đồng Khánh dài các hơn hai mươi năm về trước. Đi học bằng xe kéo gọng vàng sáng chói. Về nhà đóng cửa bánh trái thêu thùa. Hình ảnh cuộc đời không lớn hơn tàn lá me xanh rũ nghiêng bên khung cửa sổ gian phòng yên tĩnh. Cho đến ngày theo chồng, đời mình đã có kẻ khác chỉ huy... Còn Trâm bây giờ lớn khôn ở một phương trời khác, ở một thời đại khác, ở giữa một dòng đời rộn ràng mà con người muốn đứng vững phải là chong chóng, là con thoi, là những nan xe quay tít không ngừng. Người con gái không thuộc về nề nếp gia đình nữa, Trâm rơi vào đời như chiếc lá chao mình theo cơn gió. Rụng xuống. Và xác xơ. Đề tỉnh giấc

thấy mình ngờ ngác lạc loài, không biết về đâu đi đâu. Ngày thơ đại qua mất rồi, không thể bắt đầu lại. Còn tương lai xa xôi như không bao giờ tới, chán ngán và hoài nghi đến nỗi không còn hy vọng và đợi chờ.

Càng về khuya càng lạnh. Không còn chút hơi ấm nào trong lò sưởi. Tay chân da thịt Trâm giá buốt, như sức nóng đã dồn hết vào trong tâm tư đang thiêu đốt bùng bùng. Trong khuya, tiếng tích tắc đều đặn của đồng hồ nhỏ giọt vào lặng yên. Quanh Trâm, đêm như một vực thăm sâu xuống vô tận vô cùng. Tiếng thờ đều của thằng Tuấn như từ một thế giới xa lạ nào vọng lại. Trâm cố dẫn mình nằm yên, không xoay trở như mỗi một hơi thở, một cựa mình phút đó là một lời gọi kêu nộ lỗi. Phía trên đầu nàng, chỉ cách hai cái gối là đầu Minh. Hai thân hình thẳng góc nhau trên một mặt phẳng đêm khuya cách trở. Một lúc lâu, Trâm bỗng lặng người nghe mơ hồ tiếng bàn tay Minh chạm nhẹ lên mặt sàn gỗ như quờ quạng tìm kiếm một vật gì. Từng ngón tay Trâm đột nhiên run rẩy bám chặt vào chéo gối. Có tiếng quẹt diêm. Mùi thuốc thơm phảng phất. Hơi khói nồng nồng quen thuộc từ phía Minh len lén bay qua nhả lên mặt nàng như một gửi trao liễu lĩnh. Yên lặng một lúc, rồi Trâm nghe tiếng búng tróc nhẹ nhàng của ngón tay Minh vào tàn thuốc. Đốm lửa hồng nhỏ xiu tung lên trong vòm tối rồi rơi xuống

một góc nhà. Có tiếng Minh trở mình rất nhẹ. Rồi Trâm có cảm giác rờn rợn như Minh vừa ngẩng đầu lên và thân hình người con trai như một loài rắn đêm, rướn lên trong bóng tối, chới với lao về phía nàng. Trâm nhẹ nhàng xoay mình, nhìn lại phía Trúc se sẽ kéo cái mền đắp thêm lên mình chị. Lặng nghe tiếng thờ đều đều của chị, trong giấc ngủ bình yên, tự nhiên Trâm ngượng về cử chỉ âu yếm của mình. Rồi nàng cũng không hiểu thật ra mình muốn tỏ vẻ săn sóc chị hay dò xem Trúc đã ngủ chưa. Nghĩ thế Trâm vừ bứt rứt khó chịu vừa lằng lằng thú vị với mặc cảm tội lỗi của một tên trộm rình chủ nhà ngủ say để đánh cắp một báu vật nào. Rồi nàng xoay người lại như cũ, nằm yên được một lúc. Rồi đầu óc Trâm bỗng nhiên choáng váng nặng trĩu xuống và khắp người rần rần bùng lên một cơn sốt cảm giác nóng lạnh hỗn độn. Như kẻ chột hoảng hốt nhận ra mình sa vào một bãi lầy dày đặc: mệnh mông, Trâm muốn vùng lên, muốn cầu cứu, muốn gọi chị Trúc dậy mong một tuyệt vọng một tia sáng, một đốm lửa, một cánh tay cứu trợ nào kéo mình ra khỏi vũng đêm âm u yên lặng này. Nhưng vực sâu như mở ra dưới chân Trâm, và gió bão vừa bắt đầu chuyển mình réo sôi quần quai. Không còn một ý niệm nào về thời gian, không gian, về tốt xấu, đạo đức hay vô luân ở giây phút hoang mê đó. Nhưng Trâm vẫn còn mong mỏi được giải

thoát và lần trốn vững tối ghê gớm này. Sau đó, để làm gì. Tìm về ánh sáng để làm gì, Trâm không biết. Bình yên và trong sạch hay không, Trâm chẳng cần, chẳng cần. Nhưng Trâm sợ hãi thấy mình sắp sửa rời tay khỏi cái móc bám víu cuối cùng trên một bờ vực, và sẵn sàng rơi xuống dưới đáy sâu hun hút của địa ngục và không bao giờ còn ngoi mình lên mặt đất này được nữa.

Thân hình Trâm như đóng dính xuống mặt nệm nóng ran. Thu hết cố gắng, Trâm gõ tấm mền bông nặng như giáp sắt phủ trên ngực, nhào một cánh tay ra ngoài duỗi thẳng trên sàn gỗ lạnh như một đầu hàng buông xuôi mệt mỏi. Một tiếng động nhẹ trên đầu Trâm lăn nữa. Nàng muốn đứng lên, vùng chạy, đánh thức tất cả mọi người, mọi vật, cả mặt trời đã biến thành đồng lõa im lìm trong giấc ngủ. Nhưng làm tướng để đẩy lui một đoàn quân ngoài mặt trận cũng không khó bằng người đàn bà quần quai chống đỡ tuyệt vọng với chính cảm giác nặng nề ngọt ngào của mình lúc đó. Cho nên Trâm nằm chết cứng, và trái tim như một quả lắc đồng hồ bị hỏng bất ngờ, ngưng đập và rơi xuống.

Phe chiến bại im lìm bất động, và địch quân trườn tới, mỗi phút một gần. Trong mê sảng, Trâm có cảm giác như một đôi môi nóng bỏng nào chồm lên mái tóc mình xõa

dài sông đêm trên mặt gối. Bàn tay Trâm chơi với níu lấy tóc mình. Nhưng bàn tay Minh như mực biển đã quẩn phật lấy bàn tay nàng, dìm xuống, dìm xuống dưới đáy nước cảm giác sôi trào ủa ngập, cho khuôn mặt Minh phủ lên trên như một phiến san hô nồng ấm. Những ngón tay Trâm bất động thiếp mê một phút trong tay Minh rồi trở mình xoay nhẹ, xoay nhẹ như tiếng trục đôi chiều của một bánh xe hốt hoảng đuổi theo cái bóng lơ mơ thoát hiện lên ở một ngã ba đời huyền hoặc... Trục bánh xe im tiếng, chợt dừng. Và những ngón tay Trâm quật lên, xoắn lấy những ngón tay Minh siết nhẹ. Siết đau. Rồi siết chặt. Và cuối cùng, mười ngón buông nhau. Một dòng cảm xúc không tên ào ào dâng lên ngập lụt trong lòng và Trâm nghe như lưỡi dao bén ngọt nào vừa rạch suốt chiều dài thân thể. Úp mặt xuống gối, hàng răng muốn cắn cho nát ngườu đôi môi, Trâm khoắc khoải nén dần một tiếng kêu thảng thốt. Rồi nước mắt Trâm, như dòng suối khuya qua bờ rêu đá chảy xuống âm thầm...

Cơn mê sảng đầu tiên kéo dài suốt đêm. Gần đến sáng, Trâm chớp mắt ngủ thiếp đi, mơ thấy mình mọc cánh biến thành con chim đêm bay chập chờn trên những núi đồi trùng điệp mịt mờ sương phủ.

(còn tiếp)

HOÀNG ĐÔNG PHƯƠNG

❶ Có cái ghê tởm nhất trên thế giới đó là công lí tách ra khỏi lòng nhân ái.

Fr. Mauriac

SINH HOẠT

NGUYỄN-NGU-Í phụ trách

Buổi thuyết trình (1) gồm có ba phần :

— Phó thủ tướng đặc trách Văn-hóa Xã hội đọc diễn văn khai mạc.

— Giáo sư Phạm-Đình-Ái, cố vấn đặc trách Giáo-dục, trình bày dự án về Đại-hội Văn-hóa và viện Văn-hóa.

— Ông Đoàn-Thêm nhà văn trình bày quan điểm.

* *

Nghe đâu số «con nhà văn hóa» được mời có đến năm trăm. Nhưng thỉnh đường trường Quốc-gia Âm-nhạc và Kịch-nghệ sáng hôm ấy chỉ đầy non hai phần ba, phòng chừng ba trăm người có mặt. Phải chăng vì nhằm ngày làm việc ?

Ở các hàng đầu, người ta thấy màu áo chùng đen cạnh màu áo nâu, vàng.

Ông Đỗ-Mậu, thiếu tướng, Phó Thủ tướng đặc trách Văn-hóa Xã-hội lên diễn đàn. Bộ quân phục ông mặc làm

Buổi thuyết trình chuẩn bị Đại hội Văn hóa

vài hàng ghề xi xám : « Giá mà ông Phó Thủ tướng đặc trách Văn-hóa Xã-hội mặc thường phục như chúng ta ! »

Người « quân nhân văn hóa - xã hội » này mở đầu bài diễn văn khai mạc bằng việc cho thỉnh giả biết ông « thấy cần thiết phải nêu lên một vài điểm liên quan đến khối Văn-hóa Xã-hội do ông đảm nhiệm trọng trách điều hành. Cần thiết vì đó là một thứ « danh chính ngôn thuận » : Và ông đặt ra ba thắc mắc mà hẳn đồng bào ai cũng muốn được ông giải đáp.

1. Tại sao một quân nhân như ông lại đứng ra phụ trách ngành Văn hóa ?

(1) Tại trường Quốc gia Âm-nhạc và Kịch-nghệ, 9 giờ 20 phút ngày 19-5-1964.

2. *Khởi Văn hóa Xã-hội trong Chánh phủ Cách mạng hiện tại được quan niệm như thế nào, hay cũng chỉ là một thứ trang trí như dưới thời Ngô triều !*

3. *Khởi Văn-hóa Xã-hội sẽ đóng vai trò gì trong cuộc vận động xây dựng Văn-hóa mới ?*

Ông nói ngay rằng phần việc của ông chỉ là « điều hành », cần hai yếu tố căn bản : nhiệt thành với văn hóa, cùng ý thức được mức quan trọng của văn hóa trong công cuộc đấu tranh và xây dựng đất nước, chớ miền Nam dư nhà văn hóa thừa khả năng trong mỗi bộ môn, nên lãnh trách nhiệm này không phải là ông dám « múa rìu qua mắt thợ » đâu.

Để giải đáp thắc mắc thứ hai, ông bảo rằng thời kỳ mà khởi này (tức khởi Văn-hóa Xã-hội) là một thứ trang trí đã qua rồi vì Chính phủ Cách mạng quan niệm rằng nó được phản ứng để phục vụ nước nhà một cách có hiệu quả. Ông nhấn mạnh : « nếu còn có những người nghĩ rằng văn hóa là thứ công việc văn hóa và mỹ tự của những thời nhàn rỗi, hoặc là công việc của một lớp trưởng giả » thì « những người đó quả đã lạc thời đại ».

Khởi Văn-hóa Xã-hội có nhiệm vụ tạo những điều kiện tinh thần và vật chất thuận tiện cho những hoạt động văn hóa, nghĩa là thiết lập những cơ sở hoạt động văn hóa để « sinh hoạt văn hóa ở miền Nam này bứt ra khỏi tình trạng trệ lạng do chế độ Ngô triều để lại ».

Ông lại hi vọng cuộc vận động xây dựng nền Văn hóa mới ở miền Nam tự do sẽ có ảnh hưởng quan trọng đối với

sinh hoạt văn hóa miền Bắc hiện tại đang bị mác-xít hóa nghĩa là phi dân tộc hóa.

Rút kinh nghiệm ở nguyên nhân thất bại của « sự cấy mạ chủ nghĩa « nhân vị » và sự thất bại của Đại-hội Văn-hóa toàn quốc trước đây trong chế độ cũ, ông thấy rằng :

— Sinh hoạt Văn - hóa có những qui luật riêng không thể bị đồng hóa với sinh hoạt kinh tế.

— Yếu tố căn bản của hoạt động Văn-hóa là sự nhiệt thành.

Rút kinh nghiệm trong những cuộc hội thảo mở rộng từ trước đến nay, ông còn thấy cần phải có « một cuộc chính danh mở đầu cho mọi kiến thiết ».

Nhiệm vụ mà chính phủ Cách mạng đã ủy cho ông là « thiết lập những cơ sở hoạt động văn-hóa, đồng thời xúc tiến một cuộc vận động xây dựng một nền văn hóa mới ». Để thực hiện công việc trên đây, ông đã tiếp xúc với nhiều nhà văn hóa và trong những cuộc tiếp xúc đó, ông nhận thấy có hai quan điểm văn hóa mà ông Phạm-Đình-Ái và ông Đoàn-Thêm sẽ trình bày.

Trước khi nhường lời cho hai thuyết trình viên, Phó Thủ tướng đặc trách Văn hóa Xã hội còn mời từ nay « toàn thể các nhà văn hóa sẽ phát biểu dồi dào và phong phú những ý kiến xây dựng văn hóa » « trên mặt báo, hoặc qua thơ từ, hoặc qua những cuộc tiếp xúc ».

..

Giáo sư Phạm-Đình-Ái, cố vấn Giáo dục tại phủ Phó thủ tướng Văn - hóa

Kinh phí Đại hội, ông dự trù là 395.000đ.

Về phần tổ chức « Viện Văn-hóa Việt-Nam » ông nói sơ qua sự quản trị, và hoạt động. Về mục sau này, ông trình bày năm điểm : thành phần của viện, các bộ môn trong viện (văn học, khoa học kĩ thuật và nghệ thuật), công tác, phương tiện hoạt động, ngân sách.

Nhà khoa học đã kết thúc bài thuyết trình rằng mỗi khi bàn đến việc thiết lập một tổ chức Văn hóa quốc gia, ông lại « nao lòng » về hai triệu bất tường :

1). Giữa thời cực thịnh của chế độ cũ mà họ Ngô cũng không sao thành lập được Hội Văn Hóa Việt-Nam.

2) Một nhật báo gần đây đã « nói gở » rằng có lẽ xem mặt trái của nguyệt cầu còn dễ hơn trông thấy bộ mặt của Viện Hàn lâm V.N.

..

« Trông chừng thấy một văn nhân. »

Người ta không phải nghĩ đến câu thơ này của Nguyễn-Du, khi thấy sau một nhà tướng rần rởi và một nhà khoa học to lớn, một nhà văn (theo lời ghi ở chương trình) nhỏ nhắn, bước lên diễn đàn...

Cũng nên nhắc lại rằng Ô, Đoàn Thêm, trên Bách Khoa số 175 và 176, đã trình bày quan niệm của ông về việc thành lập viện Văn-Hóa Việt Nam và những biện pháp phát triển văn hóa trong trường hợp chưa lập được viện này.

Lên diễn đàn, nhà văn họ Đoàn vội thanh minh ngay : khi tiếp xúc với văn

phòng Phó Thủ tướng đặc trách Văn-hóa Xã-hội, ông được cho hay là ông sẽ cùng vài chục anh em trong gia đình Văn hóa gặp nhau thân mật để trao đổi ý kiến. Vào giờ chót, ông mới biết có buổi thuyết trình long trọng trước hàng mấy trăm người như thế này nên ông chưa chuẩn bị kịp. Nên xin cử tọa lượng thứ nếu ông trình bày quan điểm mình không được rành rẽ, hay có nhiều sơ xuất.

Trước khi góp ý vào đề án của giáo sư Ái ông ghi lại hai nhận xét, nảy ra trong khi nghe ông Ái trình bày.

— Trước hết, ông thấy giáo sư Ái đã ta thán quá nhiều về hiện trạng Văn hóa của ta.

Nhưng điều đó, xin để anh em văn nghệ sĩ lên tiếng trả lời trong Đại hội Văn-hóa sau này.

Theo ý ông thì hiện tình văn hóa của chúng ta trong những năm qua, bi đát thế nào, những người làm công tác văn hóa, không ai là không rõ. Hàng năm, mỗi lần tổng kết tình hình văn học nghệ thuật, là các báo chí đều đã trình bày, phê phán đôi khi rất là khắc nghiệt. Tuy nhiên, ông nghĩ vẫn đề đặt ra lúc này không phải là chỉ trích mà nên nhằm vào giúp đỡ thì hơn. Các nhà văn hóa có lẽ mong đợi ở nhà cầm quyền những sự giúp đỡ thiết thực mà chế độ trước đã không làm, hay không nghĩ tới.

— Sau nữa, ông thấy giáo sư Ái có nhắc đến sự chỉ huy mà theo ông, thì không thể đặt vấn đề chỉ huy văn hóa được. Những người làm văn hóa như

nước, nắm lấy là họ lọt qua tay liền. Hệ chủ trương chỉ huy văn hóa là sẽ gặt lấy thất bại như những nhà cầm quyền trong chế độ cũ. Tóm lại muốn văn hóa có cơ phát triển, lúc này chính quyền chỉ nên đặt chủ trương thật tình giúp đỡ những nhà văn hóa và giúp đỡ họ vô điều kiện.

Về đề án tổ chức Đại-hội Văn hóa ông góp ý như sau :

1) Các nhà Văn-hóa thường tụ tập ở mấy thành phố lớn và Đô-Thành, vậy không nên và cũng không thể có đại diện từng tỉnh như đại biểu nhân dân trong Quốc-Hội.

2) Không nên bàn về vấn đề quá rộng như văn hóa dân tộc. Muốn thiết thực hãy để mỗi ngành, mỗi bộ-môn bày tỏ nhu cầu và nguyện vọng của mình rồi Đại-hội tổng kết, vì theo ông, chính quyền chỉ nên đặt nặng vấn đề giúp đỡ.

Về Viện Văn-hóa, có lẽ vì ý kiến của ông đã được trình bày đầy đủ trên hai số báo nói trên rồi, nên ông không muốn nhắc lại nữa ; ông chỉ nêu lên một số đề nghị mà chúng tôi xin ghi lại mấy điểm chính sau đây :

— Viện Văn-hóa chỉ nên nhằm vào văn hóa nhân bản (nghệ thuật, văn học và khoa học nhân bản). Những khoa học vũ trụ (như hóa học, vật lý, toán học...) đã có Trung-tâm nghiên-cứu khoa-học lập từ năm 1962 phụ trách.

— Ngân sách dự trù 10 triệu ít quá. Muốn giúp đỡ các ngành văn học, nghệ thuật phải xin thêm ít ra là 10 triệu nữa.

— Lương hay phụ cấp các Hội-viên

Sách Mới

Bách-Khoa vừa nhận được các sách sau đây của tác-giả và nhà xuất bản Đại-Nam Văn-Hiến gửi tặng :

— **Truyện người của tình phụ** : tâm truyện kể của Thế-Phong, dày 64 trang.

— **Thơ làm dậy còn người** : tập thơ của Thế-Phong, dày 60 trang, gồm 17 bài thơ chia thành phiên khúc Một (trước 1-11-63) và phiên khúc Hai (sau 1-11-63).

— **Phù-Sinh** : tập thơ, của Lý-Dũng-Tâm, dày trên 20 trang, gồm 23 bài thơ.

— **Đêm đen 20 tuổi** : tập thơ của Vương-Miễn dày 20 trang, gồm 27 bài thơ.

Các sách trên đây đều in ronéo, khổ lớn, loại sách bản thảo của nhà xuất bản Đại-Nam Văn-Hiến.

Trân trọng cảm ơn các tác giả và nhà xuất bản và xin ân cần giới thiệu cùng độc giả thân mến.

nên trả theo ngày làm việc (miễn là tổng số hàng tháng chừng 15 ngàn cho mỗi vị) như trả « jetons de présence » trong Hàn-Lâm-Viện Pháp.

Nếu tài chánh eo hẹp, thì thà đừng lập viện Văn-hóa vội, để dành cả số 10 triệu trên đây cho Văn-Phòng Phó Thủ tướng trực tiếp xử dụng mà giúp đỡ các ngành văn hóa còn hơn.

BA BUỔI THUYẾT TRÌNH

TRONG TUẦN LỄ MỪNG PHẬT ĐẢN 2508

Vụ Văn-Mỹ-Nghệ trong Tổng-vụ Pháp-sự của Giáo hội Phật-giáo Việt-Nam thống nhất có tổ chức tại rạp Thống-Nhất ba buổi thuyết-trình, vào 10 giờ sáng thứ tư 20, thứ sáu 22 và chủ nhật 24 tháng 5.

Buổi đầu, vụ đã nhờ một học giả, ông Nguyễn-Đăng-Thực, Khoa trưởng, Đại học Văn-Khoa, nói về « Phật-giáo với tinh - thần Văn-nghệ Việt-Nam và thế giới ».

Buổi kế, vụ đã cậy thi sĩ Đông-Hồ, chủ nhân Yiễm-Yiễm thư trang, cho thỉnh giả thấy cái « Thiền vị, đạo vị, thi vị trong văn chương Việt-Nam ».

Buổi chót, vụ giao cho thượng tọa Thích-Minh-Châu, Phó Viện trưởng viện Cao đẳng Phật học Việt-Nam, trình bày « Một vài nguyên tắc căn bản cho nền giáo dục Phật-giáo ».

*
* *

I — Phật giáo với tinh thần văn nghệ Việt-Nam và Thế giới (thuyết trình viên : Ông Nguyễn-Đăng-Thực)

Diễn giả cho rằng : « Văn-nghệ cốt ở cảm hứng.» Vì thế mà « muốn cho tác phẩm rung động lòng người sâu rộng, thì cảm hứng cũng phải sâu rộng, mà cảm hứng sâu rộng chỉ có được ở những tâm hồn cởi mở, thanh tao, vô tư và thông cảm ».

Rồi ông tìm cái nguyên lí của cái truyền thống văn nghệ ấy ở trong Nhạc kí của Trung-Hoa và ở trong thơ của người Việt.

Trong Nhạc kí có đoạn mà ông

dịch như sau :

« Văn thơ nói lên cái ý chí, ca hát này lên thanh âm, vũ điệu vận động cái dung mạo. Ba tác dụng ấy căn bản ở tâm, rồi sau nhạc cụ mới tuân theo. Bởi thế mà tình cảm thâm sâu thì văn chương mới sáng lạn, khí lực có dồi dào, tinh thần mới biến hóa, hòa điệu có ấp ủ bên trong thì anh hoa mới phát ra ngoài. »

Trong tường Sãi Vãi của Nguyễn-Cư-Trình :

Thành u trung vị đắc hòa-bình,
Hình tại ngoại bất năng trùng tiết.
mà ông dịch :

Lòng thành thực ở bên trong chưa đạt
tới hòa bình

*Thì hình dáng bên ngoài không thể
trùng tiết điệu.*

Ông nhận thấy cảm hứng vừa sâu rộng vừa cao siêu ở tình yêu hiện thực và đại đồng Phật giáo, ở lòng từ bi bác ái cứu khổ cứu nạn của Phật-Bà Quan-Âm.

Ông nhắc đến ngôi chùa Diên-Hựu, tục gọi là chùa Một-Cột, đã cụ thể hóa hình ảnh Hoa-Sen mọc lên giữa hồ nước, mô tả được nguồn cảm hứng tôn giáo nghệ thuật của dân tộc. Và Hoa-Sen là tượng trưng cho tâm linh Phật giáo. Ở từ xa mà nhìn, thì chùa Một-Cột là tượng trưng cho Hoa-Sen, từ đáy nước ngoi lên và nở trên mặt nước. Văn nghệ bình dân hay bác học cùng lấy cái tượng trưng giàu ý nghĩa này mà làm nguồn cảm hứng để vịnh ngâm :

*Đố ai mà ví như sen
Chung quanh cánh thắm lá chen nhụy
vàng,*

*Nhụy vàng cánh thắm lá xanh
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.*

Và chàng nông phu trong công việc đồng áng vẫn có hình ảnh Hoa-Sen yêu dấu ám ảnh mình :

*Đêm qua tát nước đầu đình,
Bỏ quên cái áo trên cành hoa sen.*

Cái ý nghĩa tượng trưng của Hoa Sen đã là nguồn cảm hứng làm nảy nở ra một tác phẩm văn nghệ hết sức phổ thông, đó là truyện thơ « Quan-Âm Thị-Kính » trong đó ta thấy một tâm hồn chất phác chịu cực và một lòng tin tưởng vào tình mẫu tử. Phật Quan-Âm đã được Việt

hóa. Ông nhắc đến mười lăm câu thơ lục bát trong quyển truyện này mà ông cho là chứa cả cái triết lý Phật Quan Âm, chúng « giải thích cái thế giới hành vi nhân sinh này nguyên từ đâu mà ra, nương tựa vào đâu mà có, và cứu cánh đi về đâu ? ».

Rồi ông kể lại truyện Quan-Âm Thị-Kính, thỉnh thoảng điểm vài câu thơ.

Ông nói :

« Nông dân Việt-Nam chất phác và giàu tình cảm cũng như các nông dân khác, chịu cực chịu khổ, nhẫn nại mà không hay oán thù, trả thù, hiếu khách mà hào hiệp, không tha thiết với tiền của riêng tư, « đo lọ mắm đến củ dưa hành » luôn luôn lạc quan yêu đời, hay tự an ủi vào Trời, Phật, tin ngưỡng thần quyền hay ma thuật, nhưng cũng rất thực tế. Những ý tưởng quá siêu hình trừu tượng của Phật giáo với thuyết Tam Thân đã được thay thế bằng câu chuyện Quan-Âm Thị-Kính, một cô gái bị chồng nhu nhược trong cơn hoảng hốt đổ cho cái tội tày đình, lại gặp cha mẹ chồng yêu con vị kỷ, nghe con đến mù quáng bất nhân, hắt hủi con dâu. Thị-Kính ấy là hình ảnh cô gái trung lưu đất Việt xưa, hoàn toàn nhân nhục, chịu đựng tất cả bất công của xã hội ».

Ông cho « tất cả tâm hồn tín ngưỡng chất phác của nông dân Việt-Nam xưa nay đã kết tinh vào cái tác phẩm văn chương tuyệt diệu

ấy, lấy tượng trưng Hoa Sen làm nguồn cảm hứng.

Văn nghệ bình dân lấy cảm hứng ở Hoa Sen là điều thường thấy, nhưng nó cũng gợi hứng cho nền văn chương và nghệ thuật bác học. Ta đã thấy nghệ thuật Việt đời Lý đã kết tinh vào chùa Một-Cột là hình ảnh Hoa Sen Liên trì. Qua đời Trần, thiền sư Huyền-Quang có bài thơ lấy chùa lịch sử này làm nguồn cảm hứng để mô tả cả một quá trình tâm lý biến chứng trực giác Thiền.

Về đến cuối đời Trần ; trạng nguyên Mạc - Đĩnh - Chi cũng đã mượn tượng trưng Hoa Sen để bày tỏ với nhà vua phẩm giá cao quý của mình trong bài phú « Ngọc tỉnh liên »

...« Khách nhìn chủ, hỏi :

« Quân tử ái liên đây à ? Ta đây
« gìn giữ giống nhi, chẳng quê mùa
« như đào, lí, chẳng đơn lạnh như
« trúc mai, chẳng loài cầu kỉ tăng
« phòng, chẳng cùng mẫu đơn đất
« Lạc, chẳng cúc đông li của Đào-
« Tiềm, chẳng lan cửu uyển của họ
« Khuất. Chính là bậc nhất sen thần,
« nở trên giếng ngọc, tại nóc Hoa-
« Sen tuyệt vời cao ngất.

« Chủ nói « Lạ thay ! Há chẳng
« phải sen này, hoa cao mười
« trượng, cánh cong như thuyền, da
« lạnh như tuyết, vị ngọt như mật.
« xưa từng nghe danh, nay mới
« thấy thật » (...)

Gần đây, cụ Đồ-Chiều lòng nuôi chí lớn, gặp hoàn cảnh trái nghịch,

quốc phá gia vong, tấm thân mù lòa, cũng tìm nguồn cảm hứng Hoa-Sen của Phật để an ủi tuổi già.

*Sen hỡi là sen ! tiếng chẳng hèn,
Thấy sen lỡ vận tiếc cho sen...*

(Dương-Từ — Hà Mậu)

Hoa Sen đã là nguồn cảm hứng chung cho văn nghệ bình dân cũng như bác học, đã mở đường thông cảm và đoàn kết giữa các giai cấp xã hội, bởi vì Hoa Sen là hình ảnh đối tượng hóa cho cái Tâm-Thức Duy Nhất sáng tạo, cho cái Tâm-Linh vừa siêu nhiên vừa hiện thực, đồng nhất mà thiên biến vạn hóa.

Rồi ông trích dẫn kinh Ca-Diếp thi ca của các thiền sư để chứng minh rằng Phật giáo đã ảnh hưởng đậm đà đến tinh thần văn nghệ thế giới.

Kết luận, diễn giả nhắc đến lễ hóa thiêu và bài thơ đề lại của hòa thượng Thích-Quảng-Đức, đề thức tỉnh dân tộc và nhân loại.

..

II — Thiền Vị, Đạo Vị, Thi Vị trong văn chương Việt-Nam (thuyết trình viên : Ô. Đông-Hồ)

« Xưa nay, nói đến Phật giáo, là nói đến khổ hạnh tu hành, trường trai khổ hạnh, có như nói cái gì xa thân, giới cấm. Mà nói đến thi ca, là nói đến lãng mạn, phá giới, có như nói cái gì sống ngoài vòng tu niệm »

« Ấy như thế mà lạ lòng thay, văn chương Việt-Nam đã chịu ảnh hưởng của Phật giáo trong đó không ít về nội dung tín ngưỡng cũng như về hình thức ngoại cảnh »

Sau khi đưa ra nhận xét này, diễn giả mới vào đề bằng cách không thể định nghĩa thế nào là thi ca, là đạo vị, là thi vị được.

Ta hãy nghe tác giả « *Trình trướng* » nói vì sao.

Vì làm sao mà định nghĩa cho rõ ràng được một cái gì như có hình có sắc, như nhìn thấy được, bắt lấy được, mà lại cũng như không có màu sắc phân minh, không có bóng hình nhất định, mắt không nhìn thấy, tai không nghe thấy, mà lạ lòng thay nó vẫn có đó, nó phảng phất quanh quần đầu đây, nó lảng vảng vờn vờn trong tâm trí, như làn khói trầm hương từ ngàn xa bát ngát, như tiếng hồng chung vọng giữa đêm thanh tĩnh thâm trường.

« Làm sao mà định nghĩa được cho rõ ràng cái gì nó đã xâm chiếm tâm hồn ta, có lẽ đã lâu lắm rồi, từ thuở nào mà ta không biết. Nó đã tập nhiễm cho ta thành nếp tư tưởng suy tư mà ta không dè. Nó đã khiến cho lòng ta yêu thích, một thứ yêu thích không đắm đuối hẳn mà chỉ có một chút say mê, không quyền luyến lắm mà sao không rời bỏ được. Mùi trầm hương đó, tiếng hồng chung đó hình như nhắc cho ta nhớ nhưng một tiền kiếp chân thâm từ nghìn xưa sâu thẳm. Nếu chúng ta là thi nhân, mà lại không thể trở thành thi nhân trong thời khắc

huyền ảo thần tiên như vậy ; tự nhiên là sẽ cất tiếng ngâm nga, đề nói lên nỗi niềm cảm xúc. Bấy giờ, thơ chúng ta đã có trộn lẫn mùi thiền và mùi đạo ít nhiều trong đó mà chúng ta không dè nữa ».

Nghĩ rằng *Quan-Âm Thị-Kính* và chuyện *Vu-lan-bồn* (tức chuyện *Mục-Kiều-Liên*) là Phật truyện diễn ca, được coi như là hai bản kinh, nên diễn giả xin không nói đến.

Và bắt đầu, ông dẫn *Cung oán ngâm khúc*, một ngâm khúc mà tác giả nó, *Ôn-Như-Hầu* Nguyễn-Gia-Thiều xây dựng bằng học thuyết nhà Phật.

Ông đọc một đoạn dài và hỏi thính giả có phải y như nghe một đoạn thuyết về sinh, lão, bệnh, tử, về căn quả nhân duyên, mà trong đó có hàm chứa biết bao thi vị. Và cả ngâm khúc này đã khéo thi vị hóa triết lý nhà Phật, « khiến cho đạo lý cũng uyển chuyển nhẹ nhàng linh động theo tiếng nói của văn chương. »

Đến truyện diễn ca rất phổ biến trong dân gian là *Bạch-Viên Tôn-Các*, chuyện kì ngộ giữa đôi kiếp tiên xuống trần làm một thực nữ tu hành và một Nho sinh phóng đạt.

Thời Lê-Trịnh, một tác giả khuyết danh cũng lấy cốt truyện này mà làm thành bản truyện « *Lâm tuyền kỳ ngộ* », làm lối thơ bát cú thất ngôn. Diễn giả có trích mấy đoạn để chứng minh tác phẩm này bằng bạc một khí vị hư ảo u huyền, siêu phàm thoát tục ;

— Gió trúc đưa hương dâng bệ Phật
Cầm thông dọn kệ nức am tuyền
Nước non quyến khách sang mùi đạo
Hoa cỏ đưa tăng tới cửa thiền.

— Gió thu đèn nguyệt kia là bạn
Cửa quế rừng xuân nguyệt ấy nhà
Trái ánh non xanh muôn dặm cách
Trông chừng am cả mấy ngàn xa.

Đã nói đến Lâm tuyền kì ngộ, thì phải nhắc đến một chuyện kì ngộ khác: Bích-Câu kì ngộ, một câu chuyện hoàn toàn Việt xảy ra trên đất Việt, kể lại cái duyên gặp gỡ lạ lùng, giữa một tiên nữ đa tình và một thư sinh lãng mạn.

Thành Tây có cảnh Bích-Câu.
Cỏ hoa góp lại một bầu xinh sao
Đưa chen thu cúc xuân đào
Lựu phun lửa hạ mai chào gió đông
Xanh xanh dãy liễu ngàn thông
Cỏ lan lối mực rêu phong dấu tiều
Một vùng non nước quỳnh dao
Phất phơ gió trúc dập dờn mưa hoa,

Độc đến đoạn người tục ngóng theo khách tiên trong khi « hương trầm còn thoảng », diễn giả xin phép thỉnh giả nhắc lại một chuyện vui vui ngày nọ: say đắm văn chương, danh lam thắng cảnh, đọc truyện Từ-Thức, Bích-Câu, lòng đinh ninh hễ đến hội chùa thì gặp những nàng tiên đẹp giáng trần, nên đã có lúc say mê hội chùa. Và diễn giả hỏi « không biết các cậu thư sinh bây giờ có những mơ ước ngày thơ và nên thơ đó nữa không ».

Truyện Phan-Trần, bạo dạn hơn, phàm tục hơn Bích-Câu kì ngộ, nên

thiên vị đã mất mà thi vị cũng không còn nữa, cho nên ông không muốn trích dẫn truyện này « trong dịp khánh đản hôm nay ».

Đền Truyện-Kiều : Nguyễn-Du đã xây dựng tác phẩm của mình trên nền triết lí giản dị phổ thông của Phật giáo. Tổ-Như đã cho nàng Thúy-Kiều sống trong nếp tin tưởng đó. « Bất kì lúc nào, nàng Kiều cũng thấy mình bị bao vây bằng một vòng lưới tức khiên, nghiệp chướng không thoát được, rồi lại cũng nhờ đưa vào nhân quả nghiệp duyên đó mà sống, mặc dầu sống trong kiếp yên hoa luân lạc. »

Diễn giả cho rằng nàng Kiều không phải sống với Kim-Trọng, với Thúc-Sinh, mà với hai nhân vật nhà Phật, đó là hồn ma Đạm-Tiên và sư bà Giác-Duyên. Hễ mỗi lần đời nàng gặp khó khăn, thì hai nhân vật đó xuất hiện để chỉ đường vạch lối.

Đoạn trường tân thanh, theo Đông-Hồ, là cả một « thiên tình sử » thi vị lúc nào cũng chứa chan thiên vị. Rồi diễn giả chứng minh bắt đầu từ hội Đạp-thanh trong tiết Thanh minh, lúc bóng xế chiều tà, nặng nề âm khí. Rồi đến cảnh Quan-Âm các, Phật tính trong lòng Hoạn-Thư đã khiến nàng động mối từ tâm, tỏ ra độ lượng với nàng để sau khi ở « dưới cờ gương tuốt » tưởng nàng phải chịu cảnh máu đổ thịt rơi, nàng chỉ nhắc có một câu :

Nghĩ cho khi các chép kinh thì tức khắc được tha ngay.

Người dân dù « dễ có mấy tay ấy đã gây cho mình một cái quả tốt ở chốn chép kinh, khi tình địch là « kiến bò miệng chén ».

Diễn giả nhắc đến Sơ kinh tân trang của Phồ-Chiêu thiền sư, tức Chiêu-Li Phạm-Thái. « Tác giả là một thiền sư lãng mạn; tự nhiên bản-thân tác phẩm phải là một thiên Phật truyện nên thơ và đầy đủ Phật pháp, Phật sự hơn hết. » Diễn giả xin phép lướt qua vì dài dòng không đủ đề cập.

Xét các áng văn chương trường thiên xong, diễn giả nói đến các thi văn khác chan chứa mùi đạo, mùi thiền.

Nam thiên đệ nhất động, tức chùa Hương được rất nhiều nhà thơ đề vịnh : Lê-Thánh-Tông, Vũ-Phạm-Hàm, Chu-Mạnh-Trình.

*Thỏ thẻ rừng mai chim cúng trái
Lững lơ khề suối cá nghe kinh
Thoảng bên tai một tiếng chày kinh
Khách tang hải giật mình trong giấc
mộng...*

Cảnh thanh tịnh yên lành chốn thiền môn gây nên nguồn thi hứng êm đềm. Nhắc đến chùa Hương, ai mà chẳng nhớ bài *Chơi chùa Hương* của Nguyễn-Nhược-Pháp đã được phổ nhạc :

*Hôm nay đi chùa Hương
Hoa cỏ mờ hơi sương*

*.....
Réo rắt suối đưa quanh
Ven bờ ngọn núi xanh
Dịp cầu xa nhỏ nhỏ
Cảnh đẹp gần như tranh*

*Đường đây kia lên trời
Ngọc nhuộm hương trầm rơi*

...
*Em cầu xin Trời Phật
Sao cho em lấy chàng*

Thời Lí, thời Trần là hai triều đại mà Phật giáo ở nước ta cực thịnh, được coi là quốc giáo, văn chương hai thời ấy toàn là văn chương Hán-học cao thâm, phải dịch âm dịch nghĩa từng chữ, diễn dẫn diễn tích nhiều lắm mới hiểu được; điều này không thích hợp với buổi nói chuyện có tính cách phổ thông, nên diễn giả xin không nói đến, mà tạm ghé vào thời Lê.

Nói ghé vào thời Lê nhưng diễn giả lại vào chùa Long-Giáng, nơi Khái-Hưng mượn làm bối cảnh cho *Hồn bướm mơ tiên*.

Và Khái-Hưng đã mượn bốn câu của một bài thơ Nôm trong một thi thoại thời Hồng-Đức xảy ra ở chùa Ngọc-Hồ :

*Gió thông đưa kệ tan niềm tục
Hồn bướm mơ tiên lẫn sự đời.*

Sau khi kể thi thoại giữa Lê-Thánh-Tông, nguyên súy Tao Đàn Thân-Nhân-Trung và tiểu nữ chùa Ngọc-Hồ, diễn giả nói :

« Biết như vậy rồi, chúng ta mới thấy ngọn « *Gió thông đưa kệ* » ở chùa Ngọc-Hồ từ đời Lê-Hồng-Đức thổi lộng trong thời gian, thoang thoang mãi không ngừng, cho đến hôm nào đây hóa thành cơn gió chiều khả ái : « *Gió chiều hiu hiu... lá rụng* » ở bên chùa Long-Giáng, mà khi đón lấy, chúng ta thấy mát mẻ dịu dịu tâm hồn. Ngọn gió đó đã thổi

hồn đạo và hồn thơ lan truyền vào hồn dân tộc. »

Nói đến thiền vị, đạo vị, diễn giả muốn tìm một cái gì để cụ thể hóa hai danh từ trừu tượng này. Tiếng chuông chùa ngân nga bỗng từ đâu vắng vắng lại giúp diễn giả.

Rồi diễn giả kể tiếng chuông dội vào tâm hồn và cảm hứng của thi nhân. Thi sử được lật ra, và thi thoại bến Phong-Kiều, chùa Hàn-San được kể tỉ mỉ, nên thơ.

*Trăng tà, tiếng quạ, đêm sương
Lửa chài le lói sầu vương giắc hồ
Thuyền ai đậu bến Cô-Tô
Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa
Hàn-San.*

(Nguyên văn :

Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên
Giang phong ngư hỏa đối sầu
miên
Cô-Tô thành ngoại Hàn-San tự
Đạ bán chung thanh đảo khách
thuyền).

Diễn giả kể thêm một thi thoại về đời Nguyễn, đời Minh - Mạng.

Nhắc chuyện xưa, ta có, Tàu có, diễn giả muốn nói một chuyện gần gũi chúng ta để tiêu biểu cho câu chuyện, mà tìm từ lâu chưa được, may sao một cảnh xảy ra trước mắt :

Đó là cảnh công viên Tao-Đàn — một tên tiền đình — trong mấy hôm nay, Ban Văn-Mĩ-Nghệ của viện Hóa đạo mượn khu viên đình trong vườn làm khu triển lãm, văn mĩ nghệ liên quan về Phật - giáo. Hằng hà sa số Phật tử chúng sanh

gần xa nô nức về xem. Và

« Gian kia bài thơ, gian này câu đối, không câu đối bài thơ thì hội họa, điêu khắc, tranh ảnh, mỗi mỗi đều tượng trưng cho một cái gì rất nên thơ và cũng đều diễn tả cho một đề tài chung là Thiền và Đạo. Tất cả đều phối hợp hòa đồng với nhau làm thành một bài thơ trường thiên hàm chứa bao nhiêu thiền vị và đạo vị. Vườn Tao-Đàn bỗng trở thành một hội Vô già, như hội Vô già trong chuyện Bích-Câu chẳng hạn ».

Rồi diễn giả thông dong kết :

« Thơ có câu :

*Nhân qua trúc viện phùng tăng
thoại.*

Hựu đắc phù sinh bán nhật nhàn.

« Nghĩa rằng.

« Nhân tình cò qua nơi viện trúc, cùng nhà sư nói chuyện chơi, cũng hưởng được nửa ngày nhàn, trong cõi phù sinh.

(Rồi ông ngâm :

*Hầu chuyện nhà sư trong viện trúc
Phù sinh hưởng tạm nửa ngày nhàn*

« Diễn giả không phải là tăng già, cũng không phải là Phật tử, diễn đàn cũng không phải là thiền phòng trúc viện nhưng mà chúng ta được chút nhân duyên gặp gỡ vài giờ đàm đạo năm ba câu chuyện thi vị trong thiền gia. Tôi dám ước mong diễn giả cũng như chính giả, chúng ta hôm nay đều trút được giấy lát nổi tục lụy phù sinh, trong cõi hôn hôn túy mộng,

« Và xin chấp tay cảm ơn liệt vị. »

..

III — Một vài nguyên tắc căn bản cho nền giáo dục Phật giáo (thuyết trình viên : Thượng tọa Thích-Minh-Châu)

Diễn giả phác họa tình trạng vô cùng bi đát mà chúng ta hiện sống. Tiếng súng chưa dứt trên đất nước chúng ta sau hai chục năm máu lửa đem lại hậu quả : thế hệ thanh niên hầu mất hẳn tin tưởng.

Họ không tin tưởng ở giá trị tinh thần nào ở đảng phái chính trị, các học thuyết, các chủ nghĩa, cả đến các tôn giáo.

« Vì đâu đâu họ cũng có cảm giác như bị lường gạt phỉnh phờ, chỗ nào họ cũng thấy họ là nạn nhân của những chế độ bất công, gian ác. »

Do đó, một số trở nên truy lạc, một số khá hơn sống ngày nào hay ngày ấy.

Theo diễn giả, thì thế hệ thanh niên hiện nay là những nạn nhân đáng thương kính hơn là những tội nhân đáng trách phạt. Một biện pháp thích ứng là mối lo chung cho những ai nghĩ đến vận mệnh nước nhà, tương lai của tuổi trẻ. Như tuần lễ Phật đản, diễn giả xin trình bày một vài nguyên tắc căn bản cho nền giáo dục Phật giáo và những phương pháp căn phái áp dụng để giáo dục thanh thiếu nhi dựa trên giáo lý của Phật-Đà, hầu mong

đóng góp một phần nhỏ mọn nào vào công trình xây dựng một nền giáo dục cho hiện tại và tương lai.

Diễn giả đưa ra nguyên tắc căn bản đầu tiên.

« Trước hết, một nền giáo dục cần thiết cho giai đoạn hiện tại là một nền giáo dục có thể tẩy sạch những kiến thức giáo điều, những suy tư cố chấp đã « nhồi sọ » tâm trí thanh niên và biến họ thành những công cụ của đảng phái của giáo điều. »

Diễn giả nghĩ rằng đạo Phật với thái độ nhận thức phóng khoáng, tự do, với sự tôn trọng lý trí và nhận xét cá nhân sẽ là nền giáo dục đem lại cho thanh thiếu nhi một thái độ phóng khoáng và rộng rãi.

Ông nhắc lại lời giải đáp của Đức Phật khi các hoàng tử xứ Kalama đến bạch Phật rằng các người ngoại đạo đều cho giáo lý của họ là chân chính, và các sa môn họ Thích cũng cho giáo lý của đức Phật là chân chính, làm các hoàng tử không biết tin theo ai :

« Này các hoàng tử Kalama ! Đừng công nhận điều gì vì đó là do truyền thống đem lại. Đừng công nhận điều gì bắt nguồn từ những tin đồn. Đừng công nhận điều gì vì điều ấy xứng hợp với giáo điều của mình. Đừng công nhận điều gì vì do tưởng tượng hay suy đoán đem lại. Đừng công nhận điều gì vì điều ấy mình ưa thích, Đừng công nhận điều gì vì điều ấy xứng hợp với chủ thuyết của mình. Đừng công

nhận điều gì chỉ vì điều ấy do một vị có danh vọng tuyên bố. Đừng công nhận điều gì chỉ vì điều ấy do một người được mọi người kính trọng đứng lên tuyên bố. Nay các hoàng tử Kalama ! chỉ khi nào các người tự biết rằng những công việc ấy là bất thiện là đáng chê trách, những việc ấy sẽ bị người thức giả phê bình, những việc ấy nếu chấp nhận và thực hành theo sẽ đem lại sự đổ vỡ và đau khổ thời các người hãy bác bỏ những điều ấy. Nay các hoàng tử Kalama ! Khi các người tự biết rằng những việc ấy là thiện, những việc ấy không bị chê trách những việc ấy được thức giả tán thành, những việc ấy khi chấp nhận và thực hành sẽ đem lại an lạc và hạnh phúc, thời các người hãy hành sự đúng theo những điều ấy ! »

Rồi diễn giả cho ta thấy đức Phật là người giáo chủ đã can đảm và sáng suốt khuyên đệ tử chớ có bám chặt vào giáo lý của Ngài.

Nếu thanh niên mà nhận chân được tinh thần phóng khoáng của đạo Phật, thì tự nhiên họ sẽ cảm thấy đời không chật hẹp, tù túng mà yêu chuộng tự do bình đẳng tôn giáo và công bằng xã hội, thì họ mới có can đảm, chí quả quyết hi sinh tất cả để bảo vệ những tự do căn bản của mọi người.

Nhận xét thứ hai là thanh niên ngày nay hay chán nản thất vọng : họ không nhận chân được hoàn cảnh họ đang sống, sự thật của những khả năng thiện ác của con người. Thực tại lại quá phũ phàng, nên từ thất vọng, chán nản, họ trở thành liêu lĩnh, uất ức, mất tin

Sách Mới

Bách-Khoa đã nhận được :

— **Muốn hiểu chính trị,** của Hồ-Hữu-Tường, do Huệ-Minh xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 64 trang, in lần thứ ba, giá 18đ.

— **Kế thế,** đã sử tiểu thuyết hóa của Hồ-Hữu-Tường do Huệ-Minh xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 68 trang, giá 18đ.

— **Sử ký Tư-Mã-Thiên,** bản dịch của Nhượng-Tống, do nhà sách Khai-Trí ấn hành và gửi tặng. Sách dày 328 trang, bản đặc biệt giá 200đ. (Bản thường : 125đ.)

— **Triết-văn trích dịch,** Luận lý học, do Trịnh-Huy-Tiến và Bùi-Hữu-Sùng dịch, viện Đại-Học Huế xuất bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày 790 trang, gồm 11 chương ; phần Pháp-ngữ và phần Việt-ngữ đối chiếu giúp ích rất nhiều cho độc giả ; giá 90đ.

— **Phán tiên bản xứ,** tập thơ của Thiết-Tổ do Giao-Điền xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày trên 40 trang, in ronéo khổ lớn, gồm 23 bài thơ, không ghi giá bán.

Trân trọng cảm ơn các tác giả, nhà xuất bản và xin ân cần giới thiệu cùng độc giả thân mến.

tưởng ở cấp chỉ huy mà trước đó họ thần thánh hóa.

Đức Phật khi dạy rằng sinh là khổ già là khổ, chết là khổ không phải đưa ra một lý thuyết tiêu cực, mà nói lên một sự thật trần truồng đang đi lên kiếp sống con người. Rồi Ngài tìm ra nguyên nhân cái khổ, cách diệt nó, đưa ra con đường chánh tám ngành để đến nơi an tĩnh niết bàn. Thanh niên khi đã hiểu thế, sẽ khỏi thất vọng chán nản, tức tối khi trực tiếp va chạm với những cái xấu xa, chua xót (đời của mình cũng như đời của người). Mà đến say trong truy hoan, nuôi nấng lòng tham, là làm khổ cho mình, cho gia đình, cho đất nước. Hạnh phúc giả tạm do dục vọng đem lại nhất thời chứa bao nguy hiểm, sánh sao bằng niềm hạnh phúc thiết thực, chân chính, cao đẹp dành cho những tâm hồn trong trắng, vị tha một niềm hạnh phúc thanh tao có thể thực hiện ở đời hiện tại.

Thanh niên ngày nay đau khổ vì thiếu phương châm hành động.

Một nền giáo dục thích hợp phải có những nguyên tắc hành động thiết thực, những hướng đi chắc chắn. Đạo Phật và giáo lý nhân quả, nghiệp báo, với tình thương rộng lớn, với trọng tâm nhắm vào tự lực, có thể giúp thanh niên thỏa mãn nhu cầu này. Bởi họ sẽ thấy chính tự mình mới định đoạt lấy đời sống mình, định đoạt vận mạng quốc gia mình chính tự mình hoàn toàn chịu trách nhiệm về mình. Mà cuộc đời đã là một chuỗi dài vô tận từ quá khứ đến hiện tại, từ hiện tại đến tương lai, thì ta có tự tử

cũng chẳng giải quyết được gì. « Hiểu rằng hết cuộc đời này còn có nhiều cuộc đời khác đang chờ đợi, hiểu rằng những hành vi sẽ đi theo chúng ta như bóng với hình, thì thanh niên sẽ nhận thấy rằng cần phải nỗ lực để giải quyết những khuyết điểm hiện tại cần phải chú trọng đến sự cải thiện tâm thần vì chỉ có sức mạnh của hành động mới đem lại kết quả thật sự ».

Sau khi trình bày một vài nguyên tắc căn bản để xây dựng một nền giáo dục Phật giáo diễn giả đề cập vài phương pháp tu hành trong đạo Phật có thể đem ra áp dụng trong sự giáo dục thanh thiếu nhi.

Đó là : *giới định tuệ*.

Giới sẽ giúp cho thanh niên điều phục thân tâm và xây dựng các thiện pháp.

Định sẽ giúp thanh niên tập trung tư tưởng và khiến tâm khỏi tán loạn.

Tuệ sẽ giúp thanh niên có những tư kiến chân chánh, những suy tư chân

CHIA BUỒN

Được tin cụ Bà An-Việt-Kính hiểu mẫu của bạn Trần-Phong-Giao đã tạ thế tại Đà-Nẵng ngày 8-5-64, toàn thể anh em tòa-soạn Bách-Khoa trân trọng chia buồn cùng bạn Trần-Phong-Giao và tang quyến và thành kính cầu chúc Cụ Bà sớm tiêu điều miền cực lạc.

chánh, nhận hiểu được bản tánh vô thường vô ngã của vạn vật.

Giới định tuệ được áp dụng trong con đường trung đạo. Diễn giả kết-luận sau khi nói về con đường chánh tám ngành, sáu phép hòa kính và bốn nhiếp pháp.

« Trong tình trạng hiện tại, khi mà thanh niên mất cả tin tưởng, thời sự cần thiết của nền giáo dục là gây lại lòng tin ấy cho thanh niên, tin ở mình, tin ở dân tộc mình, tin ở tương lai, ở

tổ quốc, tin ở giá trị tinh thần đạo đức. Nếu chúng ta không thể đem lại tinh thần ấy cho thanh niên, thì bao nhiêu sự giáo dục của chúng ta có thể nói là vô hiệu, và chúng ta đắc tội với thanh niên, đắc tội với tổ quốc chúng ta. Chúng tôi tin tưởng rằng đạo Phật với một giáo lí cởi mở, với đạo lí từ bi nhơn quả, có thể làm sống dậy lòng tin tưởng ấy với thanh niên . . . »

NGUYỄN-NGU-Í phụ trách

Đã có bán

TIN SÁCH số 22

Quốc-Chính : Nhận xét về Sách dịch năm 1963, Y-Phương, Uyên-Uyên, Cô Phương-Thảo, Nguyễn đọc : Bơ-Vơ của Minh-Đức Hoài-Trinh, Hồi Chuông Tắt Lửa của Thế-Nguyên, Lược Khảo Văn Học của Nguyễn-Văn-Trung, Nai của Trần-Tuấn-Kiệt.

2 tác phẩm

do tạp chí VĂN-NGHỆ xuất bản

● HÓA THÂN

thơ Viên-Linh

● GIA TÀI NGƯỜI MẸ

truyện Dương-Nghiêm-Mậu

PHÁT HÀNH ĐẦU THÁNG NÀY

Nhà xuất bản NGÔN-NGŨ

đã phát hành :

THƠ NGUYỄN SA

TIẾNG NÓI

CỦA TÌNH YÊU ĐAM MÊ

ĐÃ RA :

CHUYỆN BÉ PHƯƠNG

tác phẩm thứ tám của NHẬT-TIẾN

Truyện dài ghi lại những biến-cổ tươi sáng và cảm động trong một cô nhi viện

200 trang — giá 45đ.

NGÀY-NAY xuất bản

KHAI-TRÍ phát hành

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

S. A. au capital de : 120.000.000 F.F.
Siège social : 16 Bd des Italiens-Paris 9^e

SAIGON

36 Rue Tôn-Thất-Đạm
Téléphone : 24.002 — 3 Lignes
135 *Đại-lộ Nguyễn - Huệ*
(Immeuble TAX)
Téléphone : 22.707 — B.P. No E-5

PHNOM-PENH

Moha Vithei Preah Bat Norodom
(ex Doudart de Lagrée)
Téléphones : 385 et 48
B.P. 122

SUCCURSALE DE HONGKONG

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601
P.O. Box no 763

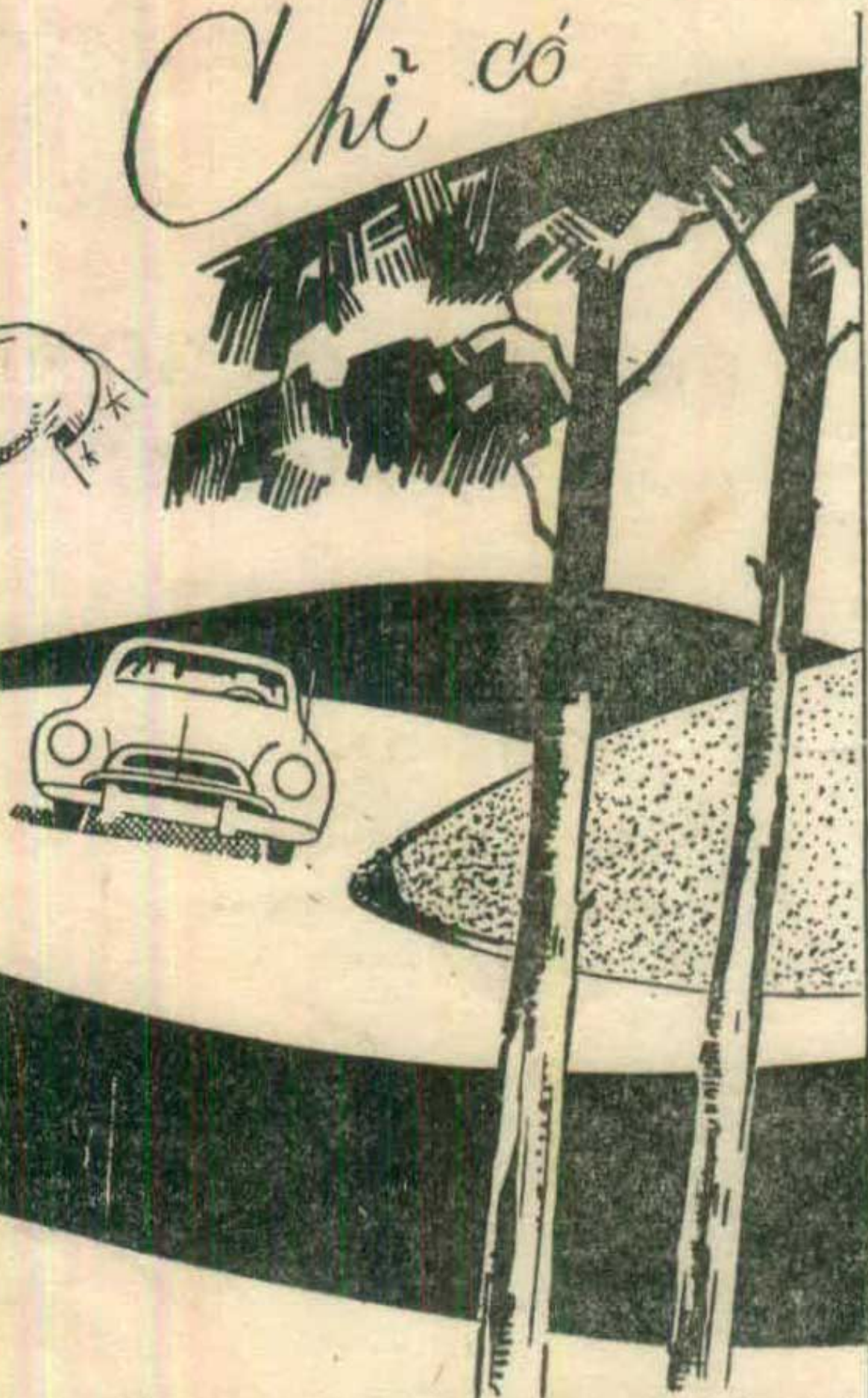
La B.N.C.I. et ses filiales possèdent plus de 1.350 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F. A.E.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Liban : (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba : (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kane, Ebute Matta Batta (British and French Bank) ; à Bahia (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc).

TRONG GIA-ĐÌNH ÈM-ÀM

HAY TRÊN ĐƯỜNG XA

KHÁT MỆT

Chỉ có



NUỐC-NGỌT "CON-CỌP"



Chai **"HÒA TIỀN"!**

COTAB



Cigarettes

VIRGINIE